

DƯƠNG SỰ THỦY MẠT (Tiếp theo) (Bản dịch)

Năm Tỵ Đức thứ 36 (Quý Mùi, 1883), mùa xuân, tháng Giêng

Pháp phái từ Ninh Bình đến động Từ Thức [huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hóa] vắng cảnh. Tỉnh thần tâu lên. Vua sai tư cho tỉnh Ninh Bình lần sau họ có đi như thế, nên khéo nói để ngăn lại.

Nguyên thấy binh thuyền Pháp đến thêm nhiều, mà bên Thanh mới phái đến hiện chỉ có ba doanh, đi lại thăm dò. Trương Quang Đản dâng sớ nói: Pháp phái tăng thêm binh thuyền sẵn vào ngặt hơn trước, bên ta há điềm nhiên chịu thế, mà đợi người Khách ở xa đến à? Việc binh cũng chậm mất. Nghĩ cần chỉnh đốn ngay những thứ ứng chiến, ngõ hầu mới tránh được lâm sự bó tay. Xin mật sắc cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm điều ngay Lưu Vĩnh Phúc đưa đoàn về Sơn họp trú, hậu thêm quân. Chuẩn Lương Đình Tú sung làm Tiểu sứ Cao, Thái, chiêu mộ một nghìn quân cứng mạnh, chuyển xuống đóng trấn áp chỗ giáp giới [88b] Bắc, Thái, làm cho họ thu mạnh lui về càng tốt. Ví có gây khích ở Nam, Bình do Kinh lược Nguyễn Chính đốc hai tỉnh xem xét cơ sự mà chống giữ, Phó kinh lược Bùi Ân Niên thương đồng với tỉnh Đông đem quân đến đánh Hải Phòng của họ, hai đạo Sơn, Bắc tùy thế đánh giáp. Tỉnh nào có việc, mọi tỉnh cũng đều làm như thế. Lại xin văn từ bố chính, võ từ đề lãnh trở xuống, như có người nào nhút nhát ngăn trở, chuẩn cho Tỉnh biên kinh lược chánh phó sứ trích tên ra, cùm lại tham tấu lên, hay đem chém, để nghiêm quân lệnh. Vua theo, nhân chỉ thị xuống cho rằng: Quyền nguyên sớ tới việc thích đáng tùy mà làm, không thể vạch đại khái ra cả. Cầu được việc mà thôi.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên, đốc thần Bắc Ninh Trương Quang Đản cho hạt Bắc cùng với Đồn Thủy của Pháp bách cận quá, mật tư tỉnh Lạng thương lượng với Hoàng Quế Lan chọn phái đến 1, 2 doanh phụ trú ở tỉnh Bắc, [89a] Lương Quy Chính, Nguyễn Cao, Trần Xuân Soạn ở đồn Nhã Nam lượng trích ra số quân thứ và toán dũng Cao, Lạng về tỉnh chia ra đóng giữ. Ân Niên xin vẫn lưu lại đóng ở tỉnh Bắc trấn áp cùng với Quang Đản trừ liệu công việc phòng bị. Vua thấy tỉnh Bắc hiện tại ở tỉnh thứ đã có nhiều người, mà tỉnh Đông là nơi xung yếu, chưa có ai bàn bạc giúp, bèn khiến Ân Niên chọn nghiêm đóng chỗ nào trung độ, lâm cơ có thể tùy ứng, tiện bàn với kinh lược thống đốc châm trước ứng phó, cốt cho kịp việc.

Ghi chú của Ban biên tập: Chú thích cuối trang của người dịch. Các chú thích bổ sung của Ban biên tập có ghi thêm chữ BT. Các số Ả Rập đặt trong dấu ngoặc vuông [] là số trang nguyên văn do chúng tôi thêm vào để tiện tham khảo. BT.

Tháng Hai, tinh thần Hà Nội tâu nói ở tỉnh thành quân Pháp chưa rút, hơi động là bị bó buộc trói tay, xin cần tính lối khác khéo xử, ngõ hầu gặp việc mới đối phó kịp. Vua nói: Hà Nội bỏ cả thành cũ để mặc chúng hoành hành, mà đóng cả ở đây thì cũng quần bách, nên cùng nhau thương lượng chia giao đi nơi khác. Còn thừa thì lưu lại ở trong tỉnh thành tùy cơ cho làm việc khác [89b].

Đốc thần Định, Yên Vũ Trọng Bình tâu dò thấy quân Pháp đóng thêm ở Hải Dương 500 tên, đóng thêm Hà Nội hơn 1.000 tên. Vua mật dụ rằng: Tuân chỉ thị mà làm việc cho khéo. Chớ có tự hoang mang rối chí.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên xin chiêu mộ lính khỏe mạnh, tinh tráng chọn lấy 1.000 chi lương, để sai phái đi. Vua cho.

Thự lý thông thương đại thần nước Thanh Lý Hồng Chương đưa thư đến hỏi việc nước Pháp [trước đã từng đánh điện giục, sau đây lại gửi tiếp thư nói: “Việc quý quốc với nước Pháp giao thiệp, bản thư về (Thiên) Tân, xem việc sau lại có phong văn, đã chuẩn cho bộ Lộ Lương Quảng sao bảo quý quốc, trước sau đủ thư gửi sang, gặp Pháp quốc trú Hoa cử công sứ đến Tân, đối diện hỏi và thương lượng, nghĩ nên bàn bạc thỏa đáng tìm đường lối tốt có lợi cả hai nước. Duy Nam Bắc cách xa quá chưa rõ hiện tình như thế nào. Quý quốc là phen giậu của Thiên triều đã hơn hai trăm năm rất là cung thuận. Tổng lý Các quốc sự vụ Vương đại nhân và bản thư gặp việc quan hệ đến, thâm ý nguyện khu xử giúp cho thỏa đáng, vậy nay y theo tin điện trước phái ngay đại thần đến Tân để mật hỏi cặn kẽ, tiện xem xét rõ cơ sự đặt phép điều đình với công sứ nước Pháp”]. Sai làm thư đáp lại. [Thư nói đã sai sứ có đủ thư nêu rõ các khoản, lại nói cả mọi tình tiết quân Pháp đưa thêm binh thuyền đến nói là để hết sức làm xong việc Lưu đoàn, để thông thương Vân Nam, và bắt Nam quốc chịu họ bảo hộ, và làm đồn kho ở Hà Nội, Hải Dương, xin chuyển lên các nha môn Tổng lý rõ xem xét cơ sự khu xử giúp, cho họ phải nghe theo rút lui].

Đốc thần Định, Yên Vũ Trọng Bình lại xin lấp ngăn đường sông. Vua nói: [90a] Trước vì họ mới giao trả Hà thành, hòa chiến chưa định, không thể không triệt phá đi. Nay họ đã thêm binh thuyền thì kế sách của mọi tỉnh tự bảo vệ không thể để chậm. Vậy Nam Định, Hưng Yên, Ninh Bình có đường nhỏ, sông nhỏ thẳng đến tỉnh thành, thế có thể lập phòng thì cho được làm ngay, tất kiên cố được.

Pháp phái tàu binh đánh tỉnh thành Nam Định [ngày 18]. Tinh thần chia quân chống lại. Người Pháp bắn suốt ngày nhưng không thể hạ được thành. Ngày hôm sau, thuyền Pháp theo sông Vị Hoàng nổ súng bắn vào thành, còn quân bộ sẵn vào cửa Đông. Tổng đốc Vũ Trọng Bình, Bố chính Đồng Sĩ Vịnh ở trong thành ngăn giữ. Đề đốc Lê Văn Diêm, Án sát Hồ Bá Ôn ra ngoài thành đánh quyết liệt với giặc, cầm cự được từ giờ Mão đến giờ Ngọ. Lúc ấy Kinh lược Nguyễn Chính đóng ở xã Đặng Xá (huyện Mỹ

Lộc) không đến viện. Lê Diêm bị trận vong. Bá Ôn bị thương. Quan quân tan vỡ. Thành bèn hãm. [90b] Việc tâu về. Vua nói: Chúng mưu tính lấy hạt (Nam) Định, các người đã biết rõ ẩn tình, từ lâu trù liệu phòng bị, lại đã chuẩn cho Kinh lược Nguyễn Chính đem quân đóng cùng nhau mưu giữ. Thế là người mưu sự rất nhiều không phải ví như Hà thành hoảng hốt và lẻ loi trống rỗng, các người chịu ủy trách như thế cho là cửa vua xa muôn dặm ư? Và đợi sẽ cử người đi xét nghĩ [sau giao Kinh lược Nguyễn Chính xét sự trạng phúc tâu].

Khi Pháp phái đem binh thuyền đến quân thứ Nam Định, Bùi Ân Niên, Trương Quang Đản điều động binh dừng các đạo phái đến đóng ở bờ sông các miền Gia Lâm, Văn Giang, Đông Ngàn, tùy thế mà trấn áp, rồi dâng sớ nói: “Hiện nay binh trận mọi đạo đều đã nghiêm chỉnh, nghĩ nên trước tiên khởi sự ở chỗ chúng đóng tại Hà Nội, may nhờ uy phúc nước nhà, có thể sẵn đến nhổ được cái Đồn Thủy của chúng, một thì phái quân chiếm giữ lấy, một nữa thì chọn lấy mấy đạo binh luyện đi nhanh như phép rút đất, xuống cứu viện Nam Định, [91a] ngõ hầu đuổi kịp cơ sự”. Chợt tin tỉnh Nam báo đến, vua nói: “Tình thế tỉnh Nam so với trước đã khác hẳn. Cứ theo Hà Nội báo về, quân Pháp hiện đang mưu quấy rối hạt người, tỉnh người, tướng sĩ binh dũng hiện đã tụ tập đông đủ, như chúng có phạm đến, lập tức sẵn đến tiêu diệt ngay, không để chúng đắc chí, và tự thương lượng với Thống đốc Hoàng Tá Viêm hiệp lực.”

Khâm sứ Pháp trú kinh Lê-na hạ cờ khâm sứ về nước.

Hỏa thuyền Pháp [1 lớn, 1 nhỏ] tiến đến đỗ ở bờ nam cửa Lục, quân Pháp lên núi làm nhà dựng cờ. Vua được tin, sai tỉnh thần tư cho lãnh sự Pháp ở Hải Phòng thương lượng bắt thuyền ấy rút đi ngay không được làm như thế hại cho hòa hảo, chịu trái lỗi.

Viện Thương Bạc tâu xin sai Kinh lược Nguyễn Chính chọn đất nghiêm đóng, và tự thương lượng Thống đốc Hoàng Tá Viêm tùy cơ thu phục thành Nam Định, nghiêm sức thân sĩ phủ huyện đoàn kết dân xã phòng giữ, [91b] buộc bọn giặc giữ chết trong thành, không được lẩn ra, mới có thể tính kế thông thả thực hiện. Vua nói: Trước đến nay thân sĩ đã từng nguyện đoàn kết ứng phó để bảo vệ, sao đến nỗi không mưu toan trước để cho chúng được nhàn rồi, rồi được Lũng lại ngóng Thục, dây dưa lan rộng, khó chống lại, sĩ khí quả đã ngày càng tan rã. Nguyễn Chính đã chuẩn cho chọn chỗ đóng quân làm thanh viện cho tỉnh thần, đến nay cũng không thành công trạng gì, giáng bốn cấp, lưu, tất phải thu phục tỉnh thành mau chóng để chuộc tội trước.

Lấy Chương vệ quyền chương doanh Hùng Nhuệ Tạ Hiện đổi lĩnh Đề đốc Nam Định. Nam Định thất thủ, Tạ Hiện xin gấp đường về ngay, cử kết thân hào, chiêu mộ thủ dũng, thu phục tỉnh thành mong báo ơn trên. Vua chuẩn cho theo đường trạm đi ngay, đổi lĩnh chức ấy.

Quân Pháp sang sông sấn vào chỗ đóng quân ở Gia Lâm khiêu chiến. Hôm ấy [ngày 19], Bắc đốc Trương Quang Đản đem quân đến ngay đồn đốc. Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên cũng đem quân đến theo cùng với quân thứ ở đây [92a] cùng bắn đánh. Quân Pháp lui giữ Dốc Gạch. Sáng sớm hôm sau [ngày 20], Pháp phái thêm quân lại đến. Binh dừng bên Bắc thứ chẹn những chỗ ách yếu nấp bắn, quân Pháp vừa đánh vừa lui. Đến chiều, quân Pháp tiến thẳng lên trên đê bắn loạn xạ, binh dừng ta tiến sát ác chiến, hai bên thương vong tương đương nhau. Quang Đản với Tán lý Lương Quy Chính thêm quân chia chi tiếp ứng, Ân Niên dẫn quân kế đến. Thương biện Nguyễn Cao, Lãnh binh Hồ Văn Phấn cũng đều dẫn quân đến chi viện. Quân Pháp chống địch không nổi, thu quân, chạy thẳng về Hà Nội. Việc tâu lên. Vua nói: “Người Pháp vô cớ bội ước, đã gây việc ở hai tỉnh Hà, Nam, lại chia quấy hạt, tình thứ của người biết cô lệ binh dừng, ba lần giao phong không chút sợ nhụt, khiến chúng phải lui giữ sào huyệt, thật là đáng khen, nên cố gắng hơn nữa, đồng tâm nhất lực, giết hết tụi chúng bắt kẻ đầu sỏ, sao cho quét sạch đất ta mà làm mạnh quốc uy. Hoàng Tá Viêm chỉ giữ trọng binh [92b] đóng ở thành Sơn. Thành Định thất thủ đã không nghe biết, nay đến lượt chúng quấy hạt Bắc, cũng không biết phái một quân đến ngay tiêu diệt, thật trái với quân luật và đạo làm tôi. Lập tức cách lưu để nghiêm quân lệnh”.

Tháng Ba, mật dụ bọn Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính: Yên biên lập công là ở lương tướng ba quân dựa đầy mà mạnh mẽ, địch theo đầy mà sợ hay càn. Các người từng đương tiết chế, hiện giữ tiết mao, về quyền không phải không to và quan trọng. Viêm thì bảo vạn toàn quyết thắng, Chính thì bảo khiến cho họ không dám nhìn thẳng. Nói sao mạnh thế mà rồi từ lâu rụt rè không thấy có thi thố gì. Nguyễn Chính chuyên phòng một đạo làm ý dõc cho thành Định, kịp khi chúng đánh thành, chỉ nói phi tư, phi sức, phái đi ngăn, phái đi phòng, không chịu dõ đi một bước, đến khi [93a] thành ấy thất thủ, lại lùi về Vụ Bản để xa hấn tâm tích, giữ thân hay giữ nước ư? Sao mà im lặng đến thế? Hoàng Tá Viêm, binh dừng đều xưng là quân cứng mạnh, mà trước kia báo tiến về đóng hạt Hà, không thấy tiến đến, chúng mưu quấy hạt Bắc, lại không thanh viện, việc làm như thế định cho việc binh là trò bõn ư? Cho mệnh vua cũng không đáng chịu ư? Sao mà để hồ thẹn đến như thế! Có những bày tôi như thế, còn trông nhờ gì nữa! Vốn là phải lập tức làm theo quân pháp, tạm nghĩ cỏ nhân cũng nhiều khi tự khuyên cố gắng võ cánh, mà Trầm cũng không đến nỗi ít ân, các người nên trù tính kỹ, làm cho khéo để người công phần, mạnh quốc uy. Bằng vẫn chậm trễ, nhằm lẫn như trước, tất nhiên can quân pháp, chớ bảo rằng cảnh báo muộn.

Kinh lược thần Nguyễn Chính xét rõ xong việc thất thủ Nam Định, tâu về. Dụ rằng: “Nguyễn Chính làm hỏng việc như thế, có lẽ nào lại khoan nhẹ được, bèn giáng làm “Quang lộc [93b] tự khanh” gia sung Tán lý, theo Thống đốc điều động. Cờ mao tiết do Thống đốc thần dâng thư về nộp. Hoàng Tá Viêm trừ tri bất lực, giáng làm Tổng đốc.

Bọn tinh thần ấy là Vũ Trọng Bình, Đồng Sĩ Vịnh và bọn khâm, quản, suất chống giữ đều cách chức, phát sung ra tiền khu hiệu lực chuộc tội, hơi nhụt lui lập tức dùng chính pháp. Đề đốc Lê Văn Diêm liều mạng ở cương trường tiết dũng đáng khen, gia tăng hàm Đô thống, liệt vào đền Trung nghĩa làm gương cho võ thần đánh giặc tận tiết. Bát phẩm Nguyễn Bân là một kẻ sĩ trong hạt, trước đã quyên giúp được thưởng hàm, đến nay có việc, lại biết đem quân mộ vào thành, đi theo quan tỉnh chống giữ, bị chúng bắn chết, cũng là đáng tưởng lệ, truy thụ Tu soạn, liệt vào đền làng thờ, hàm Án sát.”

Hồ Bá Ôn bị thương, vẫn tạm lánh trong tỉnh, được chuẩn cấp 30 lượng để trị thương, nhưng không được bao lâu thì chết. Lại vì tỉnh thành tuy chưa thu phục [94a] nhưng không nên để hoang phế lâu nên chuẩn thụ Tuần phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Trường làm Hộ lý Định, Yên Tổng đốc. Bố chánh, lãnh binh cũng đều chọn bổ cho đủ người, sai đi ngay chọn đất trú đóng, làm việc. Vua cũng phủ dụ rằng: “Sao các người không biết tự nghĩ, noi theo gương các bậc hào kiệt trước đây mà ra sức phấn đấu. Trẫm không nói lần nữa.”

Hồ Bá Ôn thọ nạn, do xuất môn gian khổ, chuẩn truy tặng “Quang lộc tự khanh”.

Vũ Trọng Bình cách chức, hồi kinh chờ nghị xử. Đến tháng Mười Một năm ấy, án dâng lên, cũng tuân theo dụ trước cho cách chức nhưng vẫn làm việc để chuộc tội, cùng với Nguyễn Bân, người Nam Định, con của Án sát Lạng Sơn Nguyễn Mậu Kiến.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên cải sung Tham tán, hoặc chia ra đạo riêng, hoặc cùng làm việc với Hoàng Tá Viêm, tương thông ủy biện, Ân Niên cho là mình cùng thống đốc ý kiến không hợp, xin cho chuyên sung đạo riêng, cùng với Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản trừ tính đánh giặc, hoặc quân vụ có nhiều người thì xin về triều đợi tội. Hoàng Tá Viêm cũng bị liên đới theo Bùi Ân Niên xử lý việc quân chưa thành thạo, chiếu triệu hồi kinh đợi chức, nhưng chuẩn cho Ân Niên hồi kinh sau, nhận quản luôn đạo quân của [94b] Hoàng Tá Viêm sẽ giao cho Ân Niên, nhưng chỉ chưa đến thì Hoàng Tá Viêm đã giao quân và quân lệnh cho Bùi Ân Niên.⁽¹⁾

Bố chính Quảng Tây nhà Thanh là Từ Diên Húc ra khỏi cửa quan đóng quân để trấn áp [95b].

Thanh thống lĩnh Hoàng Quế Lan đến đóng phủ Lạng Giang, điều phái Quân đội Trần Đắc Quý đem quân tiến đóng huyện Yên Dũng. Bang đội Diệp Phùng Xuân tiến đóng tả ngạn sông Đáp Cầu, Thống đội Vi Tri Lễ tiến đóng Hùng Lâm để làm thanh ứng cho nhau. Thử thần tỉnh Bắc thương lượng với Quế Lan qua sông chọn chỗ đóng nghiêm. Đoàn Quế Lan nói chưa tiếp minh văn của thượng quốc, chưa dám hội nhau

⁽¹⁾ Bản dịch thiếu bản tấu của Bùi Ân Niên ở trang 94b và 95a. Xem bản tấu này ở ĐNTL, tập 8, tr. 565-566. BT.

cùng làm. Nhưng chiều địa hạt tỉnh Bắc [96a] giáp sông lớn gần liền ngay sào huyết bọn địch thì hai sông trước sau tỉnh thành [sông Triêm Đức, sông Nguyệt Đức] chính nên phòng giữ ách lại, cần mộ nhiều Khách dừng để chuẩn bị phải đi, lại phải cả một toán dừng Cao Lạng đến đóng gần quân doanh. Nếu chúng có đi theo sông Nguyệt Đức đến, sẽ phải riêng quân doanh cải trang đi tiểu giúp, còn như đường Từ Sơn, Gia Lâm, do nước ta tự liệu lấy. Đợi bất nhật tuân lệnh tuần phủ Quảng Tây đến, lại dời gần đến tỉnh thành họp trừ liệu toàn cục. Ân Niên, Quang Đản đem đủ mọi việc ấy tâu lên. Vua nói: “Đại Thanh đã lo chúng sinh sự, thống lĩnh ấy đã đóng ở Lạng Giang, không từng qua sông, cái ý đủ rõ. Rốt cuộc việc ta, ta nên tự làm lấy. Giao cho thứ thần tỉnh thần các người cổ lệ tướng sĩ, nên tự phân chỉ cho hết đạo làm tôi, chớ có chuyên cậy vào người mà thành trễ nải. Nhưng họ đã về đóng gần cũng nên tiếp khoản an ủi tử tế, [96b] và tuyên ngôn là quân Thanh lại giúp, để làm thanh thế”.

Tỉnh thần Thanh Hóa tâu, Pháp phái muốn đến cửa Chính Đại yết sức triệt bỏ tuần ty. Lần ấy có linh mục Phát Diệm Trần Lục viết thư nói Pháp phái đến Ninh Bình khám 2 cửa Trì Chính, An Phú, lại đến cửa Chính Đại bái yết. Vua cho Thanh Hóa không phải thuộc Bắc Kỳ, đó là thuộc ý riêng Trần Lục a theo, khiến Đình Bình trách Trần Lục, thuyết với Pháp phái thôi đi. Lại sai tỉnh Thanh tùy cơ châm chước làm việc, sao cho được việc tỉnh mà việc nội phòng cũng không thể sơ suất.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu nói: Phái viên từ Yên Kinh là Đường Cảnh Tùng đến [Cảnh Tùng chuyên trước từ kinh về Hải Phòng lên bộ đi mỗi tỉnh Bắc Kỳ tra thám tình hình ngoài biên, sau đấy từ về], cùng nhau nghị luận thấy nhiều nghĩa khí bàn định việc quân tình rất là có lý. Lại nữa Lưu Vĩnh Phúc đồng hương với viên ấy rất là kính trọng nhau, ví được viên ấy ở đây thì mọi việc đều có thể làm nhanh chóng. Xin tư sang Tổng đốc Quảng Đông giữ lưu viên ấy lại giúp việc quân, tướng cũng có thể [97a] tư trợ một phần. Vua theo. [Sau Thanh triều chuẩn y].

Mùa hạ, **tháng Tư**, Khâm phái Gia Định Nguyễn Lập tâu xin đánh giặc không nên trách cứ văn thần quá. Viện thần tâu nói: Xung phong hãm trận là võ thần, mà trừ liệu vạch kế điều độ là việc văn thần, có lẽ nào có thể nói khác đi để kẻ nhất sự được tạ khẩu. Vua cho là phải.

Chương thủy sư Pháp Vi-ê [một tên là Lý-hoa-lợi] ủy người đến phát mãi gạo hiện trữ ở Chiêu Thương Cục Hải Dương và đánh thu mọi thuế xuất nhập khẩu về thuốc phiện sống, thóc gạo.

Thuyền Pháp đánh đuổi phái viên ngồi thu thuế quan ở Mễ Sở Hưng Yên.

Quan quân thứ ở Sơn Tây đại phá quân Pháp ở Cầu Giấy [phía tây, ngoài cửa ô La thành Hà Nội]. Bấy giờ Hoàng Tá Viêm điều binh dừng quân thứ Sơn (Tây) và Lưu đoàn về đóng liên quân ở phủ Hoài Đức [thuộc Hà Nội], khiến Lưu đoàn [97b] đem đội ngũ

ra khiêu chiến. Quân Pháp không chịu ra. Chợt có báo Chương thủy Pháp kiểm điểm quân súng mưu đi đánh úp. Vĩnh Phúc bèn chia đoàn dũng đi phục trước. Sáng hôm ấy [ngày 13], Chương thủy sư Pháp Vi-ê đem hơn 600 quân đến thẳng Cầu Giấy. Quân phục nổi dậy, cùng nhau đánh giáp lá cà. Tả dực Dương Trứ Ân bị trận vong, Hữu dực Ngô Phụng Điền bị thương. Đoàn dũng hơi lùi. Vĩnh Phúc và Hoàng Thủ Trung chạy thẳng ra xông vọt lên, hết sức đánh trong làn đạn, quân Pháp thua chạy, truy kích chém Vi-ê ở cửa ô [và 1 quan Ba, 1 quan Hai, quân Pháp chết 20 tên, trọng thương 60 tên, bị thương nhẹ rất nhiều]. Tin được báo về. Vua cả mừng, thưởng Vĩnh Phúc thăng thụ Đề đốc, cho mũ áo chánh nhị phẩm, thưởng thêm một tấm kim bài “Trung dũng”. Hoàng Thủ Trung (Tuyên úy đồng tri, chánh lục phẩm) thăng thụ Tuyên úy sứ [tòng tứ phẩm] lĩnh Lãnh binh, thưởng một kim bài tía “Thường công”. [Ngô Phụng Điền phòng ngự đồng tri, tổng lục] [98a] thăng thụ Tuyên úy phó sứ lĩnh Phó lãnh binh. Trích bạc lạng, sâm quế cấp cho điều dưỡng, đặc cách thưởng thêm 1.000 lạng. Lại thưởng chung cho dũng đoàn ở hàng trận 2.000 quan tiền. Thống đốc Hoàng Tá Viêm [nguyên cách, lưu] điều độ được việc, chuẩn cho khai phục nguyên hàm, gia thưởng hai cấp quân công. Dương Trứ Ân [tòng bát phẩm bách hộ] trận vong, truy thụ Tuyên úy phó sứ, tặng thêm Phó lãnh binh quan. Ngoài ra đều tặng tuất có thứ bậc.

Lãnh sự Pháp đưa thư xin trả xác chết [Pháp Chương thủy (sư) và quan Ba, quan Hai], không cho, sai quân thứ Sơn (Tây) tạm quản đội xét.

Khi ấy quân thứ Bắc dò nghe biết quân thứ Sơn đã chuyển xuống đường phố Hà Nội tham chiến, Bùi Ân Niên, Trương Quang Đản lập tức phái binh dũng sang sông hội tiểu. Lại sai binh dũng đóng ở nhà đem đặt đại bác trên đê Sông Nhị, suốt ngày bắn sang [binh thuyền Pháp cũng có thiệt hại]. Đoạn rồi, binh dũng quân thứ Sơn triệt về chỗ đóng cũ [phủ Hoài Đức], [98b] gặp lúc nước hè lên mạnh, bèn đem những cỗ súng chuyển về đặt ở bờ sông Triêm Đức, và đồng thời điều quân phái sang sông trước trở về chỗ đóng cũ [trú thứ Gia Lâm] nghiêm phòng. Việc tâu lên. Vua nói: Làm sao đã triệt rút quân về, thảo nào mấy ngày nay mong tin được mà không thấy. Tiểu giặc duy còn hai quân thứ các người. Các người đều nên nghĩ kỹ, thế nào cho xứng mới phải.

Bổ chánh sứ Quảng Tây Từ Diên Húc từ Lạng Sơn đến Bắc Cạn. Tham tán Bùi Ân Niên đến yết kiến đem thương thuyết tình hình Bắc Kỳ. Diên Húc kể rõ sang chuyển này là để cứu ứng nước Nam. Duy mùa xuân năm nay Lý tướng (Lý Hồng Chương) điện trách Pháp sứ Bảo-hải (đóng ở Thiên Tân) rằng [nước Nam là phiên thuộc cũ nước Thanh, đã hòa rồi sao lại phạm đến đất của nhau], Bảo-hải xuất trình tờ hòa ước [trong có câu vốn là nước tự chủ] bảo không can thiệp gì với Trung Quốc, cho nên Trung Quốc giờ giúp ngầm là chính. Tóm lại không để họ tạ khẩu được. Bằng quả phạm đến nhau thật thì không thể không theo đuổi chiến tranh. Nay hãy cấp [99a] gươm súng giúp Lưu đoàn, lại khuyên họ phải gắng sức tiểu giúp. Ân Niên dâng sớ nói Bổ chánh Từ Diên

Húc sang chuyến này thực có ý viện trợ nước ta, xin sắc xuống cho bộ thân mang thư đến úy lạo, khuyên họ hết sức mưu tính. Bèn sai viết quốc thư ra úy lạo.

Khâm phái kiêm Lãnh sự ở Gia Định Nguyễn Lập về quán dưỡng bệnh. Lại lấy Hộ Bộ Tả thị lang Nguyễn Thành Ý đi thay.

Tháng Năm, Bô chánh sứ nước Thanh Từ Diên Húc với Thống lĩnh Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đem quân đến thành tỉnh Bắc. Từ Húc phái chủ sự Đường Cảnh Tùng đem quân mạnh [200] đến chỗ Lưu đoàn đóng trừ liệu việc. Lại giao ủy Quế Lan, Triệu Ốc đi Từ Sơn xem xét tình thế, chia quân ra đóng đồn [từ tỉnh thành đến Đáp Cầu 5 doanh, Yên Dũng 1 doanh, Lạng Giang 1 doanh]. [99b] Diên Húc sang sau mấy ngày tìm hiểu nghe ngóng tin tức, lại muốn trở về Long Châu. Ân Niên đem lễ vật đến khoản tặng [lợn, gạo, rượu, chè, quả], thương lượng rằng: Quý đại nhân sang lần này, phụng dụ rõ ràng [vua Thanh dụ chuẩn bảo vệ Bắc Kỳ], mong hết sức mưu tính giúp cho. Vua nói: Từ phiên (tức Bô chánh Từ Diên Húc) sang chuyến này là phụng đặc sai bảo vệ toàn kỳ, lời dụ đã rõ ràng thống suất các quan lớn các doanh đến gần tỉnh Bắc, không những địch đã nghe rõ, các thứ, các tỉnh của ta cũng cùng trông cậy. Thế mà mới đến chưa thấy một chút công trạng gì đã vội muốn về Long (Châu), sao mà cứ canh cánh lo về đường sá như thế, làm uổng người ta mong mỏi thì sao? Các người nên gia tâm thương thuyết luôn cùng viên ấy xem xét cơ hội mà ra sức làm. Nhưng rồi Diên Húc vẫn về Long Châu, chỉ để Quế Lan, Triệu Ốc đóng lại.

Quân Pháp đã thua. Pháp phái đóng ở Hà Nội lại ủy người về Gia Định vét đem tăng binh thuyền ra Bắc Kỳ. Khâm phái Nguyễn Thành Ý tâu tin về. Vua xuống dụ rằng: [100a] Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, sau một trận được, không nên để lâu, nhân đây mà tính mau đi, lại để cho giặc có thì giờ rảnh, mưu chiêu viện thì đến ngày nào mới dứt bỏ được, lật đổ được thuyền, bắt chúng bay đi xa tít, mà lấy lại được hai thành, thỏa lòng mọi người mong. Vả cái thế cười hổ đã rõ rồi, ta không đánh chúng, chúng cũng tính ta, đi trước là thắng, nên đồng tâm lực nhân khẩn tiến mưu đi, khỏi phí sót thời cơ. Trẫm duy ngày đêm mong mỏi. Lại sai tư mọi tỉnh thứ đều nhân thể ra sức đi mưu tính nhanh, lại tư khâm sai trú (Thiên) Tân, khâm phái trú (Quảng) Đông báo bẩm lên Lý tướng và quan đốc trừ liệu vạch kế sớm cho khỏi sinh ra việc khó khăn thêm.

Tháng Sáu [ngày 16 tháng này, Dục Tông Anh Hoàng Đế băng hà], thuyền Pháp [1 lớn, 1 nhỏ] chạy thẳng vào Hát Giang, đến giang phận Nhật Chiêu [thuộc Sơn Tây]. Viên huyện Phúc Thọ Tôn Thất Hoàn, Bang biện Nguyễn Hội, Quyền lãnh binh Đặng Văn Ân ngăn bắt chết một lính Pháp, [100b] thuyền Pháp bèn lui, đều thưởng kỷ lục có bậc, thưởng khắp binh dũng 100 quan tiền.

Khâm phái Gia Định Nguyễn Thành Ý về kinh. [Tháng trước Pháp sủng ủy người báo Thành Ý nói phái viên (triều đình) từ trước đến nay công việc không thấy được gì

cả, bằng cứ lưu ở đây sợ có hại cho Lục tỉnh, nên lập tức rời khỏi địa hạt Sài Gòn. Thành Ý bèn sức nha thuộc và binh lính cứ ở lại, đợi xét biện, còn mình với Phó lãnh sự Trần Doãn Khanh đáp hỏa thuyền lui về]. Chuẩn cho đổi thự Binh Bộ Hữu Tham tri.

Tháng Chín [Từ tháng này đến tháng Chạp thuộc vua Kiến Phúc]⁽¹⁾

Toàn quyền Pháp Ha-ra-măng (Harmand) đặt công sứ ở tỉnh Ninh Bình đóng bách ngay tỉnh thành. Sứ ấy triệt phủ thành mới của Yên Khánh, các hạng súng đạn tiền thóc, kho tàng và sổ sách văn thư đều bị thu hồi về trụ sở chúng. Kho tàng ở tỉnh chúng nghiêm canh không cho chi phát, sức dân phải khai sổ đinh điền, đảm trách thu thuế dân; tiền lương ở kho cũng nhận giữ cả, ngày càng tỏ ra ngang ngược. Phủ thần [Bổ chính liên Hộ lý] Tôn Thất Uy thấy không kham nổi cùng đóng với họ, bèn tâu xin được cùng với chánh phó lãnh binh thừa cơ ra ngoài đóng, thu tập hạt dân. Vua chuẩn [101a] phủ thần lượng xét đất mà đóng cùng với nha Sơn phòng tùy thế mà chống giữ.

Tháng Mười, dụ khiến Thống đốc quân thứ Bắc Kỳ [trú Sơn Tây] Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Ninh, Thái kiêm quân thứ Trương Quang Đản, Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Tru, Tán lý Lương Quy Chính, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật đều triệt về kinh. [Khi trước, từ sau ngày quân Pháp đánh chiếm Hà thành, các doanh đoàn nước Thanh đều chia đóng ở mọi tỉnh biên giáp nội địa và hai tỉnh Sơn, Bắc làm thanh viện cho toàn hạt ta. Mùa thu này, thuyền Pháp đến đánh cửa Thuận An hiệp phải hòa, đã nhiều lần khiến mọi tỉnh thứ triệt rút binh dừng đi, mà mọi tỉnh thứ thần còn đóng chung bạn với quân Thanh. Đến nay toàn quyền Pháp Ha-ra-măng hai lần đưa thư cho Khâm sứ trú kinh Sâm-pô, nói trước họ định đánh quân Thanh, xin bảo quân ta không được thông với quân Thanh, bằng còn lưu giúp quân Thanh là trái mệnh triều. Lại kể rõ các thứ tỉnh thần Sơn, Bắc yêu cầu đều đem nêu rõ cách chức. Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp gần đây cũng từng nói chọn điều họa lấy cái nào nhẹ hơn, xin triệu Hoàng Tá Viêm về kinh, để mặc quân Pháp tự làm, mới mong bớt việc. Cơ Mật Viện thần cũng tâu xin chấp lý, phúc lại bác đi, nhưng chuẩn triệt Tá Viêm về kinh cho họ hết nói. Cho nên xuống dụ triệt bãi về].

Tháng ấy, quân Pháp đến đánh Sơn Tây, quân doanh đoàn nhà Thanh vỡ, bèn chạy vào tỉnh thành. Thống đốc Hoàng Tá Viêm về đóng ở Thục Luyện. Khi ấy quân Pháp mấy lần đến đánh tỉnh thành này, doanh đoàn đều đánh lui. Đến bấy giờ thêm hơn 7.000 quân, [101b] 15 chiếc hỏa thuyền lớn nhỏ, xe máy trăm cỗ súng, chia hai đường thủy bộ từ Hà Nội tiến đến thành Sơn. Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc với Thống lĩnh quân

⁽¹⁾ Sau khi vua Tự Đức mất, triều đình Huế lần lượt đưa Dục Đức lên ngôi (làm vua chỉ được 3 ngày, từ 20 đến 23/7/1883), Hiệp Hòa (làm vua được 4 tháng, từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1883), rồi Kiến Phúc (ở ngôi được 8 tháng, từ tháng 12/1883 đến tháng 7/1884). BT.

Thanh Đường Cảnh Tùng và Đốc đối Lưu Vĩnh Thanh ra ngoài thành nghinh chiến. Quân Pháp thủy bộ nương nhau tiến giao công ở ngoài tỉnh thành, từ giờ Mão đến giờ Dậu, lính doanh vẫn cầm cự được, bắn chết nhiều, quân Pháp mạo hiểm giữ các chỗ Phù Sa và Phú Nhi, quân doanh nghiêm giữ trong vòng thành. Ngày hôm sau, quân Pháp ra sức đánh cửa Bắc vòng thành [giáp sông]. Doanh đoàn giữ thành, bắn chết càng nhiều, găng nhau 4, 5 ngày. Quân Pháp chuyển đánh các cửa Tây Bắc thành, thủy bộ, đại bác đều bắn vào. Doanh đoàn và quân thứ nhiều thương vong. Giờ Thân, Vĩnh Phúc đem quân ra thành tiếp chiến hồi lâu, quân Pháp lui mấy dặm. Hốt nhiên lúc giờ Dậu, phía tây bắc doanh đoàn [102a] kinh hãi chặt mở cửa thành mà ra, mọi quân đều vỡ. Cảnh Tùng, Vĩnh Phúc cùng tinh thần Nguyễn Đình Nhuận ngăn cản không được. Quân Pháp nhân thế vào thành. Quân Thanh, Lưu đoàn về đóng ở Hưng Hóa. Tá Viêm cùng bọn Tán tương Lương Tứ Thứ đóng quân ở ngoài cửa Nam vòng thành bị quân Doanh luyện xông ngăn lối, bèn về đóng ở Thục Luyện. Tổng đốc Sơn Tây Nguyễn Đình Nhuận, Bô chính Nguyễn Văn Giáp, Đề đốc Nguyễn Đặc sau đấy cũng tìm đến chỗ quân thứ. Tá Viêm liền tư thương với Cảnh Tùng đem bốn doanh chuyển sang đóng ở Bắc để tiện vận lương, lưu ba đoàn của Vĩnh Thanh phụ giữ Hưng Hóa, phái các quân của Lưu đoàn chuyển đi chia địa giới đóng giữ hai phủ Lâm Thao, Vĩnh Tường [thuộc bên tả Hà Nội, Sơn Tây]. Tinh thần Sơn Tây đem mọi người đồng sự chia đi đốc thu binh lương để đợi ứng biện. [Bảy giờ Tuần phủ Quảng Tây Từ Diên Húc đã đến Lạng Sơn đốc tiểu. Tá Viêm cũng định chinh điểm lại quân sĩ, chuyển sang Bắc Ninh hội thương. Trước hãy đem việc tâu lên, và đem việc thành không giữ được nhận lỗi. Vua nghiêm khiển, nhưng dụ khiến tới hạt Sơn yên vỗ quân dân] [102b].

Tháng Chạp, Toàn quyền Pháp Đức-ly-cổ [Lý-cổ thay Ha-ra-măng về nước] đến sứ quán làm lễ triều yết. Chuẩn cho Cơ Mật Viện, Thương Bạc thần hội đồng làm thư đưa cho Lý-cổ nghị xử về hòa ước 27 khoản mà Ha-ra-măng đã làm ra trước, có nhiều chỗ không kham nổi, và việc các công sứ đi ra Bắc tranh xử cưỡng ép làm cho sĩ dân không yên [Hà, Đông, Nam không toàn giao, lại gây sự ở 3 tỉnh Ninh Bình, Quảng Yên, Hưng Yên, 3 tuần phủ, hoặc bị bắt, hoặc bị giết hại, giam quan tỉnh, đánh quan phủ, trách nã đề đốc, tư sức phủ huyện đợi chỉ, phá hủy súng đạn, vận của cải đi, bắt khai sở đình điền, để đến nỗi quân thần sĩ thứ trung nghĩa, hoặc uống thuốc, hoặc tự trầm xuống sông, hoặc mang ấn ra thành truyền hịch khởi binh đánh Pháp, hoặc giết Pháp phái đến. Bọn côn đồ nhân đây làm nhiều điều tổn hại, đều là vì toàn quyền mà ra], gởi thư cho Lý-cổ nghị xử, sao cho hợp phép công để xây dựng hòa hảo dài lâu. Lý-cổ đệ thư xin vào triều yết và lĩnh tờ hòa ước đã áp ký hồ giao, xem có điều gì nên đổi xin đưa về Giám quốc nghị định. Bèn chuẩn cho áp dấu Quan phòng toàn quyền đại thần, giao cho Lý-cổ một bản. Lý-cổ cũng áp dấu Quan phòng toàn quyền đại thần giao cho ta một bản, đều lưu lại hồ sơ, đưa thư Giám quốc đợi sau thương lượng giải quyết. Lý-cổ liền đi Bắc rồi [103a] về nước.

Khâm sai Bắc Kỳ Lại Bộ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp, Phó khâm sai Công Bộ Thượng thư Trần Văn Chuẩn đều thấy thương thuyết vô công trạng, tâu xin nhận lỗi, chuẩn cho đều về kinh giải chức ở yên nhà đợi.

Khâm sứ trú kinh Sâm-pô (Champeaux) qua thư đến nói Đức-ly-cổ ra Bắc thương đồng với Pháp sù ý sức cho mọi công sứ đều đã yên tĩnh giữ phận, phạm việc quan việc dân mọi tỉnh đều không dự đến; duy từ khi bọn khâm sai Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn trở về, họ không vui làm việc, để thành mọi người đều hoài nghi, trộm cướp nổi lên tứ tung, xin phái quan có tài cán đến ngay xử trí, cho kịp yên ổn sớm. Phụ chính thần tâu cho là lời nói cũng gần hợp lý. Bèn sai Công Bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội sung Khâm sai đại thần, Tham tri Hoàng Hữu Thường làm phó, Lại Bộ Lang trung Lê Cơ sung Tham biện ra Bắc Kỳ khu xử hiểu dụ cho yên [103b].

Năm Kiến Phúc nguyên niên (Giáp Thân, 1884)

Khâm sai Pháp trú kinh Sâm-pô về nước, Ba-dô sang thay; khiến đưa người hộ tiếp đến sứ quán. Ba-dô dâng thư cung chúc [yên, thịnh, hòa hảo lâu dài]. Chuẩn đều thưởng kim ngân tiền và các hạng xà cừ, phu cách.

Tháng Hai, Pháp sứ Mi-lô (Millot) đến đánh bại quân Thanh hiện đóng ở tỉnh Bắc, bèn vào tỉnh thành. [Công việc phòng yên mọi tỉnh thượng du trước kia, Pháp sứ giao cho khâm sai ta phái người đi làm; rồi rút binh thuyền ở hai tỉnh Hà, Đông chia làm hai đạo: đường thủy do các sông Nghĩa Trụ, Lục Đầu, Thiên Đức, Nguyệt Đức; đường bộ do các huyện Siêu Loại, Quế Dương, Gia Lâm, Thuận Thành; hơn 40 chiến thuyền lớn nhỏ, hơn 200 cỗ ngựa. Sáu, bảy nghìn quân, đem đủ súng đạn, trong tháng này tập trung vào đánh hạt tỉnh Bắc. Quân Thanh có 10 doanh chia khắp thành tỉnh Bắc, bốn mặt nghiêm giữ. Thống lĩnh Triệu Ốc ở ngoài thành. Hoàng Quế Lan đóng ở trong thành. Trên kỳ đài dinh Đốc bộ kéo cờ hiệu Đại Thanh. Mọi cửa thành nghiêm khóa đều nắm vững trong tay. Đốc tuần tỉnh ấy Trương Quang Đản tuân dụ đứng trung lập, hiện đem quân tùy thứ của mình trước ra đóng ở huyện Tiên Du. Ngày mùng 10, quân Pháp tới phóng bắn vào đồn doanh quân Thanh, cướp được 7 đồn của Trần Đắc Quý, Đông Mẫn Tuyên, đồn Phù Lương, Thuận Lương. Ngày 13, Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc đem quân doanh từ Hưng Hóa đến Bắc, đồn trú chưa xong. Đến sáng ngày 15, quân Pháp giao chiến với quân Thanh ở địa hạt Quế Dương, chưa phân thắng phụ, đứng trưa quân Pháp phóng khí cầu sang phía quân Thanh, rồi lập tức thu quân về thuyền; đến chiều, quân Pháp vụt tung quân lại ra đánh ào, quân Thanh bị thương vong nhiều, chống địch không nổi, tức thì kể cả quân hiện đóng trong tỉnh thành Bắc đều tan vỡ tẩu tán lui về Thái Nguyên, Lạng Sơn, Lưu đoàn cũng lui về Hưng Hóa. Quân Pháp bèn chinh đội ngũ sấn vào thành. Bố chánh Nguyễn Tu, Án sát Nguyễn [104a] Ngọc Chấn và các thuộc viên đều kéo ra ở ngoài xã dân quanh thành. Đốc thần Trương Quang Đản từ Tiên Du nghe báo liền đem quân nguyên tùy thứ về tỉnh, đến nơi đã thấy quân Pháp vào chiếm giữ thành, nhân đóng lại huyện Yên Phong, làm sơ đầy đủ tàu lên. Thế rồi ở trong hạt, nơi nơi đều xuân động. Phủ huyện không thể kiềm chế được. Đốc thần ấy bèn chuyển quân tùy thứ cũ đến hai phủ Lạng Giang, Đa Phúc đi tuần dẹp. Lúc ấy Khâm sai đại thần Đoàn Văn Hội ở Hà Nội cũng ủy người đi thám báo về tâu. Chuẩn nguyên Bố chính Nguyễn Tu quyền biện Tổng đốc, Án sát Hà Nội Nguyễn Xuân Duân quyền biện Bố chính, Giám lâm Trần Hữu Văn quyền biện Án sát, cho kịp thời vỗ yên. Nguyên đốc Trương Quang Đản và nguyên mọi thứ thần ở tỉnh đều cho về kinh đợi chỉ].

Quân Pháp đã vào tỉnh thành Bắc Ninh, bèn chia hai đạo: một đạo đến phá hủy mọi thành trại ở đồn Nhã Nam; một đạo rất nhiều binh mã hơn đến Thái Nguyên. Bấy giờ bọn Lưu đoàn và thống lĩnh nhà Thanh Triệu Ốc đã về Hưng Hóa, Lạng Sơn, duy

Doanh đời Trần Đức Triều 5 doanh còn ở lại tỉnh thành, giao chiến chốc lát, cũng lui về Hưng Hóa. Thủ úy của thành Nguyễn Quang Khoan bị đạn chết, tinh thần bèn dời ra trú ở dân gian. Tháng ấy, quân Pháp vào thành, đốt hết ba cửa thành và các văn thư, kho tàng, đem hết mọi thứ vàng bạc tiền, đồ gang, thiếc, đồng tải về tỉnh Bắc. [104b] Do thế cả một khoảng Thái Nguyên bị Đoàn doanh, quân lưu tán dầy xéo. Đến giữa tháng 5 năm ấy, quân Pháp mới chia quân đến đóng. Được tin báo chuẩn cho tại quân nguyên Án sát Hà Tĩnh Dương Danh Lập quyền biện Tuần phủ tỉnh ấy, lĩnh Bồ chính Vũ Giốc, Án sát Triệu Đức Vọng đều vẫn giữ chức cũ. Nguyên Tuần phủ tránh về Thanh Hóa Trần Quang Huân về kinh đợi chỉ.

Tháng Ba, quân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Hưng Hóa.

Tháng ấy binh thuyền Pháp tập trung đông ở thành Sơn [hơn 7.000 quân, rất nhiều hỏa thuyền lớn nhỏ, và nhiều súng lớn] tiến đánh Hưng Hóa. Tổng đốc Vân Quý nhà Thanh là Sầm Dục Anh cho chiến trường Hưng Hóa không thể ở được, yết sức lũ thống lĩnh Đinh Hòe, Mã Trụ về giữ nội địa. Tổng thống Hoàng Tá Viêm từ đồn Dao Phương, lại về Thục Luyện. Thụ Tuần phủ Nguyễn Quang Bích thấy đại binh đòi đi sợ ngại, thương lượng xin Lưu đoàn đem bản bộ đến hộ vệ. Quân Pháp đã đến tỉnh thành. Tinh thần dời đóng ngoài thành. Lưu đoàn cùng đánh với Pháp không địch nổi, [105a] bèn theo đường phủ Lâm lên mạn ngược. Quan quân cũng đều tan chạy. Quân Pháp bèn vào thành chia ra đóng, phá hủy mọi đồn ở Thục Luyện. Việc tâu lên, chuẩn Hồng lô tự khanh nguyên lĩnh Ninh Bình Bồ chính quyền Tuần phủ Nguyễn Văn Thi thay làm quyền Tuần phủ tỉnh này, nguyên lĩnh Bồ chính tỉnh này Bùi Quang Thích vẫn giữ chức cũ; nguyên Án sát Sơn Tây Lê Ngọc Uẩn đổi sung làm Án sát tỉnh ấy. Tinh thần, thứ thần Sơn Tây Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận cùng với bọn Nguyễn Quang Bích đều về kinh đợi chỉ.

Tháng Năm, quan quân Pháp đến đóng Tuyên Quang. [Tháng Ba trước nguyên Lãnh binh Lưu đoàn Hoàng Thủ Trung đem 2.000 quân dừng từ Hưng Hóa lui về vào tỉnh thành ấy bắt Tuần phủ Hoàng Tường Hiệp đem an trí ở phủ An Bình, cướp hết kho chứa, sổ sách công đem đi. Án sát Nghiêm Niệm giả bệnh, Bồ chánh Lê Văn Duyên trốn về Hà Nội. Đến khi ấy quân Pháp thương lượng phái binh thuyền đưa Văn Duyên vào đóng tỉnh thành ấy, lại đòi Nghiêm Niệm ra cung chức cũ].

Tháng ấy, Toàn quyền đại thần Pháp Ba-đức-nô (Patenôtre), Giám đốc Lê-na (Rheinart) đến định tờ ước mới. Sai Hộ Bộ Thượng thư Phạm Thận Duật sung [105b] Khâm sai toàn quyền đại thần,⁽¹⁾ Công Bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên làm Phó toàn quyền đại thần, Tham tri Chu Đình Kế, Thị lang Lương Thành đều sung hộ tiếp để làm

⁽¹⁾ DSTM chép thiếu Nguyễn Văn Tường, Thượng thư Bộ Lại, kiêm Phụ chính đại thần. BT.

thời thù ứng. Đến bảy giờ Ba-đức-nô đem lính tùy phái đến sứ quán, đưa sắc thư kính thăm của nước ấy tâu đạt lên. Chuẩn Thận Duật, Phiên đem sắc thư đối so, truyền chỉ ủy đáp, thương định hòa ước gồm 19 khoản.

[Khoản 1: Nước Đại Nam tự nhận nước Đại Pháp bảo hộ. Do thế nước Đại Nam có cùng ngoại quốc nào giao thông, thì nước Đại Pháp che chở giúp đỡ công việc. Cùng người dân nước Đại Nam có cư trú ở nước ngoài, nước Đại Pháp tất phải bảo trợ.

Khoản 2: Quân Pháp trú đóng lâu dài ở cửa tấn Thuận An, từ cửa tấn ấy suốt lên đến kinh thành, mọi đồn lũy, mọi công sự phòng bị ở ven sông, nước Đại Nam phải một lượt triệt bỏ đi hết.

Khoản 3: Địa giới nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa Nam Kỳ trở ra đến giáp tỉnh Ninh Bình Bắc Kỳ, quan viên mọi tỉnh đều làm chức việc trị dân như cũ. Trừ các việc thương chính và tạo tác cần có quan Pháp quản trị ra, những việc thường khác mà có nên dùng quan bác vật hay người Pháp, thì dùng làm quản đốc.

Khoản 4: Từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, trung gian mọi tỉnh, trừ bến Thi Nai đã mở buôn bán rồi, nay hai bến Đà Nẵng thuộc Quảng Nam, Xuân Đài thuộc Phú Yên, phải nên tăng mở buôn bán. Ngoài ra mọi bến từ nay về sau xét ra có lợi ích thì cùng hội nghị bàn khai thương thêm, nước Đại Pháp cũng đặt quan ở những chỗ khai thương thêm. Các quan ở nơi ấy đều nghe theo mệnh lệnh của Trú kinh khâm sứ đại thần.

Khoản 5: Trú kinh khâm sứ đại thần của nước Đại Pháp chuyên giữ [106a] việc bảo hộ nước Đại Nam, giao thiệp với ngoại quốc, không can dự vào việc chính trị các tỉnh trong giới hạn ở khoản 3. Khâm sứ đại thần ấy lại được vào diện tấu Hoàng đế nước Đại Nam. Khâm sứ ấy ở trong kinh thành có quân Pháp tùy tùng.

Khoản 6: Các tỉnh Đại Nam từ giáp Ninh Bình trở vào Nam, tỉnh nào có việc cần kíp, nước Đại Pháp nên đặt các quan công sứ hoặc phó công sứ, đều theo lệnh của Trú kinh khâm sứ đại thần. Tỉnh nào có công sứ hay phó công sứ thì cư trú ở trong tỉnh thành ấy, gần ngay chỗ quan tỉnh cư trú. Công sứ, phó công sứ ấy có quân Pháp hoặc quân Nam theo hầu.

Khoản 7: Công sứ nước Đại Pháp đặt ở tỉnh nào Bắc Kỳ cũng không có dự làm mọi việc dân chính ở tỉnh ấy; các quan tỉnh ấy vô luận là phẩm hạng nào, cứ cai trị hạt dân như cũ, duy quan Pháp kiểm xét viên quan Nam nào nên đổi cách, có xin đổi cách thì lập tức thi hành đổi cách.

Khoản 8: Bất luận hạng viên chức nào nước Đại Pháp như có việc gì nên tư báo với nước Đại Nam thì do công sứ Đại Pháp tư báo mà thôi.

Khoản 9: Nước Đại Pháp sẽ lập một đường điện báo theo duyên lộ từ Sài Gòn đến Hà Nội, chuyển do quan Pháp đảm nhiệm. Số tiền được lợi về khoản này, nước Đại

Pháp sẽ trích một phần cho nước Đại Nam tiêu dùng, vì nước Nam có phần nhường đất đủ để xây dựng nhà cửa phòng làm việc cư trú cho nhân viên điện báo.

Khoản 10: Mọi người ngoại quốc ngụ ở nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình và cả địa hạt Bắc Kỳ đều chịu nước Đại Pháp xử đoán, như người Nam với người ngoại quốc, hay người ngoại quốc với ngoại quốc, có việc gì kiện nhau đều do quan Đại Pháp phân xử.

Khoản 11: Nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, quan bố chính chiếu lệ thu thuế nộp về triều đình Đại Nam vẫn y như cũ, không có quan Đại Pháp kiểm cố đến. Còn như ở địa hạt Bắc Kỳ thì các quan công sứ hợp cùng quan bố chính tổng mọi sổ thuế, mỗi tỉnh thu riêng cho tiện kiểm soát số thu và số chi dụng. Thu xong, Đại Pháp và Đại Nam hội đồng chuẩn định chi phí các sổ công nhu, các sổ tiền kẽm bao nhiêu, chi còn bao nhiêu nộp về kho kinh triều đình nước Đại Nam.

Khoản 12: Các sở thương chính trong nước Đại Nam tái lập lại đều giao quan Đại Pháp chuyên biện. Những sở thương chính nên mở thì chỉ ở duyên hải cùng đất biên giới mà thôi. Các sở thương chính [106b] từ đây về trước, các võ quan Đại Pháp đã làm thế nào, ngày nay nước Đại Nam cũng nên thôi hỏi đến. Còn như điều lệ các sở thương chính và thể lệ mọi thuế ngoại ngạch và lệ cấm mọi thuyền không được vào bến khi có bệnh dịch khí, thì trong nước Đại Nam kể cả các sở Bắc Kỳ đều y theo điều lệ 6 tỉnh Nam Kỳ.

Khoản 13: Trong địa hạt Bắc Kỳ và các nơi khai thương nước Đại Nam, người Pháp và người nước Pháp bảo hộ đều được đi lại buôn bán, mua đất mở hiệu tự nhiên dễ dàng. Lại về khoản mọi giám mục, linh mục giảng dạy giáo dân đã từng định ước ngày 15/3/1874 (tức tháng Giêng ngày 27 năm Tự Đức thứ 27) [khoản thứ 9], nay Hoàng đế nước Đại Nam cũng phê chuẩn y điều ấy.

Khoản 14: Nếu có người ngoại quốc muốn vào trong nước Đại Nam làm việc gì, phải xin tờ thông hành ở Trú kinh khâm sứ đại thần, hay ở quan tổng thống Gia Định rồi đem tường với nước Đại Nam phê áp hai chữ “đã trình”, mới có thể đi được.

Khoản 15: Nước Đại Pháp tự hứa từ nay về sau nguyện bảo trợ Hoàng đế nước Đại Nam toàn hảo và quan tâm đến việc trừ thù trong giặc ngoài, do đây nước Đại Pháp chiếu xem ở trong nước Đại Nam, hoặc ở Bắc Kỳ, chỗ nào cần kíp, nên đóng quân, thì đem quân đến đóng để bảo trợ.

Khoản 16: Trừ những điều đã định trong ước này, ngoài ra Hoàng đế nước Đại Nam cai trị trong nước như cũ.

Khoản 17: Nước Đại Nam còn thiếu nước Đại Pháp số tiền (tức khoản nợ nước Y-pha-nho) sẽ nghị định riêng thảo luận trả sau. Nước Đại Nam không được vay nợ nước ngoài.

Khoản 18: Sau này quan hai nước hội đồng phân định giới hạn các nơi khai thương, định chỗ đất nhượng ở trong chỗ khai thương và nghị định việc đặt đèn biển vọng đăng (hải đăng) ở duyên hải nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, cùng địa hạt Bắc Kỳ, cùng định lệ thuế khai mỏ, lệ thuế dùng tiền bạc: hội đồng định chia rõ các sở thương chính và lệ thuế tạp, thuế điện báo và chia các thứ thuế chưa liệt vào khoản 11, trích giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Tờ ước này đệ về đặt lên triều đình Đại Pháp và tiến dâng Hoàng đế Đại Nam phê chuẩn để hồ giao.

Khoản 19: Tờ ước này thay thế cho các tờ ước đã ký ngày 15 tháng 3, ngày 30 tháng 8, ngày 23 tháng 11 năm 1874 Tây lịch. Khi nào hai bên như muốn đổi lại nghĩa lý gì trong tờ ước này [107a] thì cứ ở bản chữ Pháp làm chính. Hai bên toàn quyền đại thần đã ký áp ấn vào tờ ước này làm bằng].

Tờ ước này lập tại kinh đô nước Đại Nam vào ngày 13 tháng Năm năm Kiến Phúc nguyên niên, tức ngày 06 tháng 6 năm 1884 Tây lịch, có Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, Toàn quyền đại thần Phạm Thận Duật, Phó toàn quyền đại thần Tôn Thất Phiên đều ký tên vào.

Ngày hôm ấy lập tức hội đồng đem ấn phong cũ của nước Thanh nấu tan ra.

[Khi ấy Toàn quyền Pháp cùng Khâm sai Lê-na thương lượng rằng nước Đại Nam không cần giữ cái ấn phong cũ của nước Đại Thanh, chỉ có quốc thư giữ của nước Thanh mới dùng đến, ngoài ra không dùng gì cả. Nay nước Nam đã nhận nước Pháp bảo trợ, không phải là phiên phục của nước Thanh nữa, thì cái ấn Thanh đến ngày hồ giao phải giao cho nước Pháp. Hai ba lần biện thuyết, đều đòi tất phải như thế. Văn Tường lại thương lượng không thể thì chỉ nên nấu tan thôi, họ cũng thuận nghe, nhưng phải lập tức làm ngay cùng với ngày hồ giao, không thể thời họ tất giao quan võ chiêu biện, mà các lý châm chước trong ước cũng đình lại cả. Bèn chuẩn sai Thận Duật hội đồng với họ, áp dụng nghị thức nhận lưu, rồi lập tức đem ấn ấy đến sứ quán nấu tan, đúc thành một khối bạc].

Việc xong, Toàn quyền ấy lại lấy Giám đốc Lê-na làm Trú kinh khâm sứ [thay Ba-dô]. Đến khi sứ ấy về, lại chuẩn đem thư và những tặng phẩm đệ sang sứ quán đáp tặng quốc trưởng nước ấy, và vị sứ ấy, quan ấy đều được tặng phẩm theo thứ bậc.

Quân Pháp giao trả các Thông bảo của Hà Nội (trước quân ấy chiếm giữ).

Quân doanh Thanh đánh bại quân Pháp ở cầu Quan Âm Lạng Sơn, thu phục đồn Bắc Lệ. Trước kia quân doanh Thanh từ Bắc về Lạng, nước Thanh dụ nghị [107b] xử rõ ràng [dụ nói Từ Diên Húc giữ chế ở Lạng Sơn không biết tiến lên đốc biện đến nỗi Bắc thành không giữ được, lập tức về kinh, giao bộ bàn xử, Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đều cách chức đợi xét. Trần Đắc Quý thất thủ đồn sông Phú Lương, Quan Mẫn Tuyên

sợ nhất không tiến, lập tức đem chính pháp trước quân làm gương. Ngoài ra các doanh đều phân biệt xét rõ nghị xử riêng]. Đồi sai Tuần phủ Phan Đình Tân thay lĩnh Tuần phủ Quảng Tây đốc biện quân vụ, vào giữa tháng Tư xuất quân cùng với Tổng đốc Vân, Quý Sầm Dục Anh hiệp đồng trừ liệu, khiến Thống lĩnh Tô Nguyên Chương thụ Đề đốc Quảng Tây thống lĩnh cả 17 doanh của Vương Đức Bảng [Bổ chính]. Phương Hữu Thắng, Hoàng Xuân Nguyên chia ra đóng Nam Quan và mọi nơi Lạng Quang, Quan Âm, phòng ngăn tiểu diệt. Nguyên Tuần phủ Lạng Sơn là Xuân Oai tâu xin cho nguyên Tán tương Đông thứ Nguyễn Thiện Thuật ra thương biện việc ứng tiếp. Thế rồi, Đề đốc Tạ Hiện, Ngự sử Phạm Huy Quang, nghĩa dân Hải Dương tất cả 18 người đem quân dừng đến tỉnh Lạng, tuần phủ ấy lại tâu xin hoặc cho sung ứng tiếp, hoặc sai đi dẹp, đều lệ thuộc vào doanh Thanh. Sau nước Thanh lại dụ quân Pháp lại [108a] nghị hòa trước, bàn định tờ ước, chuẩn cho đều tạm thời yên tĩnh, chớ khai quân trước. Đến sơ tuần tháng này, bảy, tám trăm quân Pháp sang sông Quan Hóa [cách cầu Quan Âm 8, 9 dặm] nổ súng. Doanh dừng bèn đều hết sức đánh, đại thắng địch bắt được 1 quan Tư, 2 quan Hai, hơn 2.000 quân,⁽¹⁾ hơn 100 quân ma-tà và lấy được áo mũ lừa ngựa rất nhiều. Còn chết đuối dưới Sông Hóa vô kể. Quân Pháp lui giữ Bắc Lệ. Tán tương quân vụ, do quan Thanh cấp, Hoàng Đình Kinh cùng với quan viên lệ thuộc đốc nghĩa dừng đánh lấy lại Bắc Lệ, bắt được 1 quan Hai, 1 quan Một, chém đầu 6, 7 lính, lại phái nghĩa dừng đánh lên núi Thiên Cầu chém hơn 50 tên, giải nộp cả doanh Thanh. Quân Pháp bèn lui giữ dưới đường Bắc Cạn gần 10 dặm.

Công sứ Pháp ở Hải Dương thương lượng lấy 600 tên lính tỉnh giao cho tỉnh ấy chi lương [108b] huấn luyện. Lĩnh đốc Hà Văn Quan tâu về. Viện thần tâu nói quân ta mà chịu quan Pháp chi lương, về sau sai phái có còn chịu cho ta dùng nữa không, nên thương thuyết như họ có ý tốt thì phái quan đến phối hợp luyện tập, lương tháng do ta chiếu cấp cho ổn thỏa. Chuẩn cho như lời tâu mà thương lượng.

Tháng Sáu (Giáp Thân, 1884) [tháng này về sau thuộc niên hiệu Hàm Nghi]

Trú kinh khâm sứ Lê-na với các quan viên đồng trú tiến dâng sớ mừng tấn quang và một cỗ ngự kiệu ở điện Thái Hòa, bỏ mũ làm lễ lần đầu. Lễ xong, truyền chỉ ban cấp có thứ bậc. Sứ ấy lại yêu cầu cho quan quân họ vào đóng ở đài Trấn Bình, cũng cho.

Tháng ấy, trú Bắc Thượng thư Pháp Sinh-bích xin triệt bỏ tỉnh binh chỉ để lính lệ tuần thành, phu trạm và mọi việc mộ binh để kén chọn, thuê dân làm việc. Tỉnh thần Hà, Hải, Nam, Bắc đem việc tâu, chuẩn cho tỉnh thần thương lượng lại châm chước ứng theo [109a].

⁽¹⁾ Có lẽ DSTM chép nhầm. Sách *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)* của Dương Kinh Quốc (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 140) cho biết trận này quân Thanh chỉ bắt được 20 lính Pháp. BT.

Khâm sứ Pháp trú kinh kiêm Bắc Kỳ Toàn quyền đại thần Lu-mi-ô (Lemaire) đến thay cựu sứ Lê-na về nước, nhân làm lễ triều yết, ban cấp cho kim ngân tiền có bạc.

Tháng Chạp, Pháp sứy Mi-lô đánh bại quan quân Thanh ở đồn Đống Hoàn, vào đóng trong tỉnh thành (Lạng Sơn). Trước kia Pháp sứy đại chinh quân súng kẻ có hàng nghìn từ Hà Nội tiến lên cùng mọi đạo đồn trú Bắc Ninh hợp nhau lại cùng tiến công, cướp liền được ba đồn, thẳng vào cướp đồn đại doanh Đống Hoàn. Mọi quân doanh Thanh tan về thượng du. Tỉnh thần ấy dời ra đóng ngoài thành. Quan Pháp bèn vào thành chia ủy cho phó sứ giữ, rồi về. Việc tâu lên, sai bọn nguyên tỉnh thần Lã Xuân Oai đều về giữ chức cũ [109b].

Hàm Nghi nguyên niên (Ất Dậu, 1885), tháng Hai

Triệt bỏ cỗ đại bác ở trên Kinh thành (Huế) chỉ về sứ quán. Tháng trước Khâm sứ Pháp Lư-mi-ô thương lượng rằng hai nước đã hòa rồi thì mọi súng đặt chỉ vào trụ sở của sứ ấy nên hội đồng mà xét triệt bỏ đi. Vua đã chuẩn cho Thần cơ thống chế Tôn Thất Phê, Kinh thành Đề đốc Nguyễn Hữu Ngoạn cùng với bọn quan đề đốc lãnh binh Pháp hội xét. Đến khi ấy Pháp phái dẫn lính leo lên Bắc đài của Kinh thành đóng đinh khóa mọi miệng súng [gồm 45 cỗ], lại đòi triệt bỏ mọi chỗ từ bên tả nửa (pháo) đài Nam Xương đến bên hữu (pháo) đài Bắc Trung và ở toàn đài Trấn Bình. Đình thần, Cơ Mật Viện hai ba lần thương lượng xin không được, bèn cũng phải nghe theo bỏ đi cả.

Quân doanh Thanh đánh thua quân Pháp ở thành Lạng Sơn. Tháng Chạp trước, Pháp sủy thống binh Mi-lô đánh bại doanh Thanh, vào đóng trong thành ấy, lưu phó thống binh ở lại giữ, rồi về Hà Nội. Vua đã chuẩn Cơ Mật Viện phái quan đem các thứ kim [110a] khánh, ngà voi, độc kiếm, kim ngân tiền đến tặng. Đến khi ấy doanh Thanh đánh bại quân Pháp, lại vào đóng tỉnh thành, phó thống binh bị thương, lui về Hà Nội, viên thống binh ấy đóng ở Hà Nội cũng trở về nước họ. Các thứ tặng phẩm đến nơi, Thượng thư Pháp phái Sinh-bích cho là lần trước nguyên phái quan lớn, lần này lại phái thuộc viên, xin từ không nhận; bèn sai Phạm Thận Duật, Hoàng Hữu Thường đến sứ quán trước, nhờ Toàn quyền khâm sứ Lư-mi-ô giải bày thăm hỏi ủy mọt.

Quan quân Pháp hủy góc đông nam thành Hải Dương [năm, sáu trượng], xây thêm thành gạch [vuông bảy mẫu] làm trại lính, lại đưa thêm 2 tàu lớn chở theo 5.000 lính Ả-rập, 300 ngựa đến, chia đi phòng biển tỉnh ấy. Lại thương lượng với tỉnh ấy bắt giúp 6.000 phu tráng và cho một viên quan tỉnh hội đồng coi đốc, hàng ngày cấp tiền gạo, chỉnh lý việc phòng biển, lấp hào ao, sửa đường sá. Tỉnh thần tâu lên, sai châm chước ứng theo [110b].

Thống nhiếp Pháp La-lô-di-ê (Lalausier) đem quân đến Nha Thương Chính Bình Định, lấy hết bạc thuế [12.633 đồng. Lại bảo từ sau thuế thương cảng người Thanh, thuế nha phiên đều do người Pháp chuyên thu nhất luật như Đà Nẵng]. Liền lại đem quân đi tắt đến đài phòng biển, đóng đinh khóa mọi miệng súng [gồm 67 cỗ]. Còn bao nhiêu súng nhỏ, dao sắt, đạn dược và số bạc thuế hiện còn lại ở kho cộng 13.500 đồng 20 xu lấy hết mang đi. Việc tâu về. Vì vậy đình thần quan lại, Nha Thương Chính Bình Định và đề đốc phòng biển, tư cho trú kinh công sứ biết liệu biện.

Tháng Ba. Pháp sủy đặt 2 vệ lính tập ở Hà Nội. Bấy giờ Pháp sủy thương lượng rút lính ở tỉnh ấy lấy 6.000 quân, giao súng nhẹ cho diễn tập, chuẩn bị lâm thời phái đi tiểu, cấp cho lương bổng từ quân suất đến binh lính, có cả áo khổ. Sau các tỉnh Bắc Kỳ cũng lần lượt lượng số đặt như vậy.

Pháp phái bắt thụ đốc Hải Dương Hà Văn Quan, vây nhà đề đốc [111a] và trụ sở lãnh binh, lấy sạch kiểm án quan phòng, giấy tờ và mọi thứ bạc kho, đồ ký quý vật của tỉnh, rồi đem Hà Văn Quan xuống tàu giải về Gia Định. Việc tau về, khiến Cơ Mật Viện tư Khâm sứ Lư-mi-ô biết mà liệu biện. Sứ ấy phúc cho biết là sủng họ Cô-ra-suy (De Courcy) ngờ đốc thần ấy thông đồng với quan dũng Thanh, và các thứ đã lấy sẽ giao trả.

Mùa hạ **tháng Tư**, Khâm sứ Pháp Sâm-pô đến thay Lư-mi-ô về nước và đưa thư lại nói hai nước Pháp Thanh giảng hòa ở Yên Kinh. Tháng ấy tờ ước áp ký hồ giao đã xong, xin tư cho mọi tỉnh Bắc Kỳ biết. Lại đưa thư riêng nói quan khâm sai nhà Thanh đã đến Hà Nội trước, quan Pháp phái quân hộ tổng lên mọi nơi thuộc tỉnh Tuyên Quang thông báo rút quân. Giữa đường đến khoảng hạt Hưng Tuyên bị đạo quân của nguyên Bố chánh Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp đón đánh, trong số đó có người tử thương, xin chiếu luật mưu phản đại nghịch mà nghị xử và thông sức cho mọi người biết. [111b] Chuẩn sai tư cho biết và xét việc Nguyễn Văn Giáp xem có quả thể thì làm án trị tội, để tránh khỏi sự gây ra lời nói phao [Nguyễn Văn Giáp sau trốn tránh không biết ở đâu].

Tháng Năm, Pháp sủng Đô thống Cô-ra-suy kiêm quản mọi đạo quân nước Pháp hiện đóng ở Nam Bắc sung cả toàn quyền đại thần, lúc mới đến Bắc Kỳ lập tức viết thư do Khâm sứ trú kinh báo cho triều đình biết. Đến khi ấy đem rất nhiều binh tướng từ Bắc Kỳ đến cửa Thuận An. Sai quan hộ tiếp đô thống đến sứ quán.

Bấy giờ Viện Thương Bạc tau nói hiện nay nước ta với nước Pháp có nhiều công việc giao thiệp cần thương giảng, xét ra nên viết quốc thư cho sứ đi trước sang đô thành nước ấy ủy thẩm vị giám quốc, nhân tiện đem những sự việc trước sau họ làm không hợp và những khoản khó kham trong ước ra thương giảng lại xin chằm chước. Nhưng chưa biết nước họ có thuận nghe không, [112a] xin hãy viết quốc thư do khâm sứ gửi về giám quốc ý nghĩ thế nào trả lời sang sẽ liệu biện sau. Lúc ấy mới sai viết thư đề đạt về giám quốc nước Pháp [sau nhân xảy ra việc, nước Pháp thôi không thấy phúc đáp].

Ngày Đinh Mão tháng ấy. Kinh thành có sự⁽¹⁾

Tôn Thất Thuyết đem vua phụng ba Cung⁽²⁾ ra phía bắc. Trước kia Pháp sủng Cô-ra-suy đến sứ quán xin đạt quốc thư làm lễ triều yết, nhưng trước tiên yêu cầu Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng đến sứ quán hội thương. Thuyết thác bệnh ốm không đến. Văn Tường một mình cùng đi với Phạm Thận Duật. Sứ ấy không nghe, cố mời Thuyết. Thuyết sợ đến có thể có biến, cuối cùng vẫn không chịu đi. Ngày thường lấy quân Phán Nghĩa đến tự vệ, lại nghiêm sức cho mọi doanh quân kiểm chỉnh súng ống khí giới. Văn Tường và đình thần cho là như thế cũng làm thanh thế phòng bị thôi. Đến đêm 22 tháng

⁽¹⁾ Chỉ sự kiện Thất thủ kinh đô Huế, 23 tháng Năm Ất Dậu (05/7/1885). BT.

⁽²⁾ Cũng gọi là Tam cung, gồm Từ Dũ Hoàng thái hậu - mẹ vua Tự Đức, Lệ Thiên Anh Hoàng hậu Vũ Thị Duyên và bà Học phi Nguyễn Thị Hương - vợ vua Tự Đức. BT.

ấy, Thuyết mạt chia quân mọi doanh vệ làm hai đạo, một đạo giao cho em là Trị phòng Tham biện Tôn Thất Lệ cai quản [nguyên ở sơn phòng, Thuyết gọi về], nửa đêm qua Sông Hương hợp cùng bọn đề đốc, hiệp lý thủy quân đánh úp tòa sứ. Thuyết tự mình với bọn Chương vệ Phấn Nghĩa Trần Xuân Soạn làm một đạo đánh úp doanh trại quân Pháp ở phía nam đài Trấn Bình. Nguyễn Văn Tường không được biết. Thuyết chia cắt xong, bèn đứng đầu canh tư [tức sang ngày 23] nổ súng bắn đài Trấn Bình trước, tiếng súng chấn động. Quân Pháp cố thủ trong vách ẩn nấp đợi sáng, chỉ thỉnh thoảng bắn một, hai tiếng đại bác. Thuyết nhận được tin ủy báo quân Pháp ở đài Trấn Bình đã bị súng ta bắn chết hết rồi, đại bác kia ngờ là ở thuyền Pháp ngoài đài Trấn Bình bắn lên đó. Thuyết lại khiến chuyển đại bác của ta lên trên thành bắn trở vào tòa sứ [cũng có một hai chỗ vỡ]. Quân đạo Tôn Thất Lệ cũng bắn vào đốt cháy một dãy nhà ở gần tòa sứ.

Sáng ra, quân Pháp thủy lục đều tập hợp đem xe lẫn đại bác lên trên đài và ở trên sàn tàu cùng bắn liên hồi, tiếng nổ âm âm như sấm, đạn bắn ra bay rơi xuống làm bị thương chết rất nhiều, lại rơi vào cả mọi dinh điện trong Hoàng thành, cũng có cái thùng đổ. Quân Pháp [113a] lại chia toán lấy súng tay sẵn vào bắn bừa, hai đạo trong ngoài của ta tan vỡ. Trong thành náo loạn. Nguyễn Văn Tường xin vua và ba Cung giá hạnh ra Khiêm Cung tạm trú [khi ấy Nguyễn Văn Tường đã vào Tả Vu tức khắc xin mở cửa Hòa Bình đến chỗ Thuyết điều khiển xem xét, biết là tất thua. Lại vào Tả Vu tâu xin xuất hạnh. Trong lúc thắng thốt, chỉ chọn được hai quả ấn “Ngự tiền chi bảo” và ấn kiêm “Văn lý mật sát” và các thứ vàng bạc cất giấu mang đi theo]. Lấy Hữu quân Đô thống Hồ Văn Hiến phò xe đi. Giờ Thìn ngày hôm ấy, mới theo cửa Tây Nam ra. Văn Tường vâng ý chỉ ba Cung lưu lại xin hòa, lập tức đi tắt vào nhà thờ Kim Long. Thuyết ra sau, gặp xa giá, bèn một mình hộ chuyển đến Trường Thi [ở xã La Chử] nhân đưa đi bắc hạnh. Thự Hiệp biện đại học sĩ Phạm Thân Duật, thự Tham tri Trương Văn Để cùng Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lệ đều hốt tòng. [Bấy giờ tùy giá chỉ có loan giá và quân lính hầu hạ linh tinh độ trên dưới một trăm, ngoài ra lính mọi doanh vệ sau khi thua đều lập tức tìm đường tan về nguyên quán]. Giờ Ngọ mới đến Văn Xá nghỉ lại. Thuyết lấy mệnh vua lược kể hiện tình xuất hạnh thông hịch thiên hạ Cần Vương chuyển tư cho Nam Bắc tuân biện. Rồi vua và ba Cung [113b] ngự giá đến đóng tạm ở hành cung Quảng Trị. [Sau đây thự Hậu quân chương phủ Nguyễn Hanh, thự Đô thống Ngô Tất Ninh, thự Tả quân Đinh Tử Lượng, Công Bộ Tham tri Tôn Thất Phiên, Biện lý Trần Khánh Tồn, Hiệp lý Cao Hữu Sung, Phủ doãn Nguyễn Đình Dương, Toàn tu Phạm Phú Lâm cũng đều lục tục đến hành tại]. Đương lúc ngự giá đã đi ra, quân Pháp lên Kỳ Đài treo cờ tam tài, tiếng súng vẫn còn nổ vang. Quan lại quân dân tranh nhau tìm cửa ra, tự giẫm xéo lên nhau bị thương, chết cũng nhiều. Quân Pháp bèn đốt hai bộ Lại, Binh [hai bộ do Thuyết, Tường đã ở] và mọi doanh trại, khí giới đạn dược, khoi bốc ngút trời [hai ngày đêm không tắt]; chia quan giữ mọi cửa thành trong ngoài và các sở cung điện, kho lẫm. Ngày ngày phát gạo kho thuế, bắt nhân dân còn ở lại trong thành và ở ngoài vừa vào đi sửa đắp các trại

lính làm nơi trú đóng và nhật chôn, hỏa táng những người trận vong. Xác chết đầy rẫy ngoài đường. Trong đô thành nơm nớp sợ hãi. Ngày hôm ấy, Văn Tường vào nhà thờ Kim Long lập tức thương thuyết với giám mục Lộc⁽¹⁾ cùng đi đến sứ quán trần tình với đô thống Pháp khổ công thương thuyết xin giảng hòa. Đô thống cũng nghe, [114a] dặn phải rước mau vua và ba Cung trở về hành tại.

Ngày 24 giao hội đồng hòa hảo hai nước và cùng thông báo Nam Bắc. Văn Tường lại ủy Binh Bộ Thị lang Phạm Hữu Dụng đến hành tại, đem hiện tình nói với Thuyết tâu và xin nghinh giá tâu vua biết. Hữu Dụng bị Thuyết ngăn không được tâu.

Ngày 27, vua hạnh giá đến Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. Do thế bây giờ lòng người náo sợ kinh hoặ không biết theo đâu. Riêng một hạt Thừa Thiên có được Văn Tường hiện giảng hòa, và hết sức ra hiệu lệnh phòng dẹp, tạm nhờ đó được yên, ngoài ra mọi tỉnh hạt Nam Bắc, côn đồ cũ hợp lại, trộm cướp nổi ra, lương giáo bình nhật thù nhau, nay tàn sát lẫn nhau, nơi nào cũng có. Đô thống Pháp lại buộc Văn Tường phải triệu tập quan lại, đòi bắt lính về, hiệu thị cho mọi chỗ Nam Bắc lương giáo không yên và cấm tiệt mọi trộm cắp, hạn trong hai tháng phải yên ổn.

Tháng Sáu, vua ở Sơn phòng Quảng Trị, ba Cung ở lại hành cung. Tuần phủ Quảng Trị Trương Quang Đản đã bàn [114b] với Lương Thành cho là thành (Quảng) Trị gió bụi, nghĩ xin ba Cung hồi loan và đã tư cho Nguyễn Văn Tường biết liệu biện. Văn Tường được báo lập tức đưa thư cho Khâm sứ Pháp Sâm-pô thương tường Đô thống Cô-ra-suy nghĩ thế nào cho hợp trả lời lại cho thi hành. Tháng ấy [ngày mùng 2], bèn tâu đệ, trước hãy xin ba Cung hồi loan về Khiêm Cung để yên định chí mọi người, bèn ủy Biện lý Trương Như Cương, Tôn Thất Niêm đến đợi nghinh giá. Ba Cung chuẩn như lời tâu, bèn hồi loan về Khiêm Cung. Tôn Thất Thuyết ủng giá còn ở Sơn phòng Quảng Trị dựa mệnh vua dụ thiên hạ Cần Vương, lại dò đường trạm chuyển về kinh đưa dụ riêng cho Văn Tường. Đầy đều là những việc trước ngày mùng 7 tháng ấy.

Ba Cung ra ý chỉ chuẩn Thọ Xuân Vương Miên Định nhiếp chính việc nước. Phàm mọi việc đều tâu đạt ý chỉ ba Cung mới tuân hành.

Bấy giờ vua ngự giá bắc hạnh đến đóng ở Bảo Đài [giáp hạt Quảng Bình], sau lại ngự về phủ thành cũ Cam Lộ [Thuyết đem giá đến Bảo Đài, nghe quân Pháp đậu tàu ở bến Nhật Lệ, lại đem vua chuyển về sơn phòng [115a] để theo đường thượng đạo. Ngày 11 tháng ấy, xa giá đến phủ cũ ngừng lại đóng ở đấy]. Liên ngự đường thượng đạo, theo đường Mai Lĩnh đi bảo Trấn Lao đến Bận Cạn dừng lại.

Tháng Bảy, quân Pháp đóng áp bến Đà Nẵng, Quảng Nam [gồm 150 lính ở trong đồn Điện Hải].

⁽¹⁾ Tức Giám mục Caspard. BT.

Vua ngự giá đến Hàm Thao [gần phía bắc Sông Khung, cách Sơn phòng Hà Tĩnh 7 ngày đường], sắc cho tỉnh phòng Hà Tĩnh vận lương mở đường, nghinh giá đến sơn phòng tỉnh ấy kịp khi giá đến phòng, nghe đồn nói có quân Pháp đến, Thuyết lập tức đưa vua đi nơi khác.

Đô thống Pháp Cô-ra-suy bắt Thái phó Cần Chánh Điện Đại học sĩ lĩnh Lại Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần, Kỳ Vỹ quận công Nguyễn Văn Tường, cùng với Hộ Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần Phạm Thận Duật cho giải xuống tàu đưa về Gia Định [đô thống ấy thấy Văn Tường từng đã kháng cự nước Pháp, lại cùng Tôn Thất Thuyết sung làm Phụ chính, sau lại đốc xuất quan quân hốt nhiên gây ra việc đánh nhau]. Thuyền Pháp chở Văn Tường đến Gia Định, rồi đưa cả Phạm Thận Duật, Lê Đình [bố Thuyết] cùng chở về nước Pháp. Thận Duật giữa đường mắc bệnh chết.

Tháng ấy, Đô thống Pháp Cô-ra-suy, Khâm sứ Sâm-pô đưa thư đến nói trả lại ngôi vị Hoàng đế Đại Nam [115b] như trước, giao trả thành trì, đồng thời rước ba Cung về nguyên cung điện, quan lại mọi nha lục bộ vào thành cư trú làm việc như cũ. Ba Cung dụ chuẩn mọi tỉnh Nam Bắc lấy quân Pháp chia phái đi đóng áp. Khi ấy Kinh thành còn cần sửa sang lại, quân mọi tỉnh còn đơn sơ, đô thống Pháp cùng khâm sứ đại thần thương nghị từ Quảng Nam đến Bình Thuận, từ Quảng Trị đến Thanh Hóa, lượng xét theo lớn nhỏ mà phái quân thuyền chia đi đóng áp, để yên dân cư, còn như quan tỉnh trị dân làm việc như thường đợi Kinh thành giao xong, kén quân sung ngạch, quân Pháp sẽ tự triệt về, xin dụ hiểu thị cho dân biết, khỏi để người ngờ vực. Cho nên có lời chuẩn ấy.

Tháng Tám, mùa thu, Nguyễn Hữu Độ [nguyên Hộ lý Hà, Ninh Tổng đốc, nghe báo về kinh. Quan Pháp thương lượng xin vâng ý chỉ thăng cho Võ Hiển Điện Đại học sĩ sung Cơ Mật Viện đại thần vẫn đề sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ] [116a] cùng Phan Đình Bình [nguyên lĩnh Định, Yên Tổng đốc mới, vâng ý chỉ thăng Hộ Bộ Thượng thư, sung Cơ Mật Viện đại thần], từ Bắc Kỳ về cùng quan Đại Pháp thương định hiệp với Tôn Nhơn (Phủ), đình thần tâu đặt ba Cung, rước dựng Hoàng nhị tử Kiên Giang quận công vào nối ngôi hoàng đế, sai sửa quốc thư đưa đến đệ về Hoàng đế nước Đại Pháp [Thư nói hai nước giao hảo đều nhờ hậu ý bảo hộ; lại xin biểu dương quý Đô thống đại thần Cô-ra-suy làm Bảo hộ quận vương, Khâm sai đại thần Sâm-pô làm Bảo hộ công, kính cần sai sứ đưa lễ để làm rõ lại cái hảo cũ]. Quan Pháp giao trả 2 vạn lạng bạc, 2 vạn quan tiền đồng [Bấy giờ nước ta (hoàng tộc và đình thần) mới về thành, quân Pháp trích trả số tiền ấy cung tiến Đại Nội chi dùng. Còn như thương khó vẫn do lính quan Pháp canh giữ, mỗi khi chiếu xét cần cấp bổng lương tiền gạo, trích ra giao quan kho nhận giữ chiếu phát] và vâng đem hai tôn điện Long An, Hiếu Tư cùng với sứ quán giao trả.

Thân hào Quảng Nam kết làm Nghĩa hội [Sơn phòng sứ Trần Văn Dư đứng chủ] tụ tập dân chúng bách giữ tỉnh thành. [Tuần phủ Nguyễn Ngọa, Bố chính Bùi Tiến Tiên,

Án sát Hà Thúc Quán đều chạy trốn]. Quân Pháp mang quân đi đuổi. Bọn Nghĩa hội bèn tan đi các phủ huyện, cùng với giáo dân tàn sát lẫn nhau. Thân hào Phú Yên [116b] cũng khởi quân chiếm giữ tỉnh thành. [Bổ chánh Phạm Như Xương bị bách giam. Án sát Hoàng Côn, Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh trốn tránh]. Phó đô thống Pháp phái quân thuyền thu phục, thương lượng phái các quan bổ chánh và án sát mới cùng đi kiểm nhận thành trì làm việc [chuẩn Hộ Bộ Thượng thư Tán lý Lương Xuân Huyền lĩnh Bổ chánh sứ, Nội các thị độc Cao Đề lĩnh Án sát sứ].

Khâm sứ Pháp Sâm-pô về nước [sứ vụ do Phó đô thống Ba-duy-đam quyền biện. Vua cho là mọi đại thần Pháp đều có chân tâm bảo trợ, đã biểu dương Đô thống Cô-ra-suy làm Bảo hộ quận vương, Khâm sứ Sâm-pô làm Bảo hộ công. Đến nay lại biểu dương Phó đô thống Ba-duy-đam làm Bảo quốc công, quan bảy lon Tham tán đại thần Hoa-nê là Dực quốc công, Lại Bộ Thượng thư Sinh-bích làm Vệ quốc công. Lại tặng năm đại thần trên mỗi người một kim bài].

Năm Ất Dậu, mùa đông, tháng 10, niên hiệu Đồng Khánh

Phó đô thống Pháp tự thương lượng ở phía nam Ngự Bình và bên chùa Thiên Mụ [117a] đều có khoảng đất trống xin lập trường bắn ở hai nơi ấy để cho lính đến học tập. Vua cho. [Lại sai từ Thanh Hóa trở vào nam đến Bình Thuận, kén chọn lính tập là chiếu theo điều ước mới định vậy].

Quan Pháp chọn một quan lớn thuộc Võ ban sung Đề đốc cai quản các quan võ giỏi lại giúp nước ta dạy quân lính tập luyện. Bấy giờ phó đô thống tâu nói thời Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta, quý quốc đã phái Đề đốc Cô-li-vi-ê (Ceulivier) lại trước giúp đỡ ta. Viên ấy đã làm ở trong nước ta những gì nơi nơi đều còn cái công trước kia mà giúp ta giàu mạnh. Bèn thân dẫn Đề đốc Ba-đi-sô (Bardisau) và hơn 40 viên quan coi lính tập vào làm lễ triều yết ở điện Cần Chánh. Vua chuẩn Cơ Mật Viện đem cấp một kim khánh cho quan đề đốc để tỏ rõ hảo ý.

Mọi phủ huyện Nghệ An cũng khởi quân [nguyên Đốc học Nguyễn Xuân Ôn, phòng sứ Lê Quang Nhạ là chủ]. Đề đốc Pháp đem quân tiến tiểu, thường được luôn. Ban cấp cho một kim khánh, một kim tiền [117b] và chuẩn Cơ Mật Viện viết thư đến ủy tặng. Khi ấy hạt tỉnh Quảng Bình [mọi phủ huyện Quảng Trạch, Quảng Hóa, Bố Trạch thân hào khởi sự, dựng các hiệu cờ khởi nghĩa Cần Vương [thủ xướng nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuấn]. Chuẩn sai viện thần hội thương với phó đô thống Pháp nghĩ cách trừ ngay, một mặt tư các tỉnh thương lượng với quân Pháp đóng ở đây hiệp tiểu, không cho dây dưa lan rộng].

Quan quân đại Pháp tiến đến đánh Sơn phòng Hà Tĩnh. Lê Thuyết lại đưa vua Hàm Nghi lui về thượng du Quảng Bình. Tỉnh thành cũng thu phục lại. Bấy giờ Thuyết phụ

giá vua Hàm Nghi đến Nha (Sơn) phòng, lấy chiếu thư triệu thân hào hạt Tĩnh, chia đặt quan lại đóng đồn ngăn mọi chỗ xung yếu làm kẻ lâu dài. Ngày 16 tháng ấy, quân Pháp từ Nghệ An do đường sông tiến phá đồn Trúc Lâm, bèn thắng đến Nha phòng. Thuyết lại đưa vua về Bến Vây [thuộc về chỗ ở của thổ tuần Quảng Bình Trương Quang Thủ], thầy trò đều tan chạy. Thuyết liền lưu vua ẩn nấu ở đây, rồi tự mình với lũ Xuân Soạn đều đi Bắc. Các quan viên tỉnh Hà Tĩnh [118a] mới đặt ra nghe Nha phòng không giữ được, bèn đem đốt hết dinh thự kho tàng rồi tìm chỗ trốn tránh.

Tháng Chạp, phó đô thống Pháp thương thuyết rằng hiện tỉnh Quảng Bình chưa yên; lại nghe tin vua Hàm Nghi trú ẩn ở xã Thanh Hà phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình, mà đang lại phân tán lan rộng, quan phủ huyện nhiều kẻ khiếm tránh, tất phải có đại thần trọng vọng đến kinh lược trước mới mong chóng yên được. Bèn chuẩn sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Lại Bộ Thượng thư Phan Đình Bình đi làm kinh lược Quảng Bình.

Đô thống Pháp toàn quyền đại thần Cô-ra-suy về nước, Tham tán Vay-da-nê (Warnet) thay quyền làm việc [118b].

Bính Tuất (1886) năm đầu niên hiệu Đồng Khánh, mùa xuân, tháng Giêng

Vua ngự điện Thái Hòa nhận lễ chào mừng. Phó đô thống Pháp là Ba-duy-đam đem hơn 5.000 quan quân Pháp đến làm lễ khánh hạ. Lúc bấy giờ Phó đô thống Pháp thương rằng: Vâng mệnh triều đình Pháp đến bảo hộ nước ta, lâu nay tình nghĩa khăng khít, duy hai bên chia cách⁽¹⁾ chưa đủ để tỏ lòng giao phu.

Nay kính vâng Hoàng thượng nhân mùa xuân đi vãng cảnh thăm thú, thấy nhân dân đều được mừng vui thịnh vượng, quý đại thần xin đem hết quan quân vui vẻ chúc mừng để tỏ lòng tôn kính và lại khiến cho nhân dân nước ta đều biết lòng thành của nước bảo hộ. Vua chuẩn y lời thương để tỏ ý tốt đến lúc xa giá đi ra, quan quân Pháp và quan quân ta đều đi theo hầu. Nghi vệ đổi mới, những người đi xem không ai là không có lòng cảm khái tích kim (xưa nay).

Viên Quyền đô thống ở Bắc Kỳ là Vi-ê, thăng Chánh đô thống chuyên xét các công việc Bắc Kỳ và việc cả nước ta.

Chuẩn cho Nguyễn Hữu Độ sung làm Toàn [119a] quyền đại thần, Nguyễn Thuật làm Phó toàn quyền đại thần đệ hòa ước, khoán ước qua sứ quán, giao cho Quyền khâm sứ Hách-tô. Lúc bấy giờ Đô thống Bắc Kỳ nói rằng: 19 khoản hòa ước tháng Năm năm Giáp Thân, khoán ước 4 khoản tháng Giêng năm Ất Dậu chưa được giao lại cho nhau. Nay ủy cho viên Quyền khâm sứ hội đồng với các quan nước ta phải đến ngay sứ quán để giao lại cho nhau. Nên mới giao Bộ Lễ kiểm tra lại các công việc nên làm, lấy ngày 20 tháng này, sai hai vị đại thần vâng sắc chỉ đi qua sứ quán làm lễ hồ giao. Khi việc xong rồi tặng cho viên sứ hồ giao các phẩm vật.

Nước Pháp tặng cho vua một cái “Nhất hạng bội tinh” và Nguyễn Hữu Độ một cái “Nhì hạng bội tinh”. Chuẩn định kiểu mẫu bội tinh và thẻ thức khâm văn. Lúc bấy giờ quan quyền khâm sứ viết thư lại nói rằng: Về khoản tặng thưởng cho các quý quan, các nước thường lấy bội tinh vàng bạc làm quý, ai được tặng thưởng cũng dễ mang theo. Ý quan đô thống muốn nước ta cũng làm như thế để hợp với tính tục, [119b] rồi đem các kiểu mẫu của bội tinh và khâm văn do Viện Cơ Mật trình lên. Viện Cơ Mật bàn rằng những lời đề nghị của quan đô thống đều đã thỏa hợp, duy thẻ chế trong lòng cái sao tròn so với các nước có khác, xin đổi làm hình cái thuẫn. Và lại tặng phẩm có tôn ty, công có lớn nhỏ khác nhau, nên chia ra hai hạng văn, võ, mỗi hạng lại chia ra năm bậc khác nhau để có phân biệt. Xin thứ quý đại thần xét phúc và nhờ thuê thợ đúc chế để đủ khi lâm thời tặng thưởng. Còn như quý quan giúp việc được thưởng kim khánh và kim tiền bao nhiêu nhờ quý khâm sứ phúc xét để tiện đổi lấy huy chương, khâm văn cho trọng sự

⁽¹⁾ Nguyên văn: “đường liêm phân cách”. BT.

thể. Còn các bội tinh do quý quan tự mua lấy không cần phải cấp lại. Các quan nước ta ai được ban thưởng cũng nên đổi dùng hạng bội tinh ấy để tỏ rõ thống nhất và tiện giao tiếp, vua y theo lời bàn tâu ấy của Viện Cơ Mật.

Từ khi đấy về sau, viên đô thống lại y theo lời thương tư ấy và định ra kiểu mẫu và 11 khoản điều lệ. Vua chuẩn y cho theo lời thương mà thi hành

Viện Long Tinh⁽¹⁾ có điều lệ như sau: Hễ những người có lòng tốt giúp đỡ Hoàng đế nước ta để làm những việc [120a] có lợi ích cho nước nhà đều nên ban thưởng. Viện Cơ Mật xin đặt Viện Long Tinh để phòng khi tặng thưởng cho những người có công trạng. Đặt ra những điều lệ như sau:

1. Viện Long Tinh của bản quốc là để ban thưởng cho các quan văn võ có công.
2. Viện Long Tinh do Hoàng đế nước Nam tự nắm quyền.
3. Phàm những người được thưởng Long tinh chia ra làm 5 hạng: Bên văn: Hạng nhất gọi là Khôi kỳ long tinh, hạng nhì gọi là Chương hiền long tinh, hạng ba gọi là Biểu đức long tinh, hạng tư gọi là Minh nghĩa long tinh, hạng năm gọi là Gia thiện long tinh; bên võ: Hạng nhất gọi là Trác dị long tinh, hạng nhì gọi là Thù huân long tinh, hạng ba gọi là Tinh năng long tinh, hạng tư gọi là Tướng trung long tinh, hạng năm gọi là Khuyển công long tinh.
4. Đại Nam long tinh làm hình ngôi sao có tám cánh. Trên hình ngôi sao có khắc hình cái mũ của Hoàng đế, ở trên mũ vẽ hình con rồng màu lục chân cắm lên trên mũ để làm chỗ đeo, ở giữa hình cái thuẫn khảm màu lam khắc 4 chữ “Đồng Khánh Hoàng đế” khoảng trống ở 4 bên khắc hình mặt trời và mây, như thể thức sao mây ở trong kim triều, ngân tiền, đều dùng vàng. Ở xung quanh hình cái thuẫn đều khảm một điều chỉ đỏ viền lam, ở trong và ngoài điều chỉ này đều thêu hai sợi chỉ vàng.
5. Long tinh hạng 5 bằng chất bạc, Long tinh hạng 4, 3, 2, 1 đều bằng chất vàng. Hạng 4 và hạng 5 đường kính 4 phân (dưới này đều dùng thước dây) hạng 3 trở lên đường kính 6 phân.
6. Tặng thưởng cho các quan văn võ đều dùng năm hạng Long tinh ấy.
7. Dây đeo Long tinh, quan văn thì dùng sắc lục, quan võ thì dùng sắc trắng, hai bên đều dùng màu vàng lửa, giữa rộng 3 phân 5 ly, hai bên đều rộng 7 ly.
8. Phàm những người được thưởng Long tinh hạng 4 và hạng 5 đều mang ở trước ngực về phía bên trái, dây đeo thì chỉ hạng 5 không có hình hoa tường vi, hạng 4 có hình hoa tường vi, dây hạng 3 thì lớn hơn, hạng dây này mang ở cổ, thông xuống trước ngực,

⁽¹⁾ Tên đầy đủ là Đại Nam Long Tinh Viện, do vua Đồng Khánh cho thành lập vào tháng 02/1886. BT.

hạng nhì là một cái bài tròn, bài ấy rộng 9 phân. Tám tia hào quang toàn dùng chất bạc khảm ngọc thạch, giữa lòng hình cái thuẫn cũng như hình long tinh. Đeo phía bên phải ở trước ngực, lại mang thêm một cái Long tinh hạng 4. Dây tua của hạng nhất, [120b] như quan văn thì ở giữa dùng màu lục có vàng, còn quan võ ở giữa dùng sắc trắng đều lớn hơn hạng 4, dây tua hai bên đều dùng sắc vàng lửa, đầu môi giáp chỗ đeo Long tinh rộng 7 phân, mảnh ở vai bên phải thông xuyên xuống hông bên phải, lại ở phía trái trước ngực, mang thêm một cái bài tròn bằng bạc. Bài này y như thể thức của hạng 4. Chỉ có Hoàng đế mới được mang Long tinh hạng nhất, còn mang thêm một cái Long tinh hạng nữa. Các quan viên khác không được dùng lệ ấy. Tự trung dây tua từ vai bên phải đến nách bên trái, đây là nói về quy thức khi mang Long tinh của các quan viên, còn như cách đeo mang của Hoàng đế nên dùng cách nào cho đẹp mắt thì sẽ theo lúc mà sửa đổi.

9. Các hạng Long tinh chỉ do Hoàng đế ban thưởng. Khi nào những người đáng được ban thưởng đều do quan đại thần các bộ sở tâu xin.

10. Hễ những người được thưởng Long tinh, Bộ Lễ phải tư trước cho biết, sẽ ban cấp cho chế văn sau nhưng phải kê biên các số hạng chức hầu cận của những người được thưởng để lưu chiếu.

Còn hình thức khâm văn của huy chương ở trên mặt vẽ rồng, khắc 4 chữ “Đông Khánh Hoàng đế”, ở dưới phía ngang khắc năm chữ: “Đại Nam Long Tinh Viện”, bên phải bên trái vẽ nghi trượng nước Nam, mặt sau vẽ hình bội tinh, về trung tâm bên phải viết đoạn chế văn như sau:

“Thừa thiên hưng vận, hoàng đế chiếu viết: Mỗi quan tính, danh hữu tâm ư trầm, cấp trợ ích quốc gia đặc thưởng mỗi hiệu (như văn nhất hạng Khôi kỳ, võ nhất hạng Trác dị...) Long tinh, dĩ chương dĩ sủng khâm tai”. (Nghĩa là: “Vâng trời mở vận Hoàng đế nói rằng: [quan nào họ tên gì] có lòng với trầm và giúp ích cho nhà nước, đặc cách thưởng cho Long tinh hạng... [như bên văn Long tinh hạng nhất hiệu “Khôi kỳ”, bên võ Long tinh hạng nhất hiệu “Trác dị...]] để tỏ ơn riêng. Kính trọng vậy thay”).

Ở hàng tiếp đó viết những chữ: “Viết tại điện... ở kinh đô nước Đại Nam”, ở hàng kế tiếp viết “niên hiệu”, sau hết viết: “Trung duyệt Lễ Bộ Thượng thư ký”. Lấy ngày thành lễ “hỗ giao” chuẩn cho viết quốc thư (đại ý lược thuật lại lễ hỗ giao đã xong, tưởng từ đây tình bang giao ngày càng thân mật).

Sắm sửa lễ vật kính tặng Hoàng đế nước Đại Pháp và các quan văn võ Pháp ở Bắc Kỳ, sai quan đại thần Nguyễn Hữu Độ ra Hà Nội tỏ ý [121a].

Viên Quyền khâm sứ đưa thư nói rằng: Quý quan đô thống thương định về việc đánh thuế chở gạo cứ 100 cân tây đánh thuế 1 quan tiền tây (Tính theo tiền nước ta từ 1 quan 3 mạch đến 2 quan, tùy theo giá bạc cao hạ). Với thuyền Pháp chở gạo về nước

Pháp các sở quản trị của nước Pháp thu thuế, cứ mỗi cân 7 mạch tiền tây. Còn như các thuyền chở bán ở trong nước ta từ cửa biển này đến cửa biển khác thì khỏi phải thuế. Viện Cơ Mật tâu lên được Hoàng đế chuẩn y, sai thông lục cho các tỉnh tuân làm.

Tháng Hai, Phó đô thống Pháp Ba-duy-đam trở lại Bắc Kỳ, chuẩn cho Viện Cơ Mật đem sắc phong cáo trực⁽¹⁾ bài vàng và các phẩm vật ra tặng.

Tháng Ba, tặng bội tinh cho giám quốc nước Pháp và các quan văn, võ cộng 112 cái. [Tặng vị giám quốc nước Pháp một cái hạng nhất “Khôi kỳ bội tinh” và một đạo khuê văn đóng ấn Hoàng đế. Tặng thưởng các viên quản lý các bộ của nước Pháp sung vào Viện Thương Bạc như sau: Thường Long tinh hạng nhất cho quý chức đô thống sung thượng thư Bộ Binh, quý chức phó nguyên soái sung làm công việc thủy sư và các việc thuộc địa Ô quý chức, quyền sung Bắc Kỳ đô thống Vì quý chức, các quý chức phó tổng lý Viện Bội Tinh đều được thưởng hạng Nhất. Ngoài ra tặng 10 cái hạng hai, 50 cái hạng năm. Quý đô thống trước nghĩ thưởng cho Phó đô thống Ba-duy-đam Long tinh hạng ba, Khâm sứ Hách-tô hạng bốn, còn Khâm sứ cũ là Sâm-pô không có. Nhưng viện thần nghĩ 4 viên ấy đều có công lao, xin cải thưởng cho Ba-duy-đam hạng nhì, Hách-tô, Sâm-pô và Lê-na đều tặng hạng ba).

Đại thần nước Pháp là Pôn-be (Paul Bert) đến làm Toàn quyền nước ta.

Các quan ở Viện Cơ Mật tâu rằng: phong tục ở các nước Đông Tây, phần nhiều hay chuộng danh tiếng, vì vậy những người học rộng biết sâu, hễ đến nước nào, nếu được dự vào chức thanh yếu, đều lấy làm vinh quang. Nay ông Pôn-be du lịch khắp các nước, văn học ưu trường. Cứ lời trình bày của các phái quan nói rằng chiếu theo tục các nước, nếu được dự vào hội văn học, như chức Hàn lâm chẳng hạn, thì quý đại thần coi trọng hơn là cho mấy vạn bạc, xin nên làm như thế. Hoàng đế nghe vậy mới chuẩn cho mời ông Pôn-be làm “Hàn Lâm Viện Trục học sĩ”, vị ần sĩ ở Nam Trung là Trương Vĩnh Ký (người Gia Định, cùng đi đến với quan toàn quyền) làm “Hàn Lâm Viện Thị giảng học sĩ” [122a].

Mùa hạ, **tháng Tư**, quan Toàn quyền Pháp là Pôn-be đến kinh làm lễ triều yết, Hoàng đế Việt Nam thưởng cho một cái Long tinh hạng nhất.

Khâm sứ Pháp là Đình-long (Dillon), biệt phái Khâm sứ cũ là Hách-tô (Hector) lại làm công việc khâm sứ. Quan Pháp bàn chọn chia quân bộ xứ Bắc Kỳ làm 4 đạo:

[Hà Nội, Mỹ Đức với phía hữu ngạn sông ở tỉnh Sơn Tây làm đạo thứ nhất (6.260 người, trong đó: sung vào đạo lính tinh, kinh lược và công sứ 1.260 người, lính tập 5.000 người).

Nam Định, Ninh Bình làm đạo thứ hai (6.890 người, trong đó: 2 tỉnh và 2 công sứ 1.890 người, lính tập 5.000 người).

⁽¹⁾ Cáo trực là một đạo sắc viết trong giấy cú vẽ rồng và cuốn vào một trục gỗ.

Bắc Ninh và hữu ngân sông làm đạo thứ ba (7.520 người, trong đó: 2 tỉnh, 2 công sứ và đóng đồn ở Tuyên Quang là 2.520 người, lính tập 5.000 người).

Hải Dương, Hưng Yên làm đạo thứ 4 (6.860 người, trong đó: 2 tỉnh và 2 công sứ 1.860 người, lính tập 5.000 người). Cộng 27.530 người].

Vua nghĩ trong Nam ngoài Bắc lâu nay chưa yên, từ Quảng Nam vào Nam đã lựa sai quan khâm sai giao cho được tiện nghi làm việc, cũng đủ để vỗ yên rồi, nay muốn ngự giá đi ra miền Bắc, trước đến Hà Nội, kiểm điểm quân lính lương thực, rồi trở về Thanh Hóa, lần lượt đánh dẹp để nhưc động uy thanh. Mới sai Viện Cơ Mật đánh điện cho quan toàn quyền biết để chuẩn bị nghênh tiếp, được quan toàn [122b] quyền trả lời rằng: thành quách Hà Nội đã bị dỡ phá xin Ngự giá nghỉ chân ở Thanh Hóa mới được ổn trọng, xứng đáng là nơi để vương ở. Vua liền sai Viện Cơ Mật trừ liệu các công việc nên làm. Các bộ nha phải chiếu theo công việc của mình phải làm mà chuẩn bị trước.

Đến nay quan toàn quyền đại thần đến kinh bàn với Viện Cơ Mật trước ra đóng nghỉ ở Quảng Trị, Quảng Bình chờ xem nên chuyển đi tỉnh nào sẽ liệu trừ sau.

Mới xuống dụ thân chinh chuẩn cho Cố mệnh lương thần, Cần Chánh Điện Đại học sĩ, Bảo quốc lương thần sung Cơ Mật Viện đại thần nhưng sung Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ, Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ sung làm chức Ngự tiền thống soái quân vụ đại thần.

Lễ Bộ Hữu Thị lang, Tham tán Cơ Mật Viện vụ Nguyễn Hoàng sung làm chức Phụ tế quân vụ đại thần, Chương vệ Nguyễn Hữu Văn, Thừa phủ Tôn Thất Bá sung làm chức Hộ giá đại thần.

Thị lang Bộ Hộ là Nguyễn Vĩ [123a] sung làm Tham tán quân vụ, Tá lý Bộ Công là Phạm Ngọc Thọ sung làm Tán tương quân vụ, Chương vệ quyền trưởng doanh Tiền Phong là Lưu Khắc Trung sung làm Đề đốc quân vụ, Phó chương vệ là Lê Quang Chỉ sung làm Đề đốc quân vụ.

Tôn Nhân Phủ Hữu Tôn chính Hoài Đức công là Miên Lâm sung làm chức Lưu kinh thân thần, Tiền quân đô thống phủ chương phủ sự sung thị vệ đại thần là Tôn Thất Xy, Hiệp tá Đại học sĩ lĩnh Thượng thư Bộ Hình là Đoàn Văn Hội, Hộ Bộ Thượng thư Nguyễn Thuật, Lễ Bộ Thượng thư Chu Đình Kế, Công Bộ Thượng thư Hoàng Hữu Thường đều sung chức Lưu kinh đại thần.

Quan Ba khâm phái toàn quyền đại thần Pháp là Ba-lê-tu-tê sung làm chức Ngự tiền trực hậu, quan Ba My-lê sung làm Đề đốc quân vụ, đem quân Pháp đi theo hầu.

Tháng Năm, quan toàn quyền đại thần Pháp muốn sửa ba khoản điều lệ, tư cho Viện Cơ Mật phúc xét. Viện Cơ Mật [123b] xét các khoản đều đã thỏa hợp, duy chỉ châm chước sửa đổi lại một đôi chi tiết nhỏ, tâu chuẩn thi hành.

Điều 1: *Cấm chở súng ống thuốc đạn.*

a. Phàm súng đạn đại bác, điều thương và tất cả những đồ gì thuộc về binh khí đều không được chở vào địa phận bản quốc.

b. Phàm các quan người Pháp trú ở bản quốc làm công việc bảo hộ và người buôn Pháp phải có giấy chứng nhận của công sứ và phó công sứ mới được chở vào. Nhưng trong văn bằng phải nói rõ người chủ chở hiện trú ở đâu, chở những vật liệu gì? Mỗi hạng bao nhiêu? Do tỉnh nào chở đến?

c. Trừ những người được phép chở và thể lệ được chở như đã nói ở khoản b trên, còn ra ngoài hễ ai chở đồ binh khí và đồ cấm vào biên giới nước Nam thì vật hạng đều bị tịch thu vào kho và người phạm pháp thì chiếu luật trị tội.

Điều 2: *Hễ làm việc ích chung thì quan được đem ruộng đất công hoặc tư sung làm việc công.*

a. Khi nào ở quan có xây dựng gì về việc ích chung mà cần phải lấy ruộng đất công hoặc tư để làm, sau khi đã được chuẩn ý, hoặc đã có hội đồng quan Pháp nghị định mà được quan đại thần Pháp y rồi, thì ruộng đất công tư ấy được sung công, nhưng phải chiếu theo giá tiền hiện thời mà trả lại cho nguyên chủ.

b. Thể lệ trích lấy ruộng đất tư để sung công thì do quan Toàn quyền Pháp xét định.

Điều 3: *Chuẩn định quyền hạn và chức vụ của viên Kinh lược Bắc Kỳ.*

Toàn hạt Bắc Kỳ, đất rộng dân đông, lại ở xa kinh đô, có nhiều công việc phiên khản. Cần phải đặt một viên quan lớn ở Hà Nội, giao cho quyền lớn, tùy tiện làm việc, mới mong nhanh chóng. Nên đã chuẩn cho đặt chức “Kinh lược đại sứ” ở Bắc Kỳ.

Từ nay tất cả các công việc ở Bắc Kỳ đều chuẩn cho viên Kinh lược thay triều đình làm việc. Duy trong hòa ước đã có xét định các khoản về quan Kinh lược, quan Pháp và các quan chức Nam triều thì quan Kinh lược không được sửa đổi.

Lại quan Kinh lược đã được chuẩn cho quyền “tiện nghi hành sự” thì những công việc gì đã làm xong xuôi rồi, hoặc có nghị định làm việc gì đều phải tâu về cho Hoàng đế biết để hợp thể chế. [124a] Điều này phải biên vào trong lời dụ để trọng sự thể.

Quan Toàn quyền Pháp đưa thư nói rằng: một nửa số vàng bạc sẽ giao lại cho nước ta, còn một nửa chở về Pháp để đúc thành bạc đồng, dùng để cấp lương cho lính tập hai năm và phí tổn làm các công việc.

Nam triều chuẩn cho Thị lang Bộ Hộ là Hồ Lệ, Hộ lý Nội vụ là Nguyễn Huệ, hội đồng với các quan Pháp kiểm nhận rồi cùng nhau ký vào bản lưu chiếu.

Quan Pháp trả lại kho tàng ở Huế cho Nam triều. Sai thống soái đại thần là Nguyễn Hữu Độ hợp sức với lính Pháp tiến đánh tới các sơn phận tỉnh Quảng Trị, vua mới ban cho Nguyễn Hữu Độ lá cờ Phi Long đốc thúc ba đạo quân cùng với quân Pháp tiến lên, mấy ngày liền lấy được các đồn lớn của quân phi: Đồn thứ nhất, tục gọi là Khe Cây Giang, đồn thứ hai, tục gọi là Khe Chứa, đồn thứ ba tục gọi là Khe Đò Phủ, thu được lương thực khí giới rất nhiều. Bọn phi nghe phong thanh chạy trốn, Nguyễn Hữu Độ và quân Pháp trở về hành tại.

Vua chuẩn thưởng cho các quan quân Pháp long bội tinh và tiền bạc khác nhau. Lúc bấy giờ quân Pháp cũng có [124b] nhiều người bị thương, bị chết. Vua nhân lúc đi chơi, tư đến thăm viếng an ủi.

Quan Toàn quyền Pôn-be tư nói rằng: Ngày tháng 7 năm ngoái, quan Đô thống Ra-xy có định ra sáu khoản điều ước mới, trong đó có nhiều chỗ theo đúng nhiều điều ước trước, nên nước ta nay đã đem bỏ đi rồi.

Nước ta đã tặng quan toàn quyền “Hàn Lâm Viện Trục đại học sĩ”. Quan toàn quyền muốn tỏ ý ham văn học, giao cho một nghìn đồng bạc, hẹn nếu có ai tìm được chứng cứ nào cho đích xác để nói rõ được giới hạn của nước ta nguyên xưa ở từ đâu kéo thẳng đến bờ phía đông sông Khung, và chép rõ được dân tình, phong tục, chính sự sản vật, đời sống của các giống Lào, Mường ở trong giới hạn đó, biên thành sách dâng lên chờ sai quan xét duyệt, nếu ai dự vào hạng trúng, xin đem số bạc ấy chia ra ban thưởng (hạng nhất thưởng 800 đồng, hạng nhì thưởng 200 đồng).

Vua cho quan toàn quyền nghĩ ra như thế là có ý muốn kiếm người thực tài. Chuẩn cho thi hành và xuống dụ sai bảo các quan ở trong kinh, ngoài [125a] tỉnh đều phải tìm kiếm, không kể quan lại hay nhân dân, hễ ai là người biết rộng nghe nhiều, hiểu rõ được những vấn đề như quan toàn quyền đã nêu, viết ra thành sách, hạn trong 6 tháng. Ở kinh thì nạp tại Bộ Lễ, ở ngoài thì nạp cho các quan địa phương chuyển về, sẽ sai quan xét duyệt, nếu quả thật là thông hiểu có thể dùng làm tài liệu nghiên cứu được, chia định đẳng hạng. Trừ số bạc quan toàn quyền đã ban thưởng không kể, ngoài ra triều đình còn bạt dụng và chuẩn cho Viện Hàn Lâm thưởng thêm cho hạng nhất 400 đồng, hạng nhì 100 đồng nữa, để rõ ơn đặc biệt và trông cho có thực dụng.

Quan toàn quyền Pháp với quan quyền kinh lược đại sứ xét định lệ thuế ở Bắc Kỳ. Các hạng thuế còn thiếu từ năm ngoái trở về trước đều cho miễn nạp hết. Từ nay về sau nhất loạt phải nạp đủ, không được viện một lý do gì để dây dưa. Bổng lộc của các quan lại, lính tráng chiết cấp cứ mỗi phương gạo là 4 quan tiền tây, nhưng phải hội đồng biên định, mỗi năm trích trong số thu nhập lấy một phần chớ [125b] về kinh, tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn phương (mỗi phương chiết lấy 5 quan tiền kẽm).

Quan Pháp đem các sở trại quân và kho tàng ở Kinh thành trả lại cho ta. **Tháng Tám**, vua bàn về việc hồi loan. Lúc bấy giờ tỉnh Quảng Bình ở gần bờ biển, gió cát cả ngày lưu lại lâu không tiện mới sai quan Ba Pháp là Cu-tê đáp hỏa thuyền về Hà Nội nói với quan toàn quyền chuẩn bị hỏa thuyền đến Cửa Việt hộ giá, được quan toàn quyền y cho tuân làm. Mới để các quan đường thuộc Viện Cơ Mật và Nội các, với các quan hầu cận lưu lại châu hầu. Còn các quan đường thuộc bộ nha với các quân đều do thuyền buôn về kinh trước.

Nay vua mới đem các quan quân ở hành tại Quảng Bình xuống thuyền (quan toàn quyền phái hai chiếc hỏa thuyền đến Cửa Việt lễ đón rước), qua một ngày thì đến kinh, trăm quan xin làm lễ mừng.

Quan quân Pháp lấy lại hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hòa. Quan [126a] toàn quyền Pháp đánh điện báo triều đình nên đặt quan lại như cũ.

Quan Toàn quyền đại thần Pôn-be đến kinh, kính dâng các đồ tặng phẩm của giám quốc Pháp (một đôi bình hoa hạng lớn bằng sứ trắng men trắng có vẽ hoa nổi, một đôi bình hoa hạng lớn bằng sứ tây trắng men xanh, một cái lọ vuông bằng sứ tây trắng men trắng, một đôi bình hoa sắc trắng hạng nhỏ bằng sứ tây, một đôi bình trà sắc đỏ xanh bằng sứ tây, một bộ chén đĩa đều 6 chiếc và bình đĩa đều 3 chiếc, hình người con gái bằng chất men trắng và bình bằng sứ tây mỗi thứ hai cái).

Đến khi trở về, vua chuẩn đem các đồ phẩm vật để tặng lại. (Tặng viên toàn quyền một khẩu súng điều thương khảm vàng, một đôi gươm cần đôi mỗi bít bạc, hai cái bình hoa hạng vừa, tặng Ba-lê và Ta-tê mỗi viên một thanh gươm bít bạc cần xà cừ, tặng cho viên Thượng thư Bắc Kỳ Lô-hu-cu-cơ, quan Ba Ê-lê-ti-ê-luy, đều là người đi theo phái đoàn của quan toàn quyền, mỗi người một mặt kim khánh).

Tháng Chín, quan Toàn quyền đại thần Pôn-be đưa thư đến nói rằng: Y đến kinh để bàn với nước ta xin nhượng cho quân đốc ở Trấn Bình Đài mở rộng thêm và xây dựng doanh trại để chuẩn bị rút quân lính nước Pháp về cư trú ở trong nhượng địa.

Nay nghị định hai khoản:

1. *Mở mang đất nhượng lấy đường thủy [126b] từ Cầu Gổ (tục gọi là Cầu Sơn) thẳng đến Cầu Đá (tục gọi là Cầu Kho), lại từ Cầu Đá xây đắp đường ngăn, thẳng đến cửa Chính Bắc làm giới hạn đất nhượng.*

2. *Lấy các súng đồng để trên thành phá đúc thành tiền để làm tổn phí xây dựng các đồn trại ở trong đất nhượng và tổn phí xây bức tường ngăn. Hễ khi nào xây xong thì quan quân của Pháp rút hết vào ở trong đất nhượng, còn các sở ở trong thành đều giao lại cho nước ta nhận giữ như trước.*

Vua chuẩn y lời đề nghị ấy, sai Viện Cơ Mật làm bằng biên và vẽ bản đồ, giao viên khâm sứ chấp chiếu. [Về khoản xây đắp, lúc đầu viên toàn quyền ý muốn đào sâu sông ngòi, nhưng vua bảo khoản ấy rất không hợp, sai Viện Cơ Mật đem việc phạm đến mạch đất phúc thương với quan khâm sứ, nhờ chuyển tư điện lên quan toàn quyền xét lại. Toàn quyền trả lời rằng: y rất kính trọng Hoàng đế, xin tuân theo ý Hoàng đế mà sửa lại như thế].

Mùa đông, **tháng Mười** năm Bính Tý (1886), Toàn quyền Pháp là Pôn-be mạt, thống sứ Vi-an (Vial) quyền làm các công việc toàn quyền. [127a].

Khâm sứ Hách-tô (Hector) tư nói rằng: Hiện nay các tỉnh hoặc có thương chính hoặc có việc binh, triều đình Pháp đã có chọn đặt các quan công sứ ở để giúp việc, nhưng các công sứ ấy có người mới đến chưa hiểu thể lệ phong tục nước Nam, Viện Cơ Mật nên tư cho các quan tỉnh từ nay về sau, các viên công sứ ở tỉnh có đề nghị gì nếu chưa hợp thể lệ thì nói với công sứ nên đem việc ấy tư về khâm sứ, còn quan tỉnh thì tư về Viện Cơ Mật, hội đồng xét lại, để được thỏa đáng sẽ phúc tư cho thi hành. Vua chuẩn y cho đem thông lục đi khắp các tỉnh tuân làm.

Tháng Chạp, viên khâm sứ nghĩ rằng quan toàn quyền mới chưa biết ngày nào đến. Sai quan đại thần của Viện Cơ Mật là Nguyễn Hữu Độ, Tham tá là Hồ Độ đi trước ra Bắc Kỳ để đợi đón rước.

Nguyên trước vua sai Viện Cơ Mật đem nhiều việc trong nước cần phải thương thuyết, tư quan toàn quyền trước xét nghĩ đã nhắc lại hai lần [127b] mà chưa thấy trả lời. Nay muốn nhân việc đi đón rước này để nhờ giúp làm luôn. Cho nên mới sai Nguyễn Hữu Độ đi ra Hà Nội và sai Tôn Nhon đình thần cứu xét các khoản làm đủ giấy tờ rồi chuẩn bị các hạng lễ vật cùng đem theo đi.

Các khoản kê ra như sau:

a. Lâu nay các khoản thường chi và bất thường chi cho ở kinh hàng năm tính hết tiền 200 vạn (2.000.000) quan, gạo 40 vạn (400.000) hộc, đều do xứ Bắc Kỳ trích lấy chở vào để đủ dùng. Trước đây quan Toàn quyền cũ là Pôn-be có nghị định mới mỗi năm chỉ cho tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn hộc, trong đó gạo chiết lấy mỗi hộc giá tiền 5 quan, tính ra được tiền 190 vạn (1.900.000) quan. Tổng cộng tất cả mới được tiền 228 vạn quan (2.280.000 quan). Lâm thời gạo đắt lấy tiền mua gạo, thì số tiền ấy mới chỉ đủ mua gạo, còn các khoản chi tiêu khác không biết lấy vào đâu. Nay xin chở thêm cho cả tiền lẫn gạo, (do gạo chiết ra tiền) mỗi năm chừng 400 vạn quan (4.000.000 quan) mới đủ chi dùng.

b. Số lính tập ở kinh 1.000 tên, các tỉnh ở ngoài Quảng Nam, Bình Định, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa mỗi tỉnh 500 tên; Quảng Trị, Quảng Nghĩa, Hà Tĩnh, Bình Thuận mỗi tỉnh 400 tên; Phú Yên, Khánh Hòa mỗi tỉnh 300 tên. Số lính tập ấy gần đây

quý quốc đã luyện tập xong xin xét giao cho. Nhưng số còn thiếu sẽ xin lấy trong số lính giải điều vào cho đủ và xin cấp cho hai nghìn cây súng.

Khoản này trước đây Nguyễn Hữu Độ đã thư trình quan toàn quyền cũ, xin cấp y số giao nhờ quý quan luyện tập, chiếu số thay nhau canh phòng.

Còn số quý quan và lính tập hiện trú ở kinh thì do Bộ Binh, ở ngoài thì do các tỉnh bắt chọn. Lương bổng quý quan thì theo lệ quý quốc, đều do bản quốc chi cấp. Đến ngày nào bọn lính ấy học tập quen thạo, các hạng lính của bản quốc đủ ngạch rồi, lính quý quốc cần rút về sẽ bàn định sau.

c. Tuân ty các tỉnh đã bãi bỏ rồi, còn các hạng sản vật của bản quốc như: Đồng, tơ, dầu, đường, cau khô, bông, vải gai, trầm, vôi, muối, gỗ, ngà voi, sừng tê, trầm hương, tóc hương kỳ nam, trước đây hoặc đánh thuế căn phẩm hoặc cho người trưng thầu. Nhưng các sản vật ấy hoặc có thứ ở trong rừng sâu đất mọi, hoặc có thứ do nhân dân trồng ra, thu hoạch lẻ tẻ [128a] không thống nhất, nếu cứ theo hộ mà đánh thuế thì phần nhiều thường bị ẩn lậu không được bao nhiêu, cho người trưng lĩnh thì tiện lợi hơn. Cũng như các hạng thuế, như thuế rượu, thuế chợ, thuế đồ ngang, thuế nha phiến... ở sáu tỉnh Nam Kỳ. Trước đây Viện Cơ Mật đã kính thương quan toàn quyền đại thần cũ xin các hạng ấy cứ để bản quốc đấu giá cho người lĩnh trưng. Các người lĩnh trưng chỉ được chiếu theo những hạng đã lĩnh trưng mà thu thuế ngoài ra không được lạm thu.

Sau tiếp quan Khâm sứ Hách-tô phúc rằng còn đợi thương thỏa, nay xin tạm y theo lời đề nghị của Viện Cơ Mật, phạm những sản phẩm, hoặc do sản hộ thu bói hoặc do dân buôn mua bán, đều do người bản quốc lĩnh trưng nạp thuế để được tiện lợi.

d. Hiện nay lương giáo ở các tỉnh đương thù ghét nhau mà các linh mục, giám mục lại hòa theo dân giáo hoặc bắt dân lương bồi thường, hoặc muốn chiếm đoạt ruộng đất, hoặc xin chấn cấp tiền gạo dựa vào thế của quý quốc, bắt buộc quan tỉnh phải theo. Do đó mà lương giáo càng thêm mâu thuẫn, trong đó có một số bị đảng nguy hiểm bắt phải theo, nay muốn ra tục, dân giáo nghe được liền bắt giam giữ, bắt bồi thường. Vì thế mà sợ hãi không dám ra thú, đã hiểu tráp nhiều lần mà mỗi tề vẫn chưa hết.

Nay xin những việc lương giáo đều do triều đình bản quốc xét xử, các viên giám mục, linh mục không được đến tỉnh can thiệp. Dân giáo không được tự tiện bắt người giam giữ, bắt ép bồi thường để được ăn ở yên ổn với nhau.

e. Các quan lại của bản quốc, như đốc phủ, bố án đều là quan tỉnh, quan to, phủ huyện cũng là kẻ lớn trong dân. Nếu có sự gì sai lầm, nên cách nên giáng đều phải chiếu theo hòa ước do triều đình bản quốc tiêu chuẩn định đoạt. Thế mà gần đây bọn Đồng Sĩ Vịnh Tuần phủ Ninh Bình, Tri phủ Trần Bạch Lân, Tri huyện Nguyễn Huy Trác cả bảy 5 viên, không biết can về khoản gì, chưa thấy tư báo gì cả, thế mà quý quan đã tự ý hoặc

bắt giam, tra hỏi hoặc nghị xử tội chém, tội đầy. Chẳng những là không hợp với hòa ước, phương chi đương lúc bấy giờ, Bắc, Nam chưa yên, lòng người chưa vững mà cách chức quan lại một cách quá dễ dàng như thế làm cho quan lại nhiều người tự ngay đem lòng chán nản, rồi bọn hiếu sự, nhân đó mà gieo rắc hoang mang, làm cho lòng dân ngò vức, đến sự thể ấy, sợ bản quốc không biết làm sao mà quý quốc cũng không khỏi thêm khó bề xử trí, vì lo sợ như thế nên phải nói rõ.

Nay xin, phạm các quan viên ở các tỉnh Bắc Kỳ nếu có can phạm khoản gì cần phải xử trí, quý quan đều chiếu theo hòa ước, tư cho Nha Kinh Lược hoặc do quan tỉnh sở tại xét nghị, tâu lên Hoàng đế lượng tùy tình tội xử trí để yên lòng người.

g. Các quan địa phương ở bản quốc như: Tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, [128b] đề đốc, lãnh binh, chiếu theo lệ trước, hễ khi có khuyết đều do hai Bộ Lại, Bộ Binh tấu xin điều bổ.

Năm ngoái, sau khi xảy việc, các quan Bắc Kỳ từ đốc phủ đến phủ, huyện đều do Nha Kinh Lược điều bổ rồi mới tâu sau. Đây là vì lúc bấy giờ, ngôi lớn chưa định, Nam, Bắc chưa yên, nên phải quyền nghi trong nhất thời để mau xong việc.

Nay Hoàng thượng đã lên ngôi, sự quyền đã thống nhất, nếu các quan tỉnh cũng cứ để do Nha Kinh Lược điều bổ như trước e thiếu long trọng. Sợ rồi đây những người có chí tháo không vui lòng làm việc, và những người bao dụng để trị dân lại không khỏi lạm dụng đến người phụ tào, cạnh tranh, vả lại sĩ phu Bắc Kỳ là chỗ nghìn năm văn vật, nếu xử trí không được thích đáng để thu phục lòng người thì những việc ích lợi khó làm nhanh được.

Nay xin từ nay về sau, các văn võ án quan ở các tỉnh nếu có khuyết tâu xin, chờ chỉ điền bổ, còn từ phủ huyện trở xuống cứ do Nha Kinh Lược điền bổ. Nếu có thiếu người thì tư do bộ lựa người điền bổ, nếu sau có viên nào kém dở cần phải giáng cách thay đổi, sẽ do quan tỉnh chiếu theo điều ước tuân làm mới mong thỏa thiếp.

Năm Đồng Khánh thứ 2 (Đinh Hợi, 1887), mùa xuân, tháng Giêng

Quan quân Pháp trú ở Thanh Hóa đánh phá được căn cứ của Phạm Bành ở Ba Đình (thuộc Nga Sơn), đập bằng đồn lũy. [Bốn mặt ruộng sâu hơn 2.000 mẫu ở giữa nổi lên một mô đất rộng hơn 100 mẫu có ba thôn: Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mỹ Khê ở liền nhau, đình miếu ba thôn đều trông thấy nhau, (vì thế nên mới gọi là Ba Đình)].

Lúc bấy giờ Phạm Bành cùng với Hoàng Bật Đạt, Đinh Công Tráng (người huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình) họp đảng ở phần rừng các xã Kim Âu, Thạch Bằng, quân Pháp đuổi đánh, bọn Bành cho chỗ này hiểm trở có thể [129a] dựa được (trông ra bốn mặt đều bùn lầy 2, 3 thước, chỉ có một đường ra vào mà thôi), mới dời quân đến đây, xây đồn lập lũy chứa lương thực làm kế cố thủ lâu dài.

Quân Pháp đánh mãi không được rút về, vài ngày sau lại đem ba đạo quân tiến lên vây đánh, bọn Bành núp bắn, quân Pháp bị nhiều thương vong, không vào được. Mới phi báo cho các đội quân hiện đóng ở Ninh Bình, Nam Định cùng đến phối hợp tiến đánh trong một lúc. Ngày đêm lấy đại bác bắn xả vào, lại làm nhiều bó củi, sai lính Pháp ôm mỗi người một bó bày ra phía trước để đỡ đạn, rồi đốc thúc dân phu đi theo sau xông vào những nơi bùn nước đắp thành đường lớn. Sau hai tháng tiến quân vào đánh, bọn Bành ở trong bắn ra, quân Pháp tuy có bị thương vong, nhưng đánh rất hăng.

Bọn Bành liệu thế không thể giữ được mới phá vây tạm chạy, dân quân bị chết hơn 500 người. Quân Pháp vào đồn lấy hết súng đạn lương thực, san phẳng đồn lũy. Lại bắt được thổ phỉ là Hà Văn Mao mang chém [129b].

Quan Toàn quyền mới của Pháp là Bi-u (Bihouard) đến Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ tuân theo chỉ chuẩn, thân đến thăm hỏi và tặng phẩm vật cho các quan Pháp khác nhau.

Tháng Ba, viên khâm sứ đưa thư nói rằng: Hiện nay quan Pháp có phái thêm ba đội quân (hai đội quân Pháp, một đội quân lính tập, mỗi đội 200 người) đến tỉnh Quảng Nam hợp với quân sơn phòng ở hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định và hai đạo khâm sai ở Tả Trục Kỳ, đánh dẹp một phen thật kịch liệt, làm sao cho thật mau yên.

Vua sai Viện Cơ Mật đem khoản “hội tiễu” phi tư cho bọn Nguyễn Thân và Phan Liêm biết mà làm.

Các quan Pháp ở Bắc Kỳ họp bàn việc phổ khuyến góp tiền đúc tượng đồng quan Toàn quyền cũ là Pôn-be để truyền lại lâu dài về sau. Rồi đem việc ấy tư cho Viện Cơ Mật biết làm.

Vua cho là Pôn-be trước đến giúp việc cho ta và có thật lòng giúp đỡ, nay quan Pháp đã có thư báo ta cũng nên [130a] góp phần nào để tỏ biết ơn. Mới chuẩn cấp cho 500 đồng bạc giao quan Pháp nhận làm.

Quan Toàn quyền Pháp là Bi-u đến kinh châu yết. Hôm sau vua sang sứ quán hỏi thăm đáp lễ. Bi-u lưu ở Huế 10 ngày rồi về Bắc. Vua chuẩn ban thưởng cho một chiếc Long bội tinh hạng nhất và các vật phẩm khác.

Khi toàn quyền mới đến Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ vâng mệnh đi ra trước để tiếp đón, vua đã chuẩn cho Phủ Tôn Nhơn và đình thần làm đủ thư từ trình bày tình hình hiện tại, nói rõ những công việc cần làm đem ra thương thuyết, nhờ quan toàn quyền giải quyết. Toàn quyền trả lời rằng, chờ ngày nào vào kinh sẽ hay.

Đến khi gần ngày toàn quyền vào kinh, vua lại sai Phủ Tôn Nhơn và đình thần đem các khoản trước bổ sung vào cho đầy đủ, kê như sau:

a. Về thuế lệ Bắc Kỳ ở khoản 11 trong hòa ước có nói rằng: Hễ khi nào thu xong thì quan Pháp quan Nam hội đồng xét định số tiền chi phí các sở và số tiền bạc công tiêu hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu đều nạp vào kho ở kinh đô nước Nam. Năm ngoái quan Toàn quyền cũ là Pôn-be có nghị định mới nói rằng: Cứ mỗi năm chở vào kinh 38 vạn quan tiền, 38 vạn học gạo (mỗi học chiết lấy 5 quan). Như thế là tiền với gạo cộng lại chỉ được 228 vạn quan. Chúng tôi thiết nghĩ từ sau khi xảy ra việc, ở kinh thiếu thốn chi dùng không đủ.

Vì vậy chúng tôi đã vâng mệnh Hoàng đế chuẩn cho, kính thư lên quý đại thần xin cho chở tiền và gạo vào kinh (do gạo chiết thành tiền) mỗi năm chừng 400 vạn [130b] quan. Hiện nay chúng tôi (Nguyễn Hữu Độ) ra Bắc, thấy các quý quan ở các tỉnh Bắc Kỳ đương chỉnh lý mọi việc chi dùng rất nhiều, thu thập chưa được đầy đủ. Nay hãy tạm xin cứ như nghị định mới của quan toàn quyền cũ, mỗi năm chở vào kinh tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn học (gạo chiết thành tiền), đợi khi nào các công việc ở Bắc Kỳ ổn định, thuế khóa đầy đủ rồi chiếu theo thuế thu nhập. Chia làm 10 thành, lấy mấy thành dùng vào các công việc bảo hộ, trích lấy mấy thành cho vào kinh, hai nước sẽ hội đồng xét định.

b. Quan lại ở Bắc Kỳ từ tổng đốc trở xuống đến phủ huyện, theo nghị định của quan Nguyên soái Cuốc-xy trước đây, đều do Nha Kinh Lược Sứ Bắc Kỳ chọn bổ, rồi sau sẽ về tàu triều đình tiết thứ cử. Viên Quyền kinh lược Nguyễn Trọng Hợp tâu rằng: Hiện nay cần người chọn bổ quan lại ở Bắc Kỳ, hoặc lấy người có sức mạnh, hoặc lấy hạng lại điển, hoặc lấy hạng học trò, lệ dịch chưa có phẩm hàm gì. Chiếu theo thể lệ dùng người của bản quốc có nhiều điều chưa hợp, do đó mà nhân tình chưa được thuận thỏa.

Nay nghĩ do Nha Kinh Lược và các quan tỉnh xét đem những người có thể kham làm được những chức như tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, đề đốc, lãnh binh, tâu xin đăng án, đợi khi có khuyết, chờ chỉ chọn điền. Nếu còn thiếu sẽ chọn quan ở kinh sung vào cho đủ.

Đến như các quan phủ huyện trở xuống đều do Nha Kinh Lược và các quan tỉnh đề cử rồi tư về cho bộ xét, những người cử xứng đáng, tâu xin cho y, còn những người đề cử

không đáng ở bộ sẽ lựa người khác ra điều thế. Nhưng chọn bổ viên nào đều phải hầu yết quan quý thống sứ và toàn quyền ở Hà Nội cấp cho văn bằng mới được nhận chức.

Có làm như thế thì mọi người mới thấy làm quan là vinh mà dân tình mới mong yên ổn nhanh được.

c. Từ Thanh Hóa vào Nam đến Bình Thuận, nguyên trước nghị đặt cho 5 vệ lính tập, nhưng các tỉnh hiện nay chưa yên, thôi thúc chưa tiện, gần đây chỉ mới điều thúc cho những tỉnh đã hơi yên mà thôi. Vì vậy chưa cần.

Nay xin đợi khi nào công việc dẹp yên xong đã, sẽ chiếu theo nguyên ngạch của các tỉnh mà chọn điều vào cho đủ số, rồi giao nhờ quý quan luyện tập, còn số lính tập ấy cần giao cho quý quan bao nhiêu để sai phái và trích giao cho bản quốc bao nhiêu nhận khai sẽ xin bàn định sau.

d. Khoản thứ 3 ở trong hòa ước nói rằng: “Địa giới của Đại Nam, từ tỉnh Biên Hòa trở ra bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình, các quan viên tỉnh đều cứ làm việc trị dân như cũ”, lại khoản 11 nói rằng: “Triều đình Đại Nam [131a] cứ y như cũ, quan bổ chánh chiếu lệ thu thuế nộp về triều đình, không có quan Pháp kiêm cố”.

Gần đây tình hình các tỉnh chưa yên nên mới phải đặt công sứ và các quan binh đóng đồn để tiện việc đánh dẹp. Nay xin cứ chiếu theo đúng như hòa ước mà làm việc, còn các cửa biển có mở buôn bán cần phải đặt công sứ để quản cố thì không kể. Ngoài ra các viên dân chính ở các tỉnh và các hạng thuế đều xin giao cho các quan tỉnh chiếu theo hòa ước cũ mà làm việc.

Những tỉnh nào còn cần phải lưu quý quan đóng lại để giúp việc, thì cũng chỉ giúp vào những việc đánh dẹp mà thôi.

e. Các nhà hành cung từ tỉnh Thanh Hóa trở vào nam là nơi dùng vào việc trú chân cho Hoàng đế những khi tuần hạnh và làm chỗ cho các quan làm lễ chúc mừng, hoặc hành lễ trong những ngày khánh tiết. Lâu nay các quý quan đến đấy đóng ở, làm cho bọn phi mượn cớ để phiền hoặc lòng người. Nay xin sức cho các quý quan hiện trú ở các tỉnh thành cùng dời đi chỗ khác, trả lại hành cung giao cho các quan tỉnh tu bổ lại, để làm chỗ chiêm bái trong các ngày lễ. Như cùng với các khoản đã kể trong thư trước, phúc cho xin xét lại kỹ càng và biết.

Đến nay, nhân quan toàn quyền vào kinh triều yết, Viện Cơ Mật lại đem các khoản ra đàm phán trực tiếp.

Quan toàn quyền cứ theo từng khoản trả lời như sau:

a. Về khoản chở tiền gạo vào kinh đáp rằng: Theo trong hòa ước không thấy nói mỗi năm chở vào kinh bao nhiêu cả. Năm ngoái quan toàn quyền cũ định ra số ấy, nay xét trong cả bản biên định không có chữ ký của ông Pôn-be, chỉ thấy ký vào biên bản

hội đồng định số trưng thu mà thôi. Vả lại hiện nay quân nhu ở Bắc Kỳ và các khoản xây dựng khác tốn phí rất nhiều, nên số tiền chở vào kinh như thế chưa tiện y cho được. Duy tiền tài tiêu dùng ở nước ta cũng là thiếu thốn. Vậy hãy tạm chiếu theo số thuế hiện thu được ở Bắc Kỳ về năm Bính Tuất (1886) là hơn 750 vạn quan, trích lấy 1/5 phỏng chừng 150 vạn quan tiền tây chở vào kinh. Còn từ năm nay về sau, nên chở vào bao nhiêu sẽ xin bàn sau.

b. Về khoản từ Thanh Hóa vào nam đến Bình Thuận các tuần ty và thuế ngoại ngạch như nha phiến, cau khô, rượu, muối... Đáp rằng: Chiếu theo hòa ước, đều nên đình lại, giao hết cho Nha Thương Chính Pháp trưng thu. Đồng niên thu được bao nhiêu chiếu trích ít nhiều giao Nam triều chi dụng. Chỉ có những sản vật nào không xuất cảng, [131b] không dự vào các vật phẩm buôn bán, nên giao nước ta, chiếu theo như cũ tìm ra phương pháp mà làm, nhưng chớ giao cho người Tàu lĩnh trưng để làm hại dân. Hiện nay tài chính nước ta đương còn eo hẹp, nên các hạng tạp thuế ở các hạt hãy tạm giao ta lĩnh trưng đợi sau sẽ nghĩ.

c. Khoản từ Thanh Hóa vào nam, thôi đặt công sứ... Đáp rằng: - Chiếu theo đề nghị của Phủ Tôn Nhơn và đình thần cùng hợp, nhưng vì gần đây các tỉnh chưa yên nên quý quốc phải tạm đặt công sứ để giúp việc, nếu sau đây yên dân sẽ chiếu theo hòa ước mà làm.

d. Về khoản đặt quan lại ở Bắc Kỳ đáp rằng: Năm trước quan toàn quyền cũ đã xin ban dụ chỉ xuống cho Bắc Kỳ tiện nghĩ hành sự, sau mới tâu lên, các lễ đều đã hợp cả rồi, phương chỉ các quan cai trị Bắc Kỳ viên nào có lỗi nên giao quan toàn quyền cách đổi. Lâu nay Nha Kinh Lược chọn bổ, đều đã thương với quan toàn quyền xét định, nay nếu giao cho triều đình xét bổ, rất chậm. Đến khi nhận việc, nếu gặp khi có người quan toàn quyền không đồng ý, lại phải tự đổi dây dưa ngày tháng, rất phiền, cứ theo như cũ, do Nha Kinh Lược chọn bổ cho tiện.

e. Về khoản trả lại các nhà hành cung... đáp rằng: Những lời lẽ nói ở trong thư của Phủ Tôn Nhơn và đình thần đều phải, nhưng vì lâu nay các tỉnh từ Thanh Hóa vào nam chưa yên, các quý quan đến đánh dẹp không có chỗ ở, bất đắc dĩ nên phải tạm trú vào đây. Rồi đây sẽ ra sức cho các quý quan trú ở các tỉnh nên làm nhà tạm mà ở, để giao lại các hành cung cho chính phủ Nam triều.

g. Về khoản 5 vệ lính tập, đáp rằng: Đợi khi nào dẹp xong giặc, sẽ chiếu theo ngạch lính của các tỉnh mà bổ sung vào cho đầy đủ, và cho đều nhau, khoản ấy nên y. Lại nói thêm rằng, về khoản đất nhượng quan toàn quyền nghĩ rất đúng. Mới rồi quan toàn quyền đến cũng đã lưu ý liệu biện, chờ khi nào mua được máy đúc tiền xem có đúc được số nhiều mới cho khởi công. Còn việc cho các súng đồng cũ và bắt phu lấp các hồ ao ở trong khoảng đất nhượng, việc đó Nam triều đã hứa rồi, thì phải cứ theo như thế mà làm mới đúng.

Lại nói đến khoản ba tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận bị thất thủ, ngày tháng 6 năm ngoái, triều đình Pháp đã bàn định chuyển giao cho nguyên soái ở Gia Định, phái quan quân ra đánh lấy lại, còn quân khí hết bao nhiêu, Nam triều đều phải hoàn lại. Nay ba tỉnh đều đã dẹp yên, quân khí phải trả lại bao nhiêu, đợi khi về Bắc Kỳ, tính toán đầy đủ sẽ tư cho quan khâm sứ chuyển giao cho Nam triều biết làm, và phái quan đến cai trị.

Lại nói rằng: Quan toàn quyền thấy hoàng thân quốc thích của nhà vua và số quan lại Nam triều quá nhiều, trong đó không khỏi có hạng chỉ ngồi ăn không. [132a] Mà những người có công việc thật tử tế thì lương bổng lại quá ít ỏi, vì vậy khó giữ được thanh liêm. Từ nay về sau, nên giảm đi một số nhiều, những người ngồi không thì cắt lương bổng, những người có việc thì tăng lương lên cho khá hậu.

Lại thấy Nam triều còn lãng phí khá nhiều vào những công việc không cần thiết. Nếu không tính tiết giảm đi sớm sớm, thì sợ còn sinh ra nhiều điều bất tiện.

Tức như việc xảy ra với nước Pháp năm ngoái đó những người làm cha mẹ dân, sáng chiều chỉ lo ăn chơi vui vẻ, chính sự bỏ bê, mà còn có hạng lại sinh sự nhiễu dân để làm cho dân chán ghét nữa là khác. Vì thế mà có người muốn lập ra hội dân chủ, rất là đáng phàn nàn. Nam triều nên lấy đó làm gương.

Phàm mọi việc phải cân thận trước, chớ để mất lòng người, đây là điều cần thiết nhất, nhưng bảo sẽ có thư nói đầy đủ gửi đến sau. Đến khi có thư trả lời thì cũng y như những lời đã nói trước mặt cả.

Quan Pháp trú ở đồn Ô Cầm (thuộc tỉnh Quảng Bình) vây đánh, bắn chết Nguyễn Phạm Tuân (nguyên Tri phủ, tự xưng làm chức Tán lý) thu được quả ấn của vua Hàm Nghi. Thương kim khánh một mặt hạng trung cho quan Pháp, thưởng tiền bạc cho các lính tập có thứ bậc.

Mở trường học chữ Pháp. Lấy viên Kiểm thảo kiêm đốc Ty Hành Nhân là Diệp Văn Cương kiêm sung chức Chương giáo và viên Tư vụ Ty Hành Nhân là Nguyễn Hữu Mẫn làm Trợ giáo. Phàm con em các quan lại và các binh lính, nhân dân cho tự biện lương thực đến học tập. Mỗi năm, khi hết năm học thì Viện Cơ Mật hội đồng sát hạch một lần, hễ trò nào khá thông cho vào Ty Hành Nhân, [132b] chiếu theo lệ học trò, cấp lương cho ăn mà học tập.

Mùa hạ **tháng Tư**, ban cấp cho viên quan Năm, Tổng lý binh chính đại thần của Pháp là Ca-lê, quan Tư là Lô-suy, Thống binh cửa Thuận An là Ba-nô, mỗi người một chiếc kim khánh vì lâu nay các viên ấy đều có lòng tốt giúp việc cho ta.

Các quan khâm phái hội đồng của Pháp đến kinh. Hoàng đế chuẩn cho mời vào trong Đại Nội triều yết, đãi tiệc, lưu ở vài ngày rồi về Bắc. Chuẩn ban cấp cho các đồ

phẩm vật (hai đồng kim tiền, ngà voi, đồ trà, túi bốn cạnh, mỗi thứ một cái, Nam sa 4 tấm, ngọc bội san hô tốt một cái).

Lúc bấy giờ phái viên Pháp và Viện Cơ Mật thương thuyết rằng: Các lợi quyền nước ta, đều về quý quốc cả rồi, nên phải trừ tính ngay những việc lợi ích mới mong tốt được. Nhưng các việc lợi ích, chỉ hai Bộ Hộ, Bộ Công có nhiều. Nước ta nếu muốn có những người của quý quốc giúp việc thì phạm những việc hưng lợi từ hại, có dính đến sự giao thiệp, đều do các viên giúp việc của Pháp hội đồng với bộ, viện của nước ta bàn định thi hành, mới có ích lợi. Khoản này nếu muốn theo như thế mà làm, thì quý phái viên cũng xin giúp cho. Các quan với Viện Cơ Mật tâu rằng: hiện nay việc ích lợi ở nước ta, cũng phải lần lượt cử hành. Nhưng các khoản khai khoáng, thông thương, nếu không có quý quan giúp vào thì ta khó có thể làm được. [133a] Duy ở kinh đã có quan khâm sứ, nếu nay lại đặt thêm quan khác nữa không khỏi thêm phiền. Tưởng nên thương với quan khâm sứ liệu lý, hoặc lấy viên phó công sứ ở tòa hiện nay hoặc một viên thương biện sung vào để được ổn tiện. Phụng chỉ chuẩn cho Viện Cơ Mật qua thương thuyết với phái đoàn ở bên tòa Khâm sứ. Các quý quan cho nghĩ như thế cũng hợp, mới dự định thử soạn ra hơn 10 điều khoản, rồi xin xuống dụ thi hành, để cho nhân dân trong nước khỏi sinh ngờ vực.

Mới sai các quan Viện Cơ Mật phụng nghĩ chuẩn cho viên Khâm sứ Hách-tô thử giúp Viện Cơ Mật nước ta và ba bộ Binh, Hộ, Công thảo bài văn dụ, quý khâm sứ và quý Phái hội đồng xét lại đều đồng ý. Rồi sai chép giao cho quý Phái hai bản, một bản gửi về quý quốc, một bản quan toàn quyền giữ, chờ trả lời rồi sẽ tuân làm.

Sau đó, quan toàn quyền đến kinh cho là không tiện, việc bỏ dỡ không làm nữa.

Tháng Tư nhuận, nghị định bổ sung vào điều lệ trộm cướp.

Gần đây nhân vì có việc số trộm cướp sinh ra nhiều, Khâm sứ Hách-tô báo rằng: Đây là vì luật hình quá khoan dung mới đến như thế.

Vua mới chuẩn cho đình thần tham chiếu luật lệ, hình dung phép nặng để ràng buộc lòng người. Sau bàn định dâng lên 4 điều như sau đều chuẩn cho thi hành.

1. Phạm những đồ đạc của quan Pháp và của nước mình để trong kho tàng không kể trong kinh hay ngoài các tỉnh, hễ ai dám đương đem lủi vào lấy tiền bạc, thóc gạo, súng ống thuốc đạn, các đồ quân dụng và các đồ khác..., nếu chưa lấy được của thì thủ phạm bị tội “trảm giam hậu”, tòng phạm “giảo giam hậu”. Nếu đã lấy được của rồi, không kể nhiều ít (dưới đây cũng như thế) thủ phạm bị tội “trảm quyết”, tòng phạm bị tội “giảo quyết”. Oa chủ đã biết tình mà chia của thì cũng đồng tội với bọn phạm, không biết tình mà chia của thì giảm xuống một bậc.

2. Những kẻ đem hôm đột nhập vào văn võ nha thự, doanh xá quân đội hoặc nhà dân trong kinh thành, tỉnh thành trộm cắp tài vật nhưng chưa lấy được tài vật phạt đánh

100 trượng, phát sung quân cận biên, nếu đã lấy được tài vật phạt giáo hậu, phát xung quân viễn biên, lưu tán thiên lý.

Những bọn du đảng quen thói trộm cắp bị nhân dân cung khai là hạng bất lương thì không kể có tang vật [133b] ăn trộm hay không, đều chiếu lệ, phát đi làm quân ở tỉnh khác. Các hạng đầy đi làm quân, như đã nói ở trên theo tình hình hiện nay, nếu chiếu theo nguyên nghị mà phát vãng đi các tỉnh khác, chưa được thuận tiện, nên những hạng phạm này trừ những người đã phát đi rồi thì không nói nữa, còn những người chưa phát đi thì từ nay sẽ đình chỉ, cứ để giam ở tỉnh sở tại.

Những người phát đi làm quân ở viễn biên, hạn 12 năm, cận biên hạn 11 năm. Lưu tán thiên lý 10 năm và những hạng trăm giam hậu, giáo giam hậu đều đến chiếu cấp cho khẩu lương, gông ngắn, điệp sắt chắc chắn, ban ngày giao cho người chức việc (ở kinh giao cho Hộ thành, ở tỉnh giao cho tuần thành) bắt đi làm các việc khổ dịch, đêm về nghiêm giam ở nhà lao. Hết hạn giao về xã dân quản thúc.

3. Còn những hạng phạm trăm, giáo giam hậu, phát đi làm quân, đầy đi làm binh lính, nếu ở trong lúc cử giam mà dám bỏ trốn, không kể tái phạm hay không tái phạm và những hạng đầy đi làm quân, làm lính, sau đủ hạn trở về mà lại tái phạm thì không kể có lấy được của hay không, xét quả là ngoan cố không chịu sửa đổi thì đều xử tội thất cổ chết và thi hành ngay.

Nếu tổng lý che giấu không chịu bắt giải ngay, cũng đều phải nghị xử [phạm nhân cùng một làng với lý trưởng thì lý trưởng phải phạt 100 trượng và cách chức, phạm nhân cùng một làng với chánh phó tổng thì chánh phó tổng cũng phải phạt 100 trượng và bãi dịch].

Những tên can phạm về tội trộm cắp, dân xã đã bắt giải đến thì quan nha phủ huyện sở tại phải sức nhận giam xét ngay, nếu chậm trễ không chịu thụ lý, huyện thì do phủ, phủ thì do tỉnh giải về tra xét. Nếu nha nào thoái thác không chịu thụ lý thì sẽ chiếu luật “Bất ưng vi trọng” phạt 80 trượng, giáng ba cấp, ly, để làm cho những người không chịu hết lòng chấp pháp trộm cắp biết răn sợ.

Lại những hạng tù phạm phát đi làm quân, đầy đi làm lính, trừ những hạng giam cầm vĩnh viễn, không được thả giam, còn dư nữa không kể nguyên án can về khoản gì, đã phát phối hay chưa cũng đều chiếu theo hạn năm của bọn phạm án trộm này mà làm để được thống nhất. Sau lại bổ nghị đầy 2.500 dặm, đổi làm khổ sai 9 năm, đầy 2.000 dặm đổi làm khổ sai 8 năm. Kể từ ngày thành án lần đầu, gộp với các khoản trước làm luật lệ.

Tháng Năm, ngày lễ quốc khánh của nước Pháp (ngày 14 tháng 7 tây, tức ngày 24 tháng 5 ta) ban cấp huy chương Long tinh cho 354 [134a] quan viên Pháp (hạng nhất 6 viên, hạng nhì 17 viên, hạng ba 11 viên, hạng tư 81 viên, hạng năm 290 viên) sau lại

cấp thêm cho 60 viên nữa (hạng nhất 3 viên, hạng nhì 8 viên, hạng ba 8 viên, hạng tư 17 viên, hạng năm 24 viên) y theo lời đề nghị của quan Toàn quyền Bi-u.

Quan toàn quyền Pháp đến kinh, chuẩn cho vào yết kiến ở điện riêng. Gần đây, tiết thứ Viện Cơ Mật đưa thư đề nghị nhiều khoản vì vậy quan toàn quyền vào kinh để tiện thương định ở trước mặt các quan Nam triều cho tiện. Các khoản kể ra như sau:

a. Kho tàng ở các tỉnh Bắc Kỳ lưu trữ số tiền các năm trước để lại, ước chừng 150 vạn quan tiền tây. Năm nay xin chở số tiền ấy về kinh, nhưng thông tính các món thuế mỗi năm thu được đầy đủ thì số tiền thu được phải là 750 vạn quan tiền tây, số tiền lưu hạ đó sẽ cho chở hết vào kinh. Nếu không đủ thì chưa chắc đã cho chở vào hết được, vậy xin xuống chỉ tư trước cho Nha Kinh Lược, nghiêm sức cho các quan phủ huyện phải hết sức thối thu để số tiền định chở vào kinh khỏi thiếu.

b. Về khoản tiền bồi phí của hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, khoản này có nên giao cho các quan Pháp tìm phương pháp thu các hạng thuế, hoặc phạt tiền để sung vào hay không? Hoặc do các quan tỉnh thu lấy, rồi giao lại cho quan nguyên soái ở Gia Định, cái đó tùy Nam triều quyết định.

Viện Cơ Mật trả lời, nếu như tiền thu phạt để bồi phí thì nên giao cho quan Pháp thu lấy, nhưng chưa biết cách phạt như thế nào? Toàn quyền Pháp đáp rằng: Cách phạt rất công bằng, đợi sẽ phúc bằng công văn rõ ràng sau.

c. Các khoản thuộc về việc Bộ Hộ, Bộ Công, những số tiền tiêu phí của các quan Pháp từ Thanh Hóa trở vào nam, đều do Nha Thương Chính cấp phát cả. Nếu còn thừa sẽ trích lấy một phần giao Nam triều tiêu dụng. Duy các hạng tạp thuế, quý quan thu được bao nhiêu, chi hết bao nhiêu đều có sổ sách đầy đủ phân minh, sẽ giao nước ta chiếu tính.

Còn sau này, nước ta [134b] muốn cho lĩnh trưng, thì chỉ có thuế rượu, thuế nha phiến, những ai muốn lĩnh trưng thì phải đấu giá, hễ ai đấu giá cao thì được lĩnh trưng từ Thanh Hóa trở vào để khỏi linh tinh. Vả lại thuế rượu, nếu cứ đánh thuế theo số lô như trước thì cũng không có lợi được nhiều. Hiện nay thuế rượu ở Bắc Kỳ đã cho một người trưng thu hết thảy từ Thanh Hóa trở vào nam. Nếu Nam triều muốn cho người lĩnh trưng, thì quan toàn quyền sẽ sức cho người buôn đã lĩnh trưng ở Bắc Kỳ, do bộ đấu giá lĩnh trưng.

d. Về khoản chuẩn cho quan khâm sứ định liệu trước các công việc cho Nam triều... Đáp rằng: Lấy quan khâm sứ của quý quốc mà dự định các công việc chính sự cho nước Nam, sợ không hợp với hòa ước. Duy nước Nam muốn làm việc gì, thì phải thương thuyết với quan khâm sứ thỏa thuận rồi mới làm, như thế cũng không ngại gì. Nghĩ cũng nên phòng sự không rõ ràng, nên có phụng chỉ chuẩn rõ ràng bằng giấy tờ. Vì quan khâm sứ là một quan lớn của Pháp đến giúp việc cho nước Nam, thì hễ có bàn

định việc gì nước Nam đều phải nghe theo hết, nếu không nghe theo thì sợ phạm đến thể thống của quý quốc. Mới rồi đây, quan khâm sai đến Huế, cũng là do quan toàn quyền phái đến để kiểm soát các công việc buôn bán và kỹ nghệ. Đến như chính sự nước Nam, nếu có thì hành việc gì cũng phải do quan toàn quyền bàn định. Vì quý quan đã không làm toàn quyền thì thôi, chớ đã làm toàn quyền thì những quyền pháp ấy đều phải do tự tay quan toàn quyền mà ra cả, người khác không được dự vào.

e. Về khoản Nha Kinh Lược Bắc Kỳ. Đáp rằng: Đã có phụng chỉ phái Nguyễn Hữu Độ ra làm Kinh lược đại thần. Nay quý đại thần vào kinh cũng muốn tỏ thêm lòng đón tiếp, đồng lòng lo việc để mong cho yên ổn. Nếu bất kỳ lúc nào ở kinh có cần bàn bạc việc gì mà phải triệu về thì quý đại thần cũng xin vâng mệnh.

Khi Nguyễn Hữu Độ đã ra Bắc rồi, nếu ở trong kinh có gặp việc gì khó khăn thì Viện Cơ Mật chịu cử một hai viên quan ra Bắc hội thương, quý đại thần cũng xin sẵn lòng tiếp đãi không có gì là ngăn trở cả.

g. Về khoản hành cung, đã sức cho quan Pháp ở các tỉnh dời đi nơi khác, trong đó có tỉnh Quảng Bình thể đất chật hẹp chưa thể dời đi đâu được. Nếu Viện Cơ Mật tìm được chỗ nào thuận tiện thì các quý quan sẽ dời đi ngay.

h. Về khoản công sứ các tỉnh, chiếu theo hòa ước, từ Thanh Hóa trở vào nam, các cửa biển ở tỉnh nào có Nha Thương Chính, thì đều có quý quan đóng ở cả. Vả lại tình hình hiện nay chưa yên ổn thì lại cần phải đặt công sứ để tiện kiểm soát, nên nay chưa thể bãi bỏ được. Đợi khi nào hơi yên, thì trước sẽ rút quân Pháp rồi sau đến rút công sứ.

Nếu ta biết được viên công sứ nào đối với ta không tốt thì cứ nói rõ để sứ đại thần [135a] xét nghĩ. Vả lại nếu quý công sứ mới có một vài điều không đúng, mà đã vội vàng cách đối xử có quá khắt khe, cũng như các quan đầu tỉnh của nước Nam nếu có một vài điều không hợp, lẽ nào quý đại thần đã vội vàng thương tư cách đối hết cả được.

i. Về khoản chọn bổ các quan lại ở Bắc Kỳ. Trước đây quan Toàn quyền Pôn-be đã thương xin xuống dụ chuẩn cho viên kinh lược ở Bắc Kỳ được “tiện nghi hành sự”. Gần đây viên Quyền kinh lược Nguyễn Trọng Hợp đã tuân theo dụ chỉ mà làm việc. Nay Nguyễn Hữu Độ ra làm Kinh lược, nếu không tuân theo chỉ dụ trước mà làm việc, thế là quyền hạn của viên chính kinh lược lại hẹp hơn viên quyền kinh lược, sợ nhân tình lại thêm bàn tán. Phương chi chọn bổ quan ở kinh ra làm việc ở Bắc Kỳ, nếu sợ có gì không đúng với hòa ước, thì quan toàn quyền thương tư cách đối, sao bằng lấy người Bắc Kỳ, do quan kinh lược chọn lựa rồi thương qua quan toàn quyền hội đồng quyết định đã gần tiện lại nhanh chóng hơn. Phương chi chọn bổ rồi cũng phải tâu về cho triều đình biết. Trước đây có việc chậm tâu, đấy là sự làm lỗi của Nguyễn Trọng Hợp. Nay Nguyễn Hữu Độ là người thạo việc, sau đây sẽ một mặt chọn bổ, một mặt tâu về triều chắc là sẽ không chậm muộn như trước nữa.

Sau đó quan toàn quyền trở về Bắc, Hoàng đế chuẩn ban thưởng cho các quan thuộc khác nhau. [Tặng quan toàn quyền một cái khánh ngọc tốt, một bức hình tam thọ bằng vàng, một cái chén bằng ngọc, một cái quạt bằng ngọc tinh quang có dây tua bằng san hô, 3 tòa chậu lung. Tặng quan Ba quân đốc hỏa thuyền một cái kim khánh hạng nhỏ. Tặng cho một viên quan Năm, một viên quan Hai, một viên ký lục, mỗi người một kim tiền hạng lớn có chữ “Vạn thế vĩnh lại”].

Nguyên lúc kinh thành xảy ra việc, các hạng súng đồng để ở xưởng Tả, Hữu tướng quân và do các tỉnh đưa về (ở kinh và ở các [135b] đồn chuyển về 1.440 khẩu, các tỉnh đưa về 1.440 khẩu) đều do quý quan thu giữ.

Tháng Bảy năm ngoái, quan Toàn quyền Pôn-be đưa thư nói rằng: Nam triều nhận lấy các hạng súng đồng cũ để đúc thành tiền, số tiền ấy sẽ tiêu dùng về khoản phí tổn quý quan xây đắp trụ sở mới ở Trấn Bình Đài. Còn thừa bao nhiêu sẽ trích giao Nam triều nhận dùng. Việc ấy đã được chuẩn y cho làm. Nhưng tư nhờ quý đại thần giúp mua máy móc và thuê chở đến kinh do Nam triều đúc làm.

Ngày tháng 4 năm nay, quan toàn quyền mới đưa thư nói rằng: Về khoản phá súng đồng ra đúc tiền, máy móc mua được rất khó, nghĩ nên phá các hạng súng ấy ra thành đồng bán đi lấy tiền để chi vào khoản tổn phí thuê thợ xây dựng Trấn Bình Đài.

Nay lại có chỉ chuẩn cho đình thần thương với quan khâm sứ rằng: Trong hạng súng đồng có 9 vị “Hùng dũng vô địch Đại tướng quân”, đây là di tích của tiền triều đúc ra để giữ nước, xin cho giao lại [136a] để làm quốc hữu. Còn dư nữa nên phái người đến kiểm kê xem được bao nhiêu chia làm 10 phần, trong đó 7 phần để quý quốc đem bán lấy tiền tiêu dùng, còn 3 phần xin giao Nam triều đúc thành tiền để tiêu dùng.

Đến nay quan toàn quyền mới phúc rằng: Khoản súng đồng này, muốn đúc thành tiền phải 10 năm mới xong. Nếu cứ đúc được bao nhiêu dùng bấy nhiêu thì các công việc xây dựng cũng phải đợi ngoài 10 năm mới xong, rất là chậm trễ. Từng vị đại tướng quân trú ở 9 nơi, nên giao trả lại không kể còn bao nhiêu, sẽ tùy tiện phá ra từng mảnh nhỏ phát mãi lấy tiền, hoặc giao cho Nam triều chiếu giá trả tiền để có tiền mà làm việc cho kịp thời.

Vả hạng súng ấy, (trừ 9 vị tướng quân ngoại hiệu) còn hơn 600 khẩu, ước được 70 vạn cân tây (thành 120 vạn cân Nam). Thành 70 vạn tiền quan tây. Nay giao đồng lại Nam triều nhận giữ, nói giao tiền cho quý đại thần nhận. Tính thành hơn 50 [136b] vạn quan tiền Tây (tính thành tiền Nam 65 vạn quan) tính thành bạc 120.500 đồng,⁽¹⁾ để kịp thuê người xây dựng Trấn Bình Đài.

⁽¹⁾ DNTL (Sđd, tập 9, tr. 344) và *Việt Nam những sự kiện lịch sử* (Sđd, tr. 182) đều ghi 50 vạn phrăng quy ra bạc là 12.050 đồng. BT.

Các quan ở Viện Cơ Mật tâu: Quan toàn quyền đã nói như thế, thì Nam triều cũng không nên so đo gì nữa, xin chuẩn y cho. Hoàng đế bảo rằng: Từ sau khi xảy ra việc, kho tàng Nam triều đều đã trống không. Nay quý đại thần bảo việc này đến 10 năm mới xong. Phương chi tình thế nước ta hiện nay như thế chỉ sợ đến 30 năm đã thành hay chưa, cũng chưa biết được. Thật như tục ngữ đã nói: “Tiền mất tật còn” cũng có thể lấy đấy làm gương được.

Khoản này còn cần phải cân nhắc kỹ. Một mặt thì sợ thương tổn đến sự giao hảo, một mặt thì sợ tốn phí. Nhưng sự thể to lớn, nên giao xuống cho Phủ Tôn Nhơn và các quan đình thần họp bàn để trả lời cho quan toàn quyền.

Sau phúc cho quan toàn quyền rằng: Nước Nam hiện nay đã nhận sự bảo hộ của quý quốc, thì tiền bạc có đủ mua hay không, đã rõ ràng hết. Phương chi quý đại thần đến đây nói hai tỉnh Thuận, Khánh rồi đây [137a] cũng sẽ trả lại cho ta, thì ta còn nhờ vào quý quốc nhiều. Nay nếu bảo là có thiếu tiền, không muốn nhận mua, như thế chẳng những là tỏ ra hẹp hòi mà còn sợ can ngại đến tình hòa hảo. Sau đây nếu có thương thuyết sự gì ắt sẽ gặp nhiều khó khăn, xin cứ tạm nhận để tỏ ý hồn hậu.

Vua mới nghe theo chuẩn cho viên Khâm đại sứ ở Hữu Trục kỳ là Hoàng Tá Viêm rút quân về kinh chờ chỉ.

Lúc bấy giờ quan khâm sứ tư nói rằng: Tá Viêm làm việc có nhiều điều không hợp ý các quan Pháp, các quan ở Viện Cơ Mật tâu xin cho rút về chờ chỉ. Vì vậy mới có mệnh này.

Ngày tết quốc khánh nước Cộng hòa Pháp, quan khâm sứ duyệt binh, mời Hoàng đế đến dự duyệt. Hôm ấy bày quân ở trước lầu Ngọ Môn, Hoàng đế vận đồ quân phục đến xem, sau lại cưỡi ngựa đi duyệt quân. Ban cho viên thống binh Pháp một cái ngọc bội ngự dụng (có dây tua) và thưởng cho quan quân Pháp ngân tiền lớn nhỏ khác nhau, (thưởng cho 39 viên quan Pháp mỗi người một đồng long văn hạng lớn, 48 viên suất đội mỗi viên mỗi đồng hạng “tứ mỹ”, 586 tên lính, mỗi tên một đồng “nhị thẳng”, “nhị nghị”. Về sau hằng năm đều làm như thế. [137b] Ngày tết cộng chính duyệt binh và mời Hoàng thượng đến ngự duyệt, bắt đầu từ năm nay].

Khâm sứ Pháp đưa thư nói rằng: Hiện nay sứ quán Pháp có lập một nhà dưỡng bệnh, phái quan thầy thuốc Pháp đến chữa bệnh, đã có hiệu nghiệm nhiều. Nước ta nên làm thêm một tòa nhà dưỡng bệnh gần ở bên đó mà điều trị. Lại nên phái một vài viên thầy thuốc ta đến đấy ở thường xuyên, để thầy thuốc Pháp chỉ vẽ cho phương pháp trị bệnh. Các quan Viện Cơ Mật tâu xin chuẩn cho theo lời tư của quan khâm sứ mà làm.

Tháng Sáu, Khâm sai của Pháp ở hai tỉnh Bình, Phú là Trần Bá Lộc, đem quân lính quan viên xuống hỏa thuyền về Gia Định.

Khâm sứ Pháp là Hách-tô đến yết kiến, vua mời vào điện riêng, có thương thuyết 5 khoản:

1. Hai tỉnh Thuận, Khánh mới được trả lại công việc rắc rối nhiều, có viên Khâm sai Hữu Trục kỳ là Phan Liêm, những việc trị dân, giao thiệp rất là quen thạo, nên cho viên ấy làm Tổng đốc Thuận, Khánh.

2. Kinh thành chưa được quý quan trả lại, dân tình rất là mong mỏi, quý khâm sứ có lòng giúp đỡ, nhờ tư báo cho quan toàn quyền xin trả lại sớm, để sức cho [138a] nhân dân bản quốc về ăn ở như cũ, lập ra phường ấp canh giữ để phòng bọn gian ác.

3. Theo luật lệ của bản triều, hễ người nào phạm tội tất phải xét hỏi kỹ càng, nếu quả là có tội không thể tha được, rồi sau mới xử tội chết.

Nay cứ các tỉnh, hễ bắt được phạm trốn, quý quan không hề xét hỏi tình tội nặng nhẹ như thế nào, liền thương với quan tỉnh đem bắn chết ngay, quan tỉnh cũng sợ không dám xét hỏi.

Vả thường tình dân gian, nhiều khi vì thù oán, rồi vu hãm nhau, quý quan tỉnh cấp thiết, còn các quan đốc phủ ở các tỉnh thì không thể biết hết được. Nếu cứ làm một cách đại khái như thế thì trong đó hoặc có người mượn việc công để trả thù riêng, rồi có khi tràn lan đến người không tội. Khoản này trừ những khi đương trường bắt được, có đủ tang trạng rồi bắn chết thì không kể, còn ngoài ra bắt được phạm trốn, thì nên giao cho quan tỉnh giam giữ xét hỏi, hễ có đầy đủ tội trạng sẽ xử trí sau, để tỏ lòng quý trọng mạng người.

4. Các quý quan hiện trú ở các tỉnh, đều sẵn lòng giúp đỡ mọi việc, bản quốc có ích lợi rất nhiều, những việc nhỏ mọn không nên so đo. Duy gần đây, các tỉnh tư về nói trong đó có một vài quý quan sức mua củi đuốc và các hạng cần dùng như ở Thanh Hóa chẳng hạn, sợ các tỉnh thuộc, dưới lúc thừa hành có nài mượn cơ để xâm nhiễu chăng?

Vậy từ nay về sau, nếu các quý quan có cần mua sắm vật hạng gì, nên tư cho quan khâm sứ, chuyển tư sang Viện Cơ Mật biết, để tùy tiện sức làm cho dễ việc tính tiền tiêu phí về sau.

5. Kinh thành từ sau khi xảy ra việc, thuyền quan mất rất nhiều, nay cũng không cần truy vấn làm gì. Duy trong đó có những hạng thuyền ngự dụng do các triều trước đóng ra, gần đây thấy trôi ở trên mặt sông, quý quan không dùng làm gì, chỉ thấy những bọn làm thuê người bản quốc chèo chống qua lại rất là khó coi. Nay nhờ quan khâm sứ thương tư với quan toàn quyền, trích trả cho những thuyền ngự dụng ấy để tiện sửa chữa lại. Nếu không dùng được nữa thì cho phá hủy để khỏi tiết độc.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tiết độc: khinh nhờn, tỏ ra không kính trọng.

Quan khâm sứ trả lời rằng: Về khoản cho quan Phan Liêm làm Tổng đốc Thuận, Khánh xin y. Về khoản thuyền ngự, xin sẽ kiểm điểm lại nên thế nào sẽ làm sau. Còn các khoản khác, xin đợi tư quan toàn quyền và các công sứ các tỉnh biết làm.

Quan Toàn quyền Bắc Kỳ [138b] tư cho Nha Kinh Lược nói rằng: Toàn hạt xứ Bắc Kỳ, từ năm nay về sau hễ đến kỳ thuế, nhân dân đưa thuế đến nộp ở tại tòa Bô thì quan công sứ đến đây hội thu và biên chữ “đã nộp” vào sổ nộp của hàng xã. Hiện thu được bao nhiêu, quan tỉnh phải làm một bản sổ giao quan công sứ chấp chiếu. Lại phải xét rõ sổ thuế của xã nào là bao nhiêu, dịch ra chữ Pháp đệ giao quan công sứ chiếu cứu. Hiện thu được số bạc hoa xòe là bao nhiêu đệ nộp vào kho bảo hộ.

Mùa thu, **tháng Bảy**, Khâm phái Pháp là Trần Bá Lộc, nghĩ đem các thân hào khởi sự ở hai tỉnh Bình, Phú ra trừng phạt (chia làm 5 hạng: Đại, trung, tiểu phú, sảo bản và cực bản) bắt nộp số bạc là 136.210 đồng (Tỉnh Bình Định 75.690 đồng, Phú Yên 60.520 đồng) để sung vào quân nhu. Tự giao cho hai tỉnh ấy xét làm.

Mùa đông, **tháng Mười**, nước Pháp sai viên Khâm sứ ở Trung Quốc trước là Công-tăng (Constans) đến làm chánh Toàn quyền ở Gia Định [139a] kiêm thống Nam, Bắc Kỳ.

Nguyên quan Toàn quyền Bắc Kỳ là Bi-u về nước, sai Lại Bộ Thượng thư, sung Cơ Mật đại thần hiện sung chức Tuyên úy sứ ở Tả Trực kỳ là Nguyễn Thuật, Hộ Bộ Thị lang sung Cơ Mật Viện tham tán là Đào Tấn đem các đồ lễ vật đi đường thủy vào Gia Định để tặng (Tặng quan toàn quyền: Một bức ảnh của vua, một kim khánh hạng lớn, một cây gương, hai ngà voi, một cái hộp đựng trà hình vuông bằng ngà voi bít vàng, một cái hộp như ý bằng ngà voi, một cái nghiên bằng đá lương ngọc, một tấm gấm hoa. Tặng bà toàn quyền: một cái ngọc bội, hai tấm đoạn hoa). Khi xong việc rồi, Nguyễn Thuật lại trở về Quảng Nam làm việc như cũ.

Quan giám quốc Pháp là Ta-xuy-bi về hưu, Viện Trọng chính bầu ông Xi-đi-ca-nô lên thay. Khâm sứ Hách-tô tư giao bản sổ cho Phủ Toàn quyền kê thưởng Long tinh cho các quan Pháp 191 người (hạng nhì 14 người, hạng ba 14 người, hạng tư 52 người, hạng năm 111 người). Quan Nam 16 viên (hạng nhì Nguyễn Hữu Độ, hạng ba Nguyễn Trọng Hợp, Đoàn Văn Hội, hạng tư Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường, Tôn Thất Phiên, Lê Hữu Thường, Nguyễn ..., Lê Đĩnh, Vũ Văn Báo, Nguyễn...,⁽¹⁾ Nguyễn Xuân Duẩn, Hồ Lệ, Hồ Đệ, Phạm Hữu Văn).

[139b] Lúc trước Toàn quyền Bắc Kỳ là Bi-u tư cho Nha Kinh Lược nói rằng: Viên thông ngôn là Lê Văn Quyền làm việc giỏi xin thăng cho hai trật (nguyên thưởng hàm

⁽¹⁾ Chữ viết không rõ. BT.

Tri phủ), Nguyễn Hữu Độ xin cho thăng Thị độc học sĩ (thế là thăng ba trật). Bộ Lại nói: Thị độc học sĩ là chức thanh yếu chưa hợp, nghĩ chuẩn thăng cho làm Quang lộc tự thiếu khanh. Rồi do viên khâm sứ không hài lòng, nên phải chuẩn cho như lời xin của Nguyễn Hữu Độ cho Văn Quyền thăng hàm Thị độc học sĩ.

Tháng Chạp, Đinh Hợi (1887)

Quan Pháp giao trả lại miếu công thần và các trại lính ở trong Kinh thành, từ cửa Tây Nam đến cửa Chính Tây.

Năm Đồng Khánh thứ 3 (Mậu Tý, 1888), mùa xuân, tháng Giêng

Chuẩn cho chép thể lệ Bộ Hình giao cho quan khâm sứ nhận làm. [140a] Do quan khâm sứ đưa thư nói rằng: Hiện nay quan Pháp ở ba tòa tại Gia Định, hiện đương tập hợp những luật lệ của các nước, nhờ sao các điều lệ về luật hình của nước ta từ đời Gia Long trở về sau, giao cho ba tòa ấy để tiện tham khảo, xét làm. Vì vậy sai chép giao cho quan khâm sứ nhận chuyển.

Năm Đồng Khánh thứ 3, (Mậu Tý, 1888), tháng Hai

Quan Toàn quyền Công-tăng đến kinh, yết kiến Hoàng đế và đưa quốc thư, trong thư đại ý nói như sau:

Giám quốc nước Pháp là Ca-đô⁽¹⁾ kính thư trình Hoàng đế nước Đại Nam là bậc đức lớn tài cao, bạn thân của nước Đại Pháp xem rõ. Nguyên giám quốc nước chúng tôi là Kỳ-di-huy đã về hưu, nước chúng tôi họp Viện Nguyên lão và Viện Thứ dân, theo điều lệ trong Hiến chương cộng hòa, cùng nhau bàn bạc thỏa đáng, theo lối công bằng tuyển cử, bầu tôi lên làm Giám quốc để chủ trương về quốc sự nước thống trị trăm quan, chế ngự quan viên trong ngoài, đã chọn chính ngày mùng 3 tháng này. Một khi đã lên chấp chính rồi rất lấy làm lo âu vì công việc nặng nề khó khăn, ngày đêm lo lắng chỉ sợ không xứng chức.

Nay nhân dịp tiện xin gửi ít lời, để trình bày sự thể giải tỏ nỗi lòng, mong Hoàng đế có thể tác thành cho, tôi xin gắng sức thi thố, trù hoạch, khiến cho tình hữu nghị của nước Pháp với các nước ngoài ngày càng khấn bó (giao hòa) để cùng nhau thái bình vô sự, [140b] ăn ở êm thấm không có sự xích mích nữa, mà y thường ngọc bạch (giao hảo hòa hợp) lâu bền, không thấy lại cảnh can qua. Tôi thiết nghĩ lòng Hoàng đế với lòng tôi tất phải giống nhau vì ai cũng mong muốn như thế cả. Vì vậy mới dám thẳng bày tâm phúc, muôn mong Hoàng đế soi rõ lòng tôi, tin tưởng lời nói tôi, mà không bao giờ quên cả, tôi rất lấy làm vui mừng.

Vua đi qua sứ quán thăm hỏi an ủi, rồi sai Phủ Tôn Nhơn và đình thần viết thư trả lời. Đại ý như sau:

“Bản quốc với quý quốc có tình hữu nghị khấn bó đã lâu. Mới rồi vì bọn quyền thần sinh sự, làm mất tình vui, may nhờ quý triều đình rộng lòng nhân thứ nối lại tình xưa, định ngôi lớn, dựng triều đình, bảo hộ cho được an toàn, cái ơn tái tạo đó cảm động vô cùng. Gần đây vì nhiều công việc, chưa kịp sai sứ qua tạ ơn tự biết là thiếu sót.

Năm Bính Tuất (1886), quý triều đình lại chuẩn cho đem hòa ước năm Giáp Thân (1884) bộ giao cho nước chúng tôi, thật là có lòng bảo hộ soi thấu nước chúng tôi rất

⁽¹⁾ Tức Tổng thống Pháp Marie François Sadi Carnot, tại nhiệm từ 03/02/1887 đến 25/6/1894. BT.

nhiều. Duy tiết thứ các quý triều đình, có nhiều việc thi hành chưa đúng điều ước, chưa hợp với lễ công bằng.

Ngày tháng Tư nhuận năm ngoái, quý khâm sứ đại thần đến kinh thành chúng tôi thăm hỏi tình hình hiện tại, đã chuẩn cho Hoàng đế nước chúng tôi viết quốc thư gửi sang Hoàng đế quý quốc soi xét, may nhờ soi thấu tình xa.

Nay quý đại thần công bình chính trực ai ai cũng biết. Trước đây quý đại thần đã từng làm đại sứ nước Pháp ở Bắc Kinh, tiếng tăm lừng lẫy. Nay lại vâng mệnh đến nhận chức ở nước chúng tôi, thật là dịp may cho nước chúng tôi, được có sự giúp ích. Như thế công đức của quý đại thần chẳng những nhân dân chúng tôi hiện nay được chịu ơn, mà còn ghi nhớ về sau mãi mãi, không bao giờ quên được.

Phụng mệnh Hoàng đế, nay xin nêu một số điều đã có trong hòa ước nhưng chưa được thực thi nghiêm cần, mong quý đại thần xem xét và giúp đỡ cho. Mấy điều khoản xin kể như sau [141a]:

1. Khoản 11 ở trong hòa ước có nói rằng: “Từ giáp tỉnh Biên Hòa cho đến giáp tỉnh Ninh Bình, quan bố chánh chiếu thu lệ thuế, nạp vào triều đình nước Nam như cũ. Quan Pháp không kiêm cố đến việc ấy. Duy địa hạt Bắc Kỳ thì các quan công sứ hợp với quan Nam chuẩn định các khoản tiêu phí và các khoản công nhu, xem hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu đều nạp vào kho triều đình nước Nam...”. Thế mà gần đây phạm các khoản thuế từ tỉnh Thanh Hóa vào nam cho đến Bình Thuận và các Nha Thương Chính mới lập ra ở các cửa biển không can thiệp gì vào hòa ước, mà nhiều nơi quý quan cũng sức bãi bỏ, không cho trưng thu.

Xét ra 6 tỉnh ở Nam Kỳ, bản quốc đã nhượng cho quý quốc quản hạt, còn Bắc Kỳ gần đây lại xảy ra nhiều việc, chỉ còn mấy tỉnh ở Trung Kỳ. Các hạng thuế thuộc xứ Trung Kỳ nếu hàng năm có thu được hết, còn chưa đủ để cung cấp cho các món tiêu dùng trong nước. Phương chi quý quan lại không cho trưng thu, thì lấy đâu mà tiêu dùng cho đủ, vả lại chiếu theo hòa ước như thế cũng chưa đúng.

Các hạng thuế đình điền ở Bắc Kỳ quý quan đều cho chiết nộp bằng tiền bạc, thu được bao nhiêu đều do quý quan nhận trữ, về sau quý quan chi tiêu khoản gì, quan tỉnh cũng không được biết. Còn như thuế các sản vật trước đây đều do quan tỉnh địa phương thu chở về kinh tiêu dùng.

Nay quý quan cũng cho biết nạp bằng tiền, bằng bạc, nhưng số chở về kinh năm Bính Tuất quan Toàn quyền Pôn-be trước phỏng định mỗi năm cho chở vào kinh tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn hộc, gạo chiết lấy tiền mỗi hộc 5 quan còn chưa chở đủ. Đến quan Toàn quyền Bi-u lại bớt số chở mỗi năm chỉ còn 150 vạn quan tiền tây, tính thành tiền Nam 1.875.000 quan. Nhưng tiết thứ đã chở và sẽ chở, thông tính mới được 1.530.300 quan tiền Nam, còn nữa chưa thấy chở đến.

Còn như số chở năm Đinh Hợi, căn cứ quan Toàn quyền Bi-u tới kinh nói rằng: Khoản tiền ở Bắc Kỳ chở vào kinh, quan Toàn quyền Pôn-be trước bàn định trích chở mỗi năm tầm 38 vạn quan, gạo 38 vạn hộc, nhưng xét trong biên bản không có chữ ký của quan Toàn quyền Pôn-be làm bằng cứ, duy bản quốc gần đây tiền tài thiếu thốn, xét thấy số tiền lưu hạ mấy năm trước của các tỉnh Bắc Kỳ hiện được 1.500.000 quan tiền tây, tạm cho lĩnh chở vào kinh số tiền ấy. Nhưng thông tính số thuế toàn xứ Bắc Kỳ mỗi năm thu được tiền 1.500.000 quan, gạo 1.500.000 hộc sung vào các chi phí của Bảo hộ. Nếu thu đủ được toàn số, thì số tiền [141b] lưu hạ trước có thể cho chở đi được. Còn như số tiền phải chở vào kinh năm Bính Tuất còn thiếu lại bao nhiêu có cho chở vào thanh khoản các lẽ...

Sau đó căn cứ Nha Kinh Lược trình báo, thì thuế năm ấy hiện thu được tiền hơn 6.540.400 quan, cộng với số tiền lưu hạ 1.500.000, tổng cộng hơn 8.040.000. Trừ bảo hộ chi phí đồng niên 7.500.000 quan. Thế là còn được chở vào hơn 540.000 quan, y như đã tư xin trích nhận tiền 540.400 quan chở vào kinh nạp, nhưng chưa thấy phúc.

Hiện nay chi phí rất nhiều, mà số chở năm trước còn thiếu, chưa được chở vào cho đủ. Gia dĩ từ tỉnh Thanh Hóa vào nam sau lúc bị tàn phá, thuế má khó thu, không biết lấy gì tiêu dùng, tình hình rất là khẩn thiết mong chờ xét nghĩ cho đồng niên chở vào số tiền như thế nào để được đủ dùng.

2. Khoản 15 trong hòa ước nói rằng: “Nước Pháp hứa từ nay về sau xin giúp cho nước Nam mọi sự hoàn hảo để cho khỏi giặc cướp ở trong ngoài phá hoại, vì thế nên ở bất cứ đâu trong nước, trong Nam hay ngoài Bắc Kỳ hễ nơi nào nào động cần phải đóng quân thì đem quân đến đóng để bảo vệ...”, thế là bảo trợ nước Nam, xuất từ lời hứa của quý quốc, vì vậy hễ đâu có giặc cướp là quý quan quân đến đóng để đánh dẹp. Đây cũng là làm theo lời hòa ước.

Trước đây nguyên soái Gia Định sai Trần Bá Lộc đem quân ra đánh lấy lại các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa rồi đòi quan phí, phạt tỉnh Khánh Hòa 1.000 điều, mỗi điều trị giá 15 đồng bạc, tính thành 15.000 đồng. Lại phạt tỉnh Bình Thuận cũng một số nhiều và thu bạc thuế lĩnh trưng hơn 18.000 đồng. Sau lại phạt hai hạt Bình Định, Phú Yên đến 136.210 đồng. (Trong đó Bình Định 75.690 đồng, năm ngoài đã thu được 15.209 đồng. Phú Yên 60.520 đồng, năm ngoài đã thu được 21.115 đồng, đều đã giao viên công sứ kiểm chận). Nhân dân nước Nam vốn đã đói khổ, nay phạt quá nặng như thế thì dân đến kiệt quệ. Chiếu theo nghĩa xin giúp ở trong hòa ước sợ chưa phù hợp, vả lại sau khi bị tàn phá dân tình rất là [142a] kiệt sức, không thể chịu nổi, kêu xin luôn luôn. Quý đại thần đối với nhân dân đâu cũng một lòng nhân ái cả. Xin xét nghĩ thế nào cho nhân dân mấy tỉnh ấy được đội ơn đức.

3. Khoản 12 trong hòa ước nói rằng: “Các Sở Thương Chánh trong nước Đại Nam lại cho lập lại điều giao hết cho nước Pháp chuyên coi, những Sở Thương Chánh được

lập, chỉ lập ở những nơi gần bờ biển và gần biên giới mà thôi. Các Sở Thương Chánh trước, do các quan võ của Pháp lập ra, nay nước Nam cũng nên thôi, không nên bàn tính đến nữa. Còn như các điều lệ về thương chánh, các lệ thuế ngoại ngạch và các khoản lệ cấm không cho thuyền buôn vào cửa biển trong khi có các bệnh dịch tễ, thì trong nước Nam ở xứ Bắc Kỳ cũng như điều lệ ở 6 tỉnh Nam Kỳ.

Ngày tháng Mười Một năm ngoái, quan phó khâm sứ tư tiếp rằng: “Tiếp quý đại thần điện rằng chiếu theo nghị định 12 ngày 2 tháng 3 năm 1886 nói rằng hễ cho người lĩnh trưng thuế nha phiến và thuế rượu phải trình quý đại nhân xét duyệt đã rồi sau mới được thi hành. Các lễ...”

Cứ như lời điện ấy bản quốc rất lấy làm quan ngại. Vì rằng quý đại thần trú ở Gia Định, nên chỉ khi nào ở kinh có ai lĩnh trưng khoản thuế gì đều tư cho quan khâm sứ ở kinh xét định. Nay nếu việc lĩnh trưng nào cũng tư cho quý đại thần duyệt y cả rồi mới được thi hành, thì đường sá xa xôi, không khỏi chậm trễ, nhân tình lo sợ, chỉ sợ làm không trôi việc. Xin quý đại thần xét nghĩ lại như thế nào để được thuận lợi, rất mong.

Quan toàn quyền đáp lại rằng:

Về khoản chờ tiền ở Bắc Kỳ vào kinh, gần đây tiếp quan Phó toàn quyền ở Bắc Kỳ là Bi-dơ điện rằng: Lần này Nha Kinh Lược sắp chờ vào kinh số tiền hơn 540.000 quan, xét đã đúng số rồi, chừng trong tháng này thì sẽ chờ đủ. Còn được chờ thêm bao nhiêu nữa, chờ Nguyễn Hữu Độ ra Bắc, sẽ bàn định sau.

Về khoản các tỉnh Thuận, Khánh, Bình, Phú phải bồi phí, theo lời lẽ trong thư thì dân tình các tỉnh ấy kiệt sức, luôn luôn kêu xin giảm, quý đại thần cũng đã xét thấu, thương hại dân tình sẽ đánh điện cho quan công sứ Phú Yên xét lại mà cho giảm miễn.

Còn như các hạng tạp thuế, sẽ do Nam triều tùy tiện thương tư với quan khâm sứ mà cho đầu giá lĩnh trưng, quý đại thần không ngăn trở gì. Quý đại thần sang đây lần này là cốt để hết lòng giúp đỡ nước Nam, còn nhiều việc phải châm chước sửa đổi cho tốt đẹp hơn, nay chỉ mới tạm nên quan tâm một vài khoản, để chúng tỏ tấm lòng thật muốn bảo trợ nước Nam đầy thôi, nhờ các quan tâu trình lên Hoàng đế thấu suốt, [142b] ý cũng muốn nước Nam châm chước, xong việc rồi về nước.

Vua sai viết quốc thư đáp tạ, đại ý như sau:

Hoàng đế nước Nam, kính phúc thư cho Đại Hoàng đế nước Pháp.

Nay được tiếp quan Tổng thống Đông Dương toàn quyền đại thần Công-tăng đến kinh đô nước quả nhân, giao cho quả nhân bức thủ thư của Đại Hoàng đế. Quả nhân rất lấy làm vui mừng kính cẩn mở đọc, xét theo lời lẽ trong thư, biết được Đại Hoàng đế là bậc cao minh quảng đại. Trong đó có nói rằng: Đại Hoàng đế được hai Viện đồng lòng cử lên để chủ trương việc nước. Đại Hoàng đế tự nghĩ ngôi trời lớn nặng, việc nước khó

khẩn chỉ lo mở rộng lòng thành làm sao cho nước Pháp với các nước đồng minh đều được càng thêm giao hảo. Lại hết lòng giúp đỡ cho nước chúng tôi để được lâu dài tốt đẹp, ngày càng mạnh giàu. Quý hóa thay lời nói ấy, rồi đây bốn biển chung vui, muôn nơi ghi tạc...

Và lại quý tổng thống toàn quyền đại thần là người có danh vọng lớn, đã từng làm đại diện cho quý quốc ở nước Thanh, trí thức có thừa, quả nhân nay may được gặp, đã cùng với quý quan bàn tính các khoản việc nước.

Quý tổng thống nói rằng: Quý tổng thống thay mặt cho quý triều đình, y theo nguyện vọng của quả nhân, quả nhân rất lấy làm cảm bội và tất cả nhân dân của hạ quốc cũng đều vui mừng. Hằng ngày trông mong quý tổng thống thi hành cho hết những điều đã nói, đã hứa, để cho hạ quốc ngày càng thịnh vượng hơn trước. Lần trước quan cố Toàn quyền Pôn-be đến kinh đô, cũng đã hết lòng giúp đỡ cho nhiều việc, không may qua đời chưa thi hành được.

Nay có quý tổng thống toàn quyền đến thay thế, trù tính cho mọi việc ích lợi trong mấy ngày. Nay đã gần đến kỳ về nước, quả nhân xin tạm đem mấy khoản quan trọng ra thương thuyết trước như sau:

1. Trước đây quan Toàn quyền cũ là Pôn-be, Bi-u đã thương định rằng tất cả những món thuế ở Bắc Kỳ, trừ chi phí bảo hộ, còn thừa ra bao nhiêu đều cho chở về kho ở kinh đô hạ quốc, để hạ quốc chi dùng.

2. Về khoản bắt các tỉnh Thuận, Khánh, Bình, Phú phải bồi phí tổn về việc quan quân đánh dẹp, trừ số tiền đã thu rồi không kể, còn hiện thiếu bao nhiêu xin cho miễn thu.

3. Hiện nay bọn phi đã dẹp yên, nhân dân đã ăn ở ổn định, nếu cứ để quan quân quý quốc đóng đồn tuần phòng nhiều chỗ, sẽ làm cho nhân dân nghi sợ, xin rút bớt đi. Lâm thời có chỗ nào không yên sẽ cho các quan địa phương tư [143a] cho các quan công sứ giúp làm. Ba khoản trên đây quý tổng thống đã xét rõ hiện tình, xin cho y thể mà làm.

4. Nếu quan khâm sứ ở kinh nghe theo quan toàn quyền ở Bắc Kỳ như thế sợ chưa đúng với hòa ước. Nếu được riêng đặt một quan toàn quyền ở kinh, phàm có việc gì thương thuyết đều được tiện dễ. Nay hiện có quan Khâm sứ ở kinh là Hách-tô vốn người thông hiểu mẫn cán, nếu được quý quan ấy sung làm chức Toàn quyền ở kinh càng thấy rõ tấm lòng thương quốc giúp đỡ hạ quốc rất là đến nơi đến chốn.

Từ lời thương thuyết của quý tổng thống, thì quý triều đình sở dĩ không muốn thay đổi khoản gì, là sợ hạ quốc có nghi ngại gì chẳng. Và lại theo ý của quý tổng thống, vốn không muốn quý khâm sứ ở kinh nghe theo mệnh lệnh của quý toàn quyền ở Bắc Kỳ, chỉ muốn phàm có việc gì quý khâm sứ ở kinh cứ tư thẳng cho quý tổng thống để tiện xử trí

mà thôi. Nay hạ quốc muốn đặt riêng một viên toàn quyền ở kinh đô, quý triều đình cũng muốn y cho. Quý tổng thống xin hết lòng khẩn khoản tư xin cho Hách-tô được thực thụ chức Khâm sứ ở kinh được đủ quyền pháp để thỏa lòng mong muốn của hạ quốc.

Vả quý tổng thống vốn có trọng danh, mà hạ quốc còn cần phải trù liệu xử trí nhiều việc như: Lập thương chánh, sửa đường sá, đặt điện báo... ắt phải có quý quốc giúp đỡ cho rất nhiều mới mong ổn tề được.

5. Địa giới của hạ quốc giáp các xứ Cam Môn, Cam Kết, gần đây nhân nước Xiêm mạo nhận xâm lấn, đem quân đến đóng. Nay xin thượng quốc chiếu theo hòa ước, trù liệu thế nào để hạ quốc khỏi mất lãnh thổ.

Hai khoản này, đã thương nhờ quý tổng thống vì hạ quốc mà tâu đạt thay, mong được làm sớm. Vả quý tổng thống đến hạ quốc lần này quả nhân thật lấy làm trông cậy.

Các khoản liệt kê ra trên này cùng với các khoản đã nói rõ trong quốc thư năm ngoái, gởi quý khâm phái đại nhân đem về tâu đạt, tưởng quý tổng thống ắt có thể nhận lòng khoan nhân quảng đại của Đại Hoàng đế, đoái thương lòng thành kêu xin của hạ quốc tâu đạt mà cho hết thấy, may được Đại Hoàng đế nghe theo nguyện vọng khiến cho hạ quốc đội nhiều ơn, thì chẳng những may mắn riêng cho quả nhân, mà cũng rất may mắn cho thần dân hạ quốc nữa. Quả nhân rất lấy làm mong đợi.

Từ khi quan toàn quyền đến cho đến kỳ về nước, các khoản đón rước, khoản đãi, tiễn tống, đều làm theo lệ trước.

Tháng Chạp năm ngoái, [143b] triều đình Pháp đưa tặng ngọc quý, vàng ròng màu lửa xám.⁽¹⁾ Vua sai viết thư đáp tạ. [Đại lược nói rằng: Quý quốc Pháp tặng ngọc tỷ, đây là điều tốt trên trời giáng xuống, cái rất quý ở trong đá 19 năm trước được nước Pháp chế toàn khối lấy ra chế làm ấn ngọc, rất là quý hóa. Nay nước Đại Pháp không tiếc của quý trời cho, mà đem biểu nước Nam để tỏ rõ nghĩa sáng, để truyền đến lâu đời về sau...]. Gởi (thư ấy) cho quan toàn quyền về nước Pháp và xuống dụ bảo rõ cho nhân dân trong ngoài đều biết.

Ý dụ nói rằng: Nước ta với nước Đại Pháp trước đây kết nghĩa có đủ thề ước, trung gian gặp phải vận ách, đến phải chia lìa. Nay may được Hoàng đế nước Pháp nối lại tình cũ, đặc cách sai quý đại thần cùng với các quan đại thần nước ta rước Trẫm lên ngôi, rồi đem hòa ước hồ giao, thi hành. Thật là hòa hảo tin tưởng, tốt đẹp với láng giềng, trước sau không sai trái, mới được như thế đây. Nhưng vì nước ta cùng với nước Pháp cách xa muôn dặm chỉ sợ không có bằng chứng thì không biết lấy gì để tỏ lòng tin. Nay tiếp quan

⁽¹⁾ ĐNTL ghi “triều đình Pháp đưa tặng cái ấn bằng ngọc, tinh kim, hắc hòa”, rồi chú “Tinh kim là vàng tốt, còn hắc hòa không hiểu nghĩa là gì?”. ĐNTL, Sđd, Tập 9, tr. 395. BT.

Trú kinh khâm sứ đại thần Hách-tô, vâng mệnh nước Pháp đem một quả ấn ngọc cho cửu khanh của triều đình Pháp hội đồng chế khắc 4 chữ “Triều đình lập tín” đến tặng. Cử ấn ngọc này do Hoàng đế nước Pháp thân tặng, vốn là điềm lành của trời giáng xuống, ngọc ở trong đá, 19 năm trước đây, được ở trong nước Đại Pháp, bỏ khối vàng mà lấy ra, chế thành ấn ấy, rất là hiếm có. Phương chi lại bỏ trong khối đá lấy ra mà đưa mài thành ấn, thì lại là sự rất khéo ở trong cái khó. Đem đến dâng tặng, đề từ nay về sau, nếu có sự cần phải thông cáo với nước Pháp thì dùng ấn quý được tặng này để làm tin, rất là cảm ơn. Phàm thần dân nước ta, đều nên biết lòng tốt của nước Pháp, hết lòng bảo hộ ta. Trao đổi ngọc với đồng minh, nhờ ngọc quỳnh giao mà tốt đẹp lâu dài, ở khéo với láng giềng để giữ nước, chỉ ở lòng thật tin. Từ nay về sau, hai nước thông cảm nhau, tình hữu càng thêm khấn bó để hưởng phúc hòa bình lâu dài, ngó không tốt đẹp lắm ư! [144a].

Tháng Ba, xứ Bắc Kỳ đặt tỉnh Phương Lâm. Nguyên quan Toàn quyền Pôn-be trước nghị định, các đất mọi đặt làm một tỉnh. Đến nay đặt tòa công sứ tại xã Phương Lâm, thuộc huyện Bất Bạt, trích lấy các hạt ở tỉnh Sơn Tây, đạo Mỹ Đức tỉnh Ninh Bình, phạm dân đất thuộc về người mọi đều do quan công sứ cai trị, gọi là tỉnh Phương Lâm. Đặt một đề đốc ngũ châu, một án sát, để thống trị ba tỉnh, đạo đất mọi, đặt ba quản đạo (mỗi tỉnh đạo đều một), 6 phó quản đạo (mỗi tỉnh đạo đều hai) để chia trị ba tỉnh, đạo đất mọi cộng 11 viên. Nha Kinh Lược đem việc ấy tâu trình lên, được chuẩn y.

Mùa hạ **tháng Tư**, nước Pháp mới đặt Cục Nhật Báo. Quan Pháp đổi lập Sở Thương Chánh tỉnh Quảng Nam ở cửa Đại Chiêm (Nguyên đặt ở cửa Hội An, sau bị bãi bỏ) [144b].

Tháng Sáu, quan Toàn quyền là Bi-dê về nước, quan Thượng thư là Ba-tô đến thay. (Nam triều phái Thị lang Bộ Lễ là Tạ Thúc Dĩnh, Hiệp lĩnh thị vệ là Nguyễn Văn Thiện ra Bắc Kỳ đón tiếp).

Khâm sứ đại thần tư nói rằng: Người buôn Pháp tên là Đô-phối trước lĩnh trưng ba hạng: gỗ tốt, tre, mây, ở hai tỉnh Thanh, Nghệ, nay xin trưng luôn ba năm các hạng thuế lâm sản.

Chuẩn cho Bộ Hộ, nghị định điều khoản, phát giao cho Đô-phối nhận làm.

Khoản 1: Nước Nam thuận để cho Đô-phối, người buôn Tây, thầu luôn ba năm các hạng thuế lâm sản ở hai tỉnh Thanh, Nghệ. Bắt đầu từ ngày mùng một tháng Bảy năm nay. Đến ba năm hết hạn rồi, nếu Đô-phối muốn tiếp tục trưng nữa, sẽ do Bộ Hộ kỳ trước sức cho các nhà buôn do Bộ Hộ đấu giá, hễ người nào đấu thắng thì được lĩnh trưng. Nếu Đô-phối đấu được thắng giá mới cho tiếp tục lĩnh trưng.

Khoản 2: Đô-phối lĩnh trưng khoản thuế này, trừ khoản trước đã trưng ba hạng là gỗ, tre, mây. Giá bạc 1.000 đồng ngoại. Nay giá thuế lâm sản khác, đồng niên phải nạp 6.471 đồng. Chia làm 4 quý, nạp đủ cho Bộ Hộ nước Đại Nam, hoặc Nha Kinh Lược ở Bắc Kỳ.

Khoản 3: Lĩnh trưng thuế các hạng lâm thổ sản (ở thượng du chở xuống) như sa nhân, hoàng thảo, hột dầu, cau khô, củi, nâu..., ở hạ du chở lên như: cá mắm, nước mắm... chiếu thu cứ 40 phần lấy một phần (1/40), nhưng trong hạn 3 năm, hễ thấy có khuyết hạng gì, phải báo cáo ngay cho quan Nam biết.

Khoản 4: Gặp khi Nam triều có lấy dùng đá Thanh thì không được đánh thuế, lại trên núi trong ngoài những xã có giấy khoán cấm tại núi Triệu Tường huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nhất thiết không được cho người đến chặt lấy các hạng sản vật ở trên núi đó [145a].

Khoản 5: Hễ khi nào có thứ lâm sản gì khác, phát hiện ra trong hai hạt ấy thì phải bẩm ngay cho Bộ Hộ biết để xét làm, Đô-phối không được tự quyền đánh thuế. Đô-phối được đặt trạm thu thuế tổng hạn ba năm nếu có sự gì trở ngại thì phải bẩm xin quan địa phương xét xử.

Khoản 6: Nếu ngày sau, do ai báo hộ nghị định bãi bỏ thuế đầu nguồn, chớ không phải Nam triều muốn bãi thì lúc đó Đô-phối không được kêu xin bồi thường, chỉ được trả lại cho số tiền do Đô-phối đã nạp trước cho Nam triều, trong mấy tháng không được thu thuế mà thôi.

Khoản 7: Nếu Đô-phối hoặc người đại diện cho Đô-phối, không kiểm soát được những người do Đô-phối đã đặt ra ở các sở để cho các người ấy thừa thế lạm thu quá số thuế đã định trước, hoặc lấy các hạng sản vật ở những chỗ mà trong điều khoản đã giao phải trừ ra rồi, đã được quan địa phương sức rõ cho một lần rồi, mà bọn người nói trên cứ làm ngang thu thuế thì Nam triều sẽ thu hồi giấy phép cho lĩnh trưng, khi ấy Đô-phối không được kêu nại gì hết.

Mùa thu **tháng Bảy**, chuẩn cho Bắc Kỳ khai khẩn các ruộng đất hoang. Nguyên trước Nha Kinh Lược nói rằng: quan Toàn quyền My-sô, thương rằng rừng núi ở xứ Bắc Kỳ còn nhiều đất hoang, nên cho nhân dân khai khẩn, đây cũng là việc cần chiều dân, để thu được thêm thuế. Các quan ở Viện Cơ Mật tâu xin, chuẩn cho y nghĩ.

Quan khâm sứ giao cho Nam triều một bức thư (đã dịch ra tiếng Việt) của viên quan Ba tên là Lô-sơ, được sai đi đóng đồn để xét biên giới hạn. Bức thư như sau: “Đã xét sách vở, bản đồ của bản quốc, và các sự tích do phái đoàn của Lãng-sa năm trước phái đi dò xét, nay thì xét được miền thượng du của các hạt nước Nam giáp với Xiêm La từ tỉnh Thừa Thiên vào nam cho đến tỉnh Khánh Hòa [145b], cùng với các phủ như: Cam Lộ ở bắc Quảng Trị, Lạc Biên, Trấn Biên ở Hà Tĩnh, Trấn Ninh, Trấn Biên ở Nghệ An. Các sách (làng mường) ở thượng du Hưng Hóa, Thanh Hóa, nguyên trước hoặc không thống thuộc vào nước nào, hoặc vốn do nước ta quản hạt.

Khoảng năm Minh Mạng, đã có sự sắp đặt xử trí, gần đây Xiêm La ý muốn xâm chiếm. Nghĩ do Viện Cơ Mật tư cho quan các tỉnh xét rõ sổ sách vở về dân mọi, giao

thông buôn bán, xét rõ tình hình, khiến cho chúng theo quyền phép ta. Những đất đai nguyên trước thuộc về nước Nam, từ trước đã có đặt quan thu thuế, cần phải có sắc bằng chính xác, và theo phái đoàn để thường qua lại bảo cho chúng biết, đất đấy là lãnh thổ của nước Nam. Chờ nước Pháp phái quan đến hội đồng xét định địa giới, mới tiện đối chất với Xiêm La được.

Các quan ở Viện tâu rằng: Nước ta tiếp giáp với nước Xiêm La, lấy Sông Khung làm giới hạn chỉ bằng vào sổ sách tương truyền mà thôi, còn như trước đây là hai nước có hội đồng lập mốc giới không, thì mờ mịt không có sự tích gì có thể khảo cứu được cả. Các triều đại trước kinh lý cũng ít khi đến nơi.

Bản triều sau khi định vực, gián hoặc cũng có cho chúng quy khoản đặt làm châu phủ, sau nhân nhiều việc nên việc bờ cõi cũng bỏ lơ là. Nay quan Pháp đến trú ở xét làm thế là đã có cơ hội để xét định giới hạn, mở mang thương du, thì những khoản như phái quan vỗ về, khiến chúng quy phục. Xin cho các [146a] quan tỉnh xét những người hiểu rõ tình thế, quen thuộc phong tục, tiếng nói của các bọn mừng, bỏ cho chức hàm, phái đi dò xét, xem những công việc gì nên làm để vỗ về dân mọi, mở mang bờ cõi của nước ta được cần phải trù tính hết. Chuẩn y cho làm.

Tháng Tám, hai quan toàn quyền của Pháp đến yết kiến (Tổng thống Gia Định Chánh toàn quyền là Ri-sô, Phó toàn quyền ở Bắc Kỳ là Ba-tô). Tổng thống Chánh toàn quyền Ri-sô (Richaud), Phó toàn quyền Ba-tô vào yết, thương định số tiền bốn năm chở ở Bắc Kỳ vào kinh (năm sau chở vào kinh 500.000 quan, năm thứ hai 1.000.000 quan, năm thứ ba 1.500.000 quan, năm thứ tư 2.000.000 quan) và giao trả lại Kinh thành (Huế) để cho nhân dân vào ở.

Sau khi ra Bắc, lại có thư vào nói, nay trích chở 100.000 quan, còn như từ năm sau về sau, đợi tăng thêm ngạch thuế, sẽ nghĩ sau.

Nhượng giao các xứ đất ở Hà Nội, Hải Dương và Quảng Nam (mặt phố ở Hà Nội, Hải Phòng ở Hải Dương, Đà Nẵng ở Quảng Nam) đều do quan toàn quyền kinh lý mở việc buôn bán [146b].

Mùa đông, **tháng Mười**, Khâm sứ Hách-tô về nước, đến bộ từ. Vua nghĩ sứ thần lâu nay trú ở làm việc, có lòng giúp đỡ, chuẩn cho trích lấy bạc kho ra tặng hảo (các hạng ngà voi, đồ trà, xà cừ, gấm vóc, ngọc vàng...) và thiết tiệc tiễn đưa.

Quan Pháp đồn trú ở Quảng Bình đưa vua Hàm Nghi về cửa biển Thuận An, rồi đáp hỏa thuyền đi qua đất Anh-xa-nhi (Algérie) [gần địa giới Pháp] cư trú.

Nguyên trước Trương Quang Ngọc, Nguyễn Đình Tình ra đầu thú ở đồn Pháp, xin đưa vua Hàm Nghi về, quan Pháp mới cùng bọn kia đi đến xứ Thăng Cục (thuộc thượng du Tuyên Hóa). Lúc bấy giờ vua Hàm Nghi đương cùng vài người tùy tùng gói gươm

nằm ngủ, nghe tin quan Pháp đến, bất tỉnh linh vùng dậy chống cự, quan Pháp nắm lấy tay vua, Lê Hạp (con Lê Thuyết) tung gươm, một là muốn đâm quan Pháp, một là muốn giết chết vua, không để cho bị bắt sống, quan Pháp liền bắn chết Hạp ngay, rồi hộ xuất về tỉnh.

Triều đình nghe được tin, liền ban sắc xuống sai các tỉnh phái người mẫn cán hộ vua Hàm Nghi về kinh chiêm cận. Bộ Binh phái người đến địa đầu phủ Thừa Thiên tiếp đón và sửa sang tiếm để để tiện đưa vua về đó cư trú.

Liên tiếp quan Toàn quyền Lê-na đến Viện Cơ Mật thương thuyết, nói rằng được quan đồn đánh điện cho biết là “Xuất đế” (Hàm Nghi) tính không được thương, có ý muốn chống lại, nay nếu rước về tiếm để rất ngại, nên đem đi chỗ khác trú ở, đợi vài ba năm khi nào nước ta thiết yên lặng sẽ cho rước về. Viện Cơ Mật đem việc ấy tâu lên, vua Đồng Khánh mới chuẩn cho bọn quan Cơ Mật là Đoàn Văn Bình, Lê Trình và Tham tri Bộ Công Phạm Bình, ba người biết rõ trạng mạo của “Xuất đế” ra cửa Thuận thăm dò. Bọn đầy tớ trở về tâu rằng: hầu thấy dung nhan quả đúng 10 phần là đích xác, nhưng mặt mũi xanh xao, nghe nói mấy ngày gần đây bị cảm, lúc ngồi nói chuyện với quan Pháp, tính tình không thường. Còn như ngày nào đáp tàu đưa đi, quan Pháp tỏ ý rất là cẩn mật, không dám hỏi rõ.

Vua cho “Xuất đế” đã đưa về, [147a] xuống dụ bá cáo khắp cho trong ngoài biết.

Quan Toàn quyền Ba-tô tư xét Vũ Văn Báu (nguyên Tổng đốc Sơn Tây) là người thạo việc cần cù, xin lưu làm hậu bổ ở Nha Kinh Lược, Nguyễn Hữu Độ đem việc ấy tâu xin, Viện Cơ Mật đã trả lời y cho.

Tháng Mười Một, quan Toàn quyền Lê-na, thương cho biết là quận công Ưng Lịch (tức vua Hàm Nghi) đã đáp tàu qua Pháp để điều trị, chi phí đồng niên cũng tương đối nhiều, nước Pháp cấp cho cũng được, nhưng không khỏi bề ngoài bàn tán không tiện, nên do nước Nam chi cấp, mới là ổn thỏa. [Cấp đồng niên tiền tây 20.000 quan, tính thành bạc 4.981 đồng, cấp cho người theo hầu tiền tây 1.200 quan, tính thành bạc 299 đồng]. Đợi sau Bắc Kỳ có khoản thuế gì sẽ nghĩ. Viện Cơ Mật đem việc ấy tâu lên.

Vua cho Nam triều phạm việc gì đều là thành lệ, việc này giao cho Viện Cơ Mật thương thỏa.

Toàn quyền Lê-na thương rằng: Danh khí của triều đình là rất quý trọng. Hễ có bỏ bán thẳng trật, nên theo quy chế [147b] mà làm, để khỏi tràn lan. Các tỉnh Bắc Kỳ trước đây do Nha Kinh Lược với các quan toàn quyền tự quyết làm lấy. Các quan ở bộ phần nhiều y theo. Từ nay về sau, ở Bắc Kỳ chọn bổ quan viên, từ những việc tầm thường cứ đúng theo tư cách mà thăng chuyển thì không nói, còn ngoài các án quan ở tỉnh và các quan phủ, huyện, phải tư lên quan toàn quyền xét phúc, rồi sẽ phụng chiếu tâu về, chờ chuẩn y cho mới được làm, các bộ sổ quan cũng thế [148a].

Hòa ước mới định gồm 22 khoản đã thành. Bỏ sung thêm vào hòa ước ký ngày 27 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 27 (Giáp Tuất, 1874). Hòa ước nói rằng:

Nay Đại Hoàng đế nước Đại Nam và Đại Hoàng đế nước Đại Pháp, khẩn thiết xin kết làm bạn đồng minh bền vững, hòa hảo, mục hựu để cho hai nước giao thiệp với nhau lâu dài. Vì thế nên cùng nhau bàn định, lập hòa ước mới để thay thế cho bản hòa ước đã ký vào ngày 9 tháng 5 năm Tự Đức thứ 15 (Nhâm Tuất) tức là ngày 5 tháng 6 năm 1862. Nên đặc cách phái đoàn Toàn quyền đại thần để tiện làm việc.

Đại Hoàng đế nước Đại Nam đặc phái quan Hình Bộ Thượng thư khâm sung Định ước chánh sứ toàn quyền đại thần Lê Tuấn, Lễ Bộ Tả Tham tri khâm sung Định ước phó sứ toàn quyền đại thần Nguyễn Văn Tường.

Đại Hoàng đế nước Đại Pháp đặc phái quan Tổng thống Nam Kỳ thủy lục quân đại nguyên soái, ngự tứ đệ nhất đẳng thượng công đại bội tinh, tuyên giáo bội tinh, khâm sung Định ước toàn quyền đại thần Du-bi-lê (Dupré).

Hai bên đã đem chiếu sắc khâm sai Toàn quyền ra trình bày trao đổi, xem xét đều là đúng đắn thỏa đáng; liền đem những điều ước đã lập ra kê bày như sau:

Khoản 1: Từ nay về sau, nước Đại Nam và nước Đại Pháp, đời đời giao kết hòa hảo, hữu nghị đôn đốc.

Khoản 2: Đại Hoàng đế nước Pháp biết Hoàng đế nước Đại Nam vẫn nắm quyền tự chủ không phải phục tùng nước nào cả. Do đó mà Hoàng đế nước Đại Pháp tự hứa giúp đỡ. Lại giao ước hễ khi nước Đại Nam có giặc giã nổi lên, hoặc bị nước ngoài xâm nhiễu, mà Hoàng đế nước Đại Nam yêu cầu viện trợ thì Hoàng đế nước Đại Pháp liền tùy cơ viện trợ cho đến khi dẹp yên và cũng tự nguyện dẹp yên bọn giặc biển xâm phạm đến phần biển của nước Đại Nam, còn tổn phí đều do nước Đại Pháp chịu, không đòi trả lại.

Khoản 3: Đại Hoàng đế nước Đại Nam đáp lại mối tình hứa giúp đỡ, ước định, nếu có giao thông với các nước ngoài, thì phải được nước Đại Pháp đồng ý. Nếu về trước đã giao thông với nước ngoài nào, có sứ đi lại nay cứ như cũ không thể biến đổi, duy nước Đại Nam muốn giao thông buôn bán với nước ngoài nào, bàn định giao ước buôn bán đều cho tùy tiện, nhưng không được trái với hòa ước mà nước Đại Nam và nước Đại Pháp đã ký hiện nay và ngày nào ký thương ước với nước nào đó [148b] thì phải tin cho triều đình nước Đại Pháp biết trước.

Khoản 4: Đại Hoàng đế nước Đại Pháp ước định cho thêm Đại Hoàng đế nước Đại Nam các khoản cần dùng, mà không đòi trả, kê ra như sau:

Thuyền chiến bằng máy 5 chiếc (thân thuyền dài, rộng, lớn nhỏ, sẽ có biên bản chấp chiếu) sức mạnh của 5 chiếc thuyền ấy thông tính được 500 mã lực. Những máy

móc, ván gỗ và nổi dẫn nước của 5 thuyền ấy đều vững chắc thiết tốt. Các hạng vật liệu, súng đại bác, đồ tùy tùng theo với thuyền đầy đủ y như hạng chiến thuyền thường dùng của nước Đại Pháp. 100 khẩu đại bác đường kính của hạng súng rộng từ 7 phân đến 1 tấc 6 phân (đều dùng thước của nước Đại Pháp) mỗi khẩu đều có 200 phát đạn và thuốc, 1.000 khẩu súng điều thương, thuốc đạn và hột nổ 500.000 phát. Các hạng kê trên này phải đợi sau khi hồ giao hòa ước xong, hạn một năm, sẽ đệ đến tỉnh Gia Định giao nước Đại Nam nhận dùng.

Lại nếu như nước Đại Nam muốn mượn người nước Đại Pháp để huấn luyện quân thủy, quân bộ và các hạng thợ giỏi để giúp đỡ sửa chữa máy móc, thông thạo các lệ thuế để giúp thu thuế ở các cửa và các người am hiểu văn học, kỹ nghệ, mở trường dạy học, mua thêm thuyền chở súng đạn, để đủ dùng cho các khoản quân bị thì nước Đại Pháp sẽ giúp đỡ làm thay cho. Còn nữa, số tiền mượn các nhân công và giá tiền mua các thứ súng đạn, lâm thời hai nước sẽ họp lại bàn định cho thỏa đáng.

Khoản 5: Đại Hoàng đế nước Đại Nam biết rõ rằng địa hạt hiện nay do nước Đại Pháp quản trị là 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, đông giáp biển và địa đầu phía tây tỉnh Bình Thuận của nước Đại Nam, tây giáp biển, nam giáp biển, bắc giáp Cao Miên và địa đầu phía nam tỉnh Bình Thuận của nước Đại Nam, đều thuộc về quản hạt của nước Đại Pháp, thuộc độc quyền sở hữu của nước Đại Pháp. Duy nước Đại Nam có 14 sở mộ mã thân ngoại của hai họ Phạm và Hồ ở trong đó. Trong đó họ Phạm có 11 sở ở làng Tân Viên Đông và Tân Quan Đông thuộc tỉnh Gia Định. Họ Hồ có 3 sở ở làng Linh Chiểu Tây và xã Tân Mai thuộc tỉnh Biên Hòa. Các sở phần mộ đó nghiêm cấm các hạng người không được xâm phạm. Nước Đại Pháp lại xin trích 200 mẫu ruộng đất ở gần các phần mộ ấy (100 mẫu giao cho họ Hồ, 100 mẫu giao cho họ Phạm) giao cho hai họ Phạm, Hồ canh quản để làm phí tổn cho các phần mộ đó. Còn như thuế các ruộng đất đó và thuế binh đinh giao dịch của nhân đinh thuộc hai họ đó, nước Đại Pháp [149a] đều cho miễn hết.

Khoản 6: Chiếu theo hòa ước cũ của năm Nhâm Tuất, nước Đại Nam còn thiếu bạc bồi cho nước Đại Pháp 1.000.000 đồng (mỗi đồng nặng 7 đồng 2 phân) nay đều cho trừ hết không đòi nữa.

Khoản 7: Nguyên ước cũ năm Nhâm Tuất (1862), nước Đại Nam còn thiếu bạc bồi phí cho nước Y-pha-nho 1.000.000 đồng (mỗi đồng nặng 7 đồng 2 phân). Hoàng đế nước Đại Nam ước định nhờ triều đình nước Đại Pháp chuyển giao cho nước Y-pha-nho. Đợi khi nào nước Đại Nam thu thuế quan ở các cửa biển mở ra cho các nước Tây dương và các nước Tân thế giới buôn bán, mỗi năm thu được bao nhiêu, trừ các khoản chi phí trong năm rồi không kể, còn thừa được bao nhiêu chia làm 2 phần, lấy một phần bồi khoản bạc ấy. Mỗi năm bồi được bao nhiêu, giao quan nguyên soái Pháp đóng ở

Gia Định biên nhận, chuyển giao cho nước Y-pha-nho, lấy đủ giấy tờ biên lai của nước ấy, giao cho nước Đại Nam chấp chiếu, không kể năm nào, mấy năm, hễ bồi đủ là thôi.

Khoản 8: Người nước Đại Nam có giúp cho người Đại Pháp việc gì hoặc người nước Đại Pháp có giúp nước Đại Nam việc gì, tự trái với bản quốc mà can phạm đến quốc pháp, trước khi ký hòa ước này đã bị tịch thu gia sản. Nay Đại Hoàng đế nước Đại Pháp và Đại Hoàng đế nước Đại Nam đều khoan tha và trả lại gia sản cho hết, nếu gia sản ấy đã bị biến mất đi rồi mà không còn ở quan nữa thì thôi, không cần phải bồi hoàn nữa.

Khoản 9: Đại Hoàng đế nước Đại Nam biết rõ rằng đạo Thiên chúa vốn khuyên người ta làm điều lành. Nay đem tất cả những giấy tờ gì từ nay về trước cấm đạo Thiên chúa hủy bỏ đi hết, lại cho người nước Đại Nam ai muốn theo đạo Thiên chúa thì cứ tự do mà theo, và những người trong nước đã theo đạo Thiên chúa rồi, đều được tự do làm những việc như: Hội họp, đọc kinh, lễ bái nhiều ít bao nhiêu cũng được. Người ngoài không được vin lý do gì để ép những người theo đạo Thiên chúa phải làm việc gì trái với đạo Thiên chúa, và cũng không bắt dân giáo phải khai sổ sách riêng. Từ nay về sau dân giáo đều được đi thi, làm quan mà không bắt phải bỏ đạo. Hoàng đế nước Đại Nam định ước đem những sổ riêng từ xưa đến nay xóa bỏ hết. Tất cả những binh đao, thuế khóa mọi việc đều nhất luật như trăm họ, không phân biệt và cấm từ nay về sau phạm những ngôn ngữ từ trát, không được dùng những chữ gì mà có nhục đến đạo Thiên chúa. Và ở trong “thập điều” nếu có những chữ gì, [149b] câu gì tương tự như thế cũng phải cải chính hết. Những giám mục, linh mục của nước Đại Pháp cư trú ở trong nước Đại Nam để giảng đạo, hễ người nào đã trình giấy thông hành do quan nguyên soái Pháp ở Gia Định cấp phát, có đủ Bộ Lễ nước Đại Nam hoặc quan tỉnh phê ký hai chữ “đã trình” rồi, đều được vào nước Đại Nam và tùy tiện đi lại tự do giảng dạy ở trong địa hạt thuộc giám mục linh mục ấy quản cố, không được sai người quản thúc riêng, còn khi nào ra đi nơi khác, không được bắt các xã thôn sở tại khai báo như trước. Các giám mục linh mục người nước Đại Nam cũng được giảng kinh, hành đạo như các quan giám mục, linh mục người nước Đại Pháp. Nếu các linh mục người nước Đại Nam có phạm một tội trạng xuy⁽¹⁾ nào thì chiếu lệ cho nạp tiền chuộc chớ không cần phải thi hành tội trạng xuy thật. Các giám mục, linh mục người nước Đại Pháp và các giám mục, linh mục người nước Đại Nam đều được thuê mua đất ruộng, cất dựng đạo đường, đạo quán, nhà dục anh, nhà dưỡng bệnh và các nhà hành giáo. Những dân giáo trước đây bị giam, bị tháp, gia sản đã bị tịch thu rồi, nay nếu còn ở quan thì đều phải trả ngay lại cho dân giáo ấy nhận lấy, nếu đã biến mất đi rồi, không còn ở quan nữa thì thôi.

⁽¹⁾ Xuy: hình phạt đánh bằng roi, một trong năm hình phạt (ngũ hình) thời Nguyễn: Xuy, Trượng, Đò, Lưu, Tử. BT.

Các khoản nói trên đây, những giám mục, linh mục người nước Y-pha-nho cũng đều được mang ơn một thể như thế cả. Hòa ước này, sau khi đã được hồ giao rồi, phải có một sắc dụ ban xuống, bá cáo khắp trong nước, cho dân xã đều biết rằng Đại Hoàng đế nước Đại Nam đã mở rộng ân trạch, chuẩn cho dân giáo được tự do theo đạo như thế.

Khoản 10: Nước Đại Nam có mở các trường học ở thành Gia Định, để dạy bảo học trò, thì nay có quan Bộ Lại của nước Đại Pháp ở Gia Định quản cố, ở trong những trường học ấy không được dạy bảo sự gì trái với phong hóa, phạm đến tội quyền của nước Đại Pháp. Nếu có xây dựng miếu điện thờ cúng khoản gì đều cho tùy tiện. Nếu các thầy giáo ở các trường đó có làm trái khoản nào thì sẽ trả về cho nước Đại Nam, hoặc có làm phạm khoản nào nặng hơn thì trường đó sẽ bị đóng cửa.

Khoản 11: Cửa biển Thi Nai ở tỉnh Bình Định, cửa biển Ninh Hải ở tỉnh Hải Dương của nước Đại Nam và một dải đi ngược lên sông Hồng Hà, suốt đến biên giới tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh và ở phố Hà Nội, thì triều đình nước Đại Nam nên mở ra cho người các nước Tây dương, các nước Tân thế giới thông [150a] thương, sẽ có thương ước riêng, đính vào hiệp ước này. Còn các điều khoản thương ước mới cũng sẽ chiếu theo hiệp ước này mà tuân tuân một thể. Trong đó cửa biển Ninh Hải với phố Hà Nội cùng ngược theo dòng sông Hồng Hà suốt đến biên giới tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh, thì nên đợi ngày hiệp ước này đã được hồ giao, hoặc là trước ngày hồ giao, nên lấy ngày nào khai thương làm tiện. Lâm thời sẽ do hai nước bàn định. Duy cửa biển Thi Nai ở tỉnh Bình Định, nên đợi sau hồ giao một năm, sẽ khai trương. Còn như các cửa sông khác, đợi sau buôn bán, nếu có phần thịnh, lợi ích, nếu khai trương mà có lợi thì sẽ do nước Đại Nam nghĩ làm.

Khoản 12: Những người nước Đại Pháp, các nước thuộc địa, các nước phương Tây và các nước Tân thế giới, hễ người nào biết tuân theo luật lệ nước Đại Nam đều được định ước mở hàng buôn bán ở các cửa biển, mua đất dựng nhà, tùy ý buôn bán ở trong đất nước Đại Nam, và đặt làm máy kỹ nghệ, nhưng phải tuân theo sự chỉ định xứ sở của quan nước Đại Nam, không được hỗn tạp. Những đất ở trong đó, hoặc công hoặc tư, phải chiếu giá thuận mại, và những nhà ở nên nạp thuế bao nhiêu thì chiếu theo lệ định nạp cho quan nước Đại Nam. Các người buôn bán được đi lại buôn bán, từ cửa biển Ninh Hải ngược sông Hồng Hà suốt đến tỉnh Vân Nam. Phải nạp lệ thuế hàng hóa chở trong thuyền là bao nhiêu cũng phải chiếu lệ nạp cho quan nước Đại Nam.

Còn như từ cửa biển Ninh Hải do sông Hồng Hà đến Hà Nội, lại từ Hà Nội dọc theo đất liền ở các bờ sông, suốt đến tỉnh Vân Nam, người Tây đều không được buôn bán, những người các nước đã nói ở trên đây, đều được tùy tiện thuê người nước Đại Nam giúp các công việc, tài phúc thông ngôn, thư ký, thợ thuyền, phu chèo thuyền, công việc trong nhà, làm công...

Khoản 13: Nước Đại Pháp muốn xét đặt một viên lãnh sự hoặc một viên chuyên ở các cửa biển đã khai thương của nước Đại Nam, mỗi sở đều có binh lính vừa đủ sai phái, nhưng không được quá số 100 tên, để tiện tự vệ và tuần phòng canh giữ khỏi người nước khác sinh việc dấy ngày nào yên ổn, không có việc gì đáng ngại nữa thì quan lãnh sự ở lại làm việc, còn binh lính rút về hết.

Khoản 14: Người nước Đại Nam cũng được đi lại buôn bán ở đất đai nước Pháp và các nước thuộc địa và các khoản mua đất làm nhà, nhưng phải tuân theo luật lệ của nước Đại Pháp. Nếu Đại Hoàng đế nước Đại Nam muốn [150b] đặt lãnh sự ở các cửa, các phố ở nước Đại Pháp và các thuộc địa để tiện chiếu quản người bản quốc thì cũng đều được tùy tiện.

Khoản 15: Những người buôn của nước Đại Pháp, với các nước thuộc địa và các nước khác, muốn đến buôn bán cư trú ở trong các cửa biển thuộc đất nước Đại Nam, thì phải kê khai sổ sách, trình nạp cho quan Pháp, quan nước Đại Pháp lại chuyển trình qua quan nước Đại Nam biết làm, nếu nhân dân nước Đại Nam muốn qua nước Đại Pháp và các nước thuộc địa để cư trú buôn bán, thì cũng phải chiếu theo thể lệ mà làm nhất luật như thế. Nếu người buôn của nước Đại Pháp và các nước khác muốn qua lại làm việc gì ở xứ khác trong nước Đại Nam, thì phải có giấy thông hành do quan của nước Đại Pháp cấp phát và có chữ của quan nước Đại Nam phê ký hai chữ “Đã trình” mới được thông hành. Nhưng cấm không được mua các hạng vật gì ở dọc đường. Nếu trái cấm, thì những hàng hóa đó sẽ bị quan sở tại của nước Đại Nam tịch thu hết. Nhưng hiện nay nhân dân trong nước Đại Nam còn chấp nệ “bỉ thử” chưa yên ổn, nên người nước ngoài chưa tiện đi lại, nên đợi ngày nào các quan nước Nam, cùng với quan khâm sứ nước Đại Pháp xem xét hiện tình quả đã yên lặng thì mới cấp giấy cho đi. Với nếu người nước Đại Pháp muốn qua tìm học báu vật ở một xứ nào của nước Đại Nam, cũng phải chiếu bệ cho các quan Đại Nam biết rằng người đó hễ có trí cầu học, ắt phải hết lòng giúp đỡ, bảo hộ, và cấp phát cho giấy tờ đầy đủ và giúp cho mọi việc để người đó được đi lại thông hành cầu học cho thuận tiện.

Khoản 16: Người nước Đại Pháp kiện nhau, hoặc người nước Đại Pháp kiện nhau với người nước khác đều do quan lãnh sự nước Đại Pháp phân xử. Người nước Đại Pháp và người nước khác kiện nhau với người nước Đại Nam, hoặc xin phân xử một việc gì, trước hết đều do quan lãnh sự nước Đại Pháp hết sức lấy lẽ công bình phân xử cho thỏa. Nếu có khoản gì trở ngại một mình quan nước Đại Pháp khó bề xử đoán, thì tự xin quan nước Đại Nam hội đồng xử đoán. Quan hai nước xét xử đã được công bình thì hai bên đều phải tuân theo. Người nước Đại Nam và người nước Đại Pháp kiện nhau với người nước khác, trước hết phải do quan nước Đại Nam hết sức lấy lẽ công bình xét xử cốt làm sao cho thỏa thuận, nếu có khoản gì trở ngại một mình quan nước Đại Nam khó bề xét xử, thì tự mời quan nước Đại Pháp đến hội đồng xét xử, khi quan hai nước xử

đoán đã được công bình rồi thì hai bên đều phải tuân theo. Nếu người Đại Pháp [151a] kiện nhau, hoặc kiện với người nước khác, thì chuyển cho quan nước Đại Pháp xử đoán.

Khoản 17: Người nước Đại Pháp và người nước khác đến ở trong địa hạt nước Đại Nam mà phạm tội thì đều giao về cho các quan tòa ở Gia Định xét xử. Nếu những người đó trốn tránh vào ở địa phận nước Đại Nam mà tư cho quan nước Đại Nam lũng bắt, thì quan nước Đại Nam nên hết lòng tìm bắt giải giao cho quan nước Đại Pháp nhận xét. Nếu người nước Đại Nam sang ở bên địa phận nước Đại Pháp mà phạm tội, thì quan nước Đại Pháp chiếu theo luật lệ nước mình mà xét xử, nhưng phải tư cho quan hình sự nước Đại Nam biết, y lệ tra xét.

Khoản 18: Nếu có bọn gian ác ở địa phận nước Pháp phạm tội làm loạn, trộm cướp, rồi trốn đến địa phận nước Đại Nam, quan nước Đại Pháp đã tư nhờ quan nước Đại Nam lũng bắt, thì các quan nước Đại Nam phải hết sức lũng bắt cho kỳ được, rồi giải giao cho quan nước Đại Pháp xét xử. Nếu có bọn gian ác ở địa hạt nước Đại Nam phạm tội làm loạn, trộm cướp, rồi trốn qua ẩn núp ở địa hạt nước Đại Pháp, quan nước Đại Nam đã tư nhờ quan nước Đại Pháp tìm bắt, thì quan nước Đại Pháp phải hết sức tìm bắt cho kỳ được, giải giao quan nước Đại Nam xét xử.

Khoản 19: Nếu có người nước Đại Pháp hoặc người nước khác chết trên địa hạt nước Đại Nam và nếu người nước Đại Nam chết trên địa hạt nước Đại Pháp, thì gia sản của những người chết đó được giao cho con cháu, người thừa kế của người ấy quản nhận, nếu hiện tại không có người đáng được ăn gia sản đó thì gia sản của người chết đó được giao cho quan bản quốc để quan bản quốc chuyển giao cho người thân thuộc của người chết ấy ở nước mình nhận lấy.

Khoản 20: Từ nay, các quan đại thần hai nước đã ký áp vào hiệp ước rồi, đợi đầy một năm sau, Đại Hoàng đế nước Đại Pháp sẽ đặc phái một viên quan khâm sứ hạng hai, đến trú ngụ ở kinh đô nước Đại Nam để tiện tuân giữ và thi hành, các khoản đã định trong hiệp ước. Các công việc của viên khâm sứ ấy phải làm là để cho tình hữu nghị của hai nước thường được hòa hảo tốt đẹp. Nếu Đại Hoàng đế nước Đại Nam muốn đặt một viên khâm sứ đến trú ngụ tại kinh đô nước Đại Pháp, thì cũng phải chiếu theo nhất luật như thế mà làm. Duy nghị chế phẩm trật của quan khâm sứ ấy [151b] như thế nào, sẽ đợi hai nước bàn định cho được thỏa đáng. Còn như lương bổng của các quan khâm sứ ấy và các hạng chi phí đều do bản quốc chiếu cấp.

Khoản 21: Hiệp ước mới này đem thay thế cho hiệp ước cũ năm Nhâm Tuất. Nước Đại Pháp lại muốn nói với nước Đại Y-pha-nho cũng tuân giữ hiệp ước mới này mà bỏ hiệp ước cũ. Nếu như nước Y-pha-nho không chịu thay đổi các khoản trong hiệp ước cũ thì nước Đại Pháp và nước Đại Nam đều cứ giữ hiệp ước mới này. Còn những khoản trong hiệp ước cũ, hễ thuộc nước Y-pha-nho với nước Đại Nam ấn định ra, đều để như

cũ. Duy nước Đại Nam còn thiếu nước Y-pha-nho một khoản bạc bồi phí thì nước Đại Pháp tự nhận bồi thế. Nước Đại Nam lại chiếu theo khoản 7 trong hiệp ước mới trả lại dần dần đủ số bạc nợ đó cho nước Đại Pháp.

Khoản 22: *Nay hiệp ước mới đã định xong, hai nước cùng nhau giữ chung hiệp ước này, đời đời không trái, đợi đầy một năm hoặc chưa đến một năm, đợi Đại Hoàng đế hai nước phê chuẩn liền đem đến hồ giao tôn chiếu tại Kinh thành nước Đại Nam, xong việc rồi lại đem hiệp ước này tuyên bố khắp trong nước, để mọi người đều biết.*

Hiệp ước này làm thành bốn bản, quan toàn quyền hai nước, đối chiếu phù hợp đóng ấn ký tên.

Hiệp ước này định xong, ký kết tại phủ Nguyên soái thành Gia Định ngày 27 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 27, tức là ngày 15 tháng 3 năm 1874 [152a].

TỤC ĐỊNH HÒA ƯỚC

[Phàm 29 điều khoản]⁽¹⁾

Hòa ước nói rằng: Nay Đại Hoàng đế nước Đại Nam và Đại Hoàng đế nước Đại Pháp vì muốn củng cố sự giao kết đồng minh của hai nước và muốn sự thông thương được tiện dễ, để mở rộng đường giàu thịnh của hai nước; vì vậy Đại Hoàng đế nước Đại Nam đặc phái quan Hình Bộ Thượng thư Kỳ Vĩ bá, Chánh sứ Nguyễn Văn Tường, quan Lại Bộ Tả Thị lang, Phó sứ Nguyễn Tăng Doãn đều sung chức Khâm sứ giảng định thương ước; Toàn quyền đại thần Đại Hoàng đế nước Đại Pháp đặc phái quan Khâm sai Tổng thống Nam Kỳ thủy lục quân dân, kiêm thống Đại Thanh, Nhật Bản lưỡng quốc ngoại dương chư binh thuyền Đại Nguyên soái Ca-răng-du-ly Pha-lang-sa Ê-my-ly,⁽²⁾ khâm thường đại hạng Công kim bội tinh, làm chức Khâm sai giảng định thương ước toàn quyền đại thần. Hai bên đều đưa sắc chiếu được phong làm Toàn quyền của mình ra công khai so sánh kiểm điểm thăm tra đều là đúng đắn. Liền cùng nhau bàn lập điều khoản hòa ước, kê rõ như sau:

Khoản 1: Chiếu theo khoản 11 trong hiệp ước mới năm nay (ngày 27 tháng Giêng lịch Nam, 15 tháng 3 lịch Tây) có phân biệt nghị định Đại Hoàng đế nước Đại Nam chuẩn cho mở các cửa biển như cửa Hải Ninh tỉnh Hải Dương, ngược dòng Sông Nhị suốt đến địa giới tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh, phố Hà Nội và cửa Thi Nại, thuộc tỉnh Bình Định, cho thuyền buôn các nước ngoài không kể nước nào, hiệu cờ gì đều được qua lại buôn bán ở các cửa ấy.

Khoản 2: Phàm ở những cửa biển được chuẩn cho khai thương, đã nói trong hòa ước này, phải nên chiếu theo giá trị của các hàng hóa chở ra vào, cứ 100 phần rút ra 5 phần nạp thuế quan, xong rồi mới được tự do thông thương, mua bán. Duy muối trắng phải chiếu giá 100 phần thu thuế 10 phần. Còn như các hạng súng ống thuốc đạn và mọi thứ quân giới khác đều không được buôn bán, không được chở ra, chở vào. Lại như buôn bán nha phiến, thuốc lá phải chiếu theo lệ định riêng của nước Đại Nam, còn như người buôn gạo thường được tùy tiện chuyên chở ra, vào các cửa, các phố phải nạp thuế 5 phần 100 (5/100). Còn như chở ra ngoài cửa biển thì phải có giấy “Tạm chuẩn” phân minh của triều đình nước Đại Nam, tư cho quan khâm sứ nước Đại Pháp trú ở kinh biết đã rồi

⁽¹⁾ Tức Hiệp ước Thương mại (Traité de Commerce), ký ngày 31/8/1874. Ngoài 29 điều của bản Hiệp ước chính, còn có một “Điều khoản bổ sung” ký cùng ngày 31/8, và một Quy ước phụ, ký ngày 23/11/1874. BT.

⁽²⁾ Tức Jules François Émile Krantz. BT.

mới được chở. Thuế gạo chở ra, phải nạp 10%. Lại như chuyên chở [152b] tơ sống và gỗ lim thường được vào cửa. Nếu chở ra cửa thì phải nạp thuế sản vật cho các xã thôn sở tại xong xuôi, lại phải đợi triều đình nước Đại Nam “hòa mại” các hạng ấy đủ dùng xong đã rồi mới được chở ra. Còn thuế thì phải nạp 5%. Hai hạng này, lâm thời triều đình nước Đại Nam có cho chở ra hoặc không cho chở ra đều phải tư cho quan khâm sứ nước Đại Pháp trú ở kinh biết trước một tháng. Tựu trung các hạng cấm, trừ các hạng khí giới, súng ống thuốc đạn, những đồ quân dụng, không có phép của triều đình nước Đại Nam cho chuyên chở thì không được chở. Triều đình nước Đại Nam đặt ra và quy định lệ này để phòng có những kẻ liều lĩnh gian trá chở các hàng cấm từ ngoài vào. Còn các hạng có lệ cấm khác đều cho chở từ nước ngoài đi qua Vân Nam và chở từ Vân Nam đi qua ra ngoài biển, mỗi khi chở qua địa hạt nước Đại Nam chỉ chiếu lệ nạp thuế quan một lần mà thôi. Phàm những hàng hóa chở vào cửa biển, đã chiếu lệ nạp thuế quan một lần rồi, sau từ tỉnh này chở qua tỉnh khác hoặc từ phố này chở qua phố khác để buôn bán đều không phải chịu thêm một thứ thuế gì riêng nữa. Lại muốn tránh cho hai nước khỏi sinh dị nghị vì vậy phải nhất định như thế.

Phàm các hàng hóa do thuyền buôn nước Đại Thanh chở vào, chở ra những hạng cấm và thuế quan đều phải chiếu theo y như các hiệu thuyền phương Tây và Tân thế giới (tức là trong hòa ước bảo là cờ các nước ngoài đấy), chở các hàng hóa vào, ra mà nạp thuế nhất luật. Duy các thuyền buôn của nước Đại Thanh và nước Đại Nam phải nộp thuế bao nhiêu, đều do quan thu thuế của nước Đại Nam thu riêng, trừ riêng, nếu muốn chi tiêu việc gì chỉ quan Đại Nam liệu riêng mà thôi. Còn như các hạng cấm thì thuyền buôn của nước Đại Nam cũng y như của các nước khác.

Khoản 3: Phàm thuyền buôn vào cửa ra cửa, hai lần đều có chở hàng hóa cả thì cứ theo trọng tải, mỗi tấn nạp tiền thuế vọng đăng, và thuế bỏ neo, ba đồng cân bạc, nếu thuyền nào khi vào không có hàng hóa, mà khi ra có chở hàng hóa, hoặc là lúc vào có hàng hóa mà lúc ra lại không có hàng hóa thì cứ theo trọng tải mỗi tấn nạp bạc thuế 1 đồng 5 phân bạc. Nếu lúc ra lúc vào đều không có hàng thì miễn thuế. Lại như sức trọng tải của thuyền có 20 phần mà trong thuyền [153a] chở không được một phần, giá trị mỗi tấn lại không được 5 quan tiền thì cũng xem như thuyền vào ra không chở hàng hóa, đều được miễn thuế hết.

Khoản 4: Phàm những hàng hóa từ tỉnh Gia Định chở đến buôn bán ở các cửa biển của nước Đại Nam hiện đã được chuẩn cho khai thương, hoặc muốn từ sông Nhị Hà chở thẳng đến địa giới tỉnh Vân Nam. Lại từ địa giới tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh hoặc chở thẳng từ trên Vân Nam đến Vân Nam rồi chở thẳng đến các cửa khẩu của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương để chở đi nơi khác hoặc chở đến tỉnh Gia Định thì những hàng hóa ấy nên chiếu theo các hàng hóa từ xứ khác chở đến các cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương rồi lại chở đi nơi khác, chỉ đánh một nửa

lệ thuế đã định mà thôi. Lại muốn ngăn ngừa các tệ dối trá, mà cần phải có bằng có chính xác, vì vậy phàm những thuyền từ tỉnh Gia Định chở qua, tất phải có giấy “bằng biên”, đủ chữ ký ấn tín của quan tãn thủ nước Đại Pháp và quan lãnh sự của nước Đại Nam ở tỉnh Gia Định cấp cho, mới được chước giảm. Hễ những thuyền nào từ biên giới tỉnh Vân Nam, hoặc từ cửa biển nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương mà chở đến tỉnh Gia Định thì Ty Thuế quan có thể tùy tiện bắt phải có người đứng ra bảo lãnh nửa phần thuế được giảm, như các khoản đã nói ở trên. Nếu không có người bảo lãnh hoặc có người bảo lãnh mà không đủ giấy tờ bằng chứng thì phải bắt nạp luôn cả số tiền thuế một nửa được chước giảm đã, chờ khi nào có đủ giấy tờ, bằng chứng đích xác sẽ trả lại cho.

Khoản 5: Những người do đường bộ đi lại buôn bán ở hai tỉnh Bình Thuận và Biên Hòa từ trước đến nay có trưng thu lệ thuế hạng gì hay không, nay cứ để thu như cũ không thêm bớt thay đổi gì cả. Đợi sau khi hồ giao thương ước này, hạn trong một năm, sẽ nghĩ định điều lệ do đường bộ buôn bán, phụ theo hiệp ước này. Thế nhưng có hạng mua ngựa ở địa hạt nước Đại Nam đem đến bán ở tỉnh Biên Hòa, thì phải chiếu thu theo lệ thuế hiện hành, không nên thu nặng hơn.

Khoản 6: Muốn cho việc thu thuế quan được gọn gàng và khỏi xảy ra việc trở ngại giữa khách buôn với các nước ngoài, với các quan của nước Đại Nam, vì vậy triều đình nước Đại Pháp vì triều đình nước Đại Nam xét chọn quan viên người nước Đại Pháp, nhưng tùy theo sự chỉ thị của các quan Bộ Hộ của nước Đại Nam để đủ theo giúp trong các công việc quan thuế. [153b] Triều đình nước Đại Pháp cũng vì triều đình nước Đại Nam đặt cách tuần phòng ngoài biển, làm sao cho được nghiêm mật, để bảo vệ dân buôn.

Hễ trước khi chưa bồi xong món bạc quân phí của nước Y-pha-nho, thì không nên thuê người phương Tây nào khác người nước Đại Pháp, mà quan khâm sứ hoặc quan lãnh sự không đồng ý, để giúp vào việc thu thuế quan. Đợi khi nào bồi xong số bạc còn thiếu của nước Y-pha-nho và người nước Đại Nam đã quen thuộc các công việc thu thuế quan rồi, không cần phải có người nước Đại Pháp giúp việc nữa, lúc đó hai nước sẽ hội họp bàn định, nên tùy nghi sửa đổi như thế nào.

Khoản 7: Phàm những người nước ngoài thông thương ở các cửa biển đã được chuẩn cho khai thương, thì Ty Thuế quan đều do một viên quan của triều đình nước Đại Nam trú ở cửa biển Hải Ninh quản lý, lại có một viên quan người nước Đại Pháp giúp việc cho nước Đại Nam ở Ty Tây thương quan thuế sự vụ cũng trú ở cửa biển ấy. Phàm những luật lệ thuế buôn ở các quan tân (bến cảng), đều do hai viên quan ấy công đồng thỏa biện. Những người Tây làm việc ở các quan tân, đều do viên quan người Đại Pháp ấy thống nhiếp.⁽¹⁾ Viên quan này cũng có thể thường thường viết thư cho lãnh sự và quan khâm sứ nước Đại Pháp để báo cáo các công việc thông thương quan thuế. Hai viên quan

⁽¹⁾ Thống nhiếp: Kiêm thêm quyền cai quản, điều hành.

lý và thống nhiếp khi đến mùa thuế, nếu có khoản gì cần trả cho quan Bộ Hộ nước Đại Nam thăm thị, thì đều phải hội hàm mà tư làm. Trong đó nếu có khoản nào mà hai viên quan không đồng ý thì cứ đem ý kiến của mình tư lên quan Bộ Hộ xét đoán.

Khoản 8: Phàm những người của nước Đại Pháp theo giúp việc cho nước Đại Nam, nên được phẩm trật bổng lộc như thế nào và cùng với quan nước Đại Nam đi lại lễ tết, nên ở vào thứ bậc nào, sẽ chờ hai nước hội đồng bàn định.

Khoản 9: Phàm những sổ sách biên thu lệ thuế phải làm hai bản, một bản để ở trong Tây thương quan thuế, một bản để ở Ty Thương [Thường do triều đình nước Đại Nam lập ra để thu các hạng thuế quan]. Còn đơn nạp thuế, các giấy bằng biên hoặc chi xuất tiền ở trong kho ấy ra, để đăng trừ vào kho khác, cũng cần phải có chữ phê ký đóng ấn của quan nước Đại Nam và quan nước Đại Pháp. Mỗi khi đến nguyệt để, đều đem sổ thuế ra hội đồng chiếu tính.

Khoản 10: Phàm các khoản tiền chi phí trong năm, nên lấy trong sổ tiền thuế vọng đăng và bỏ neo mà chi dùng, nếu [154a] hạng thuế ấy không đủ thì phải cho lấy ở thuế quan, nhưng không được tiêu quá nửa phần. Phàm những việc nên chi tiêu: Một là để cấp phát lương bổng cho những người Tây giúp việc thuế quan cho nước Đại Nam, những người nước Đại Nam, những người khác giúp việc thuế, với quan viên người các nước khác ở phương Tây chẳng hạn. Hai là để xây dựng các sở nha môn, sảnh, thự cho Ty Thuế quan. Ba là để tu bổ các thứ như: đèn pha, đèn thuyền, cầu phao... Bốn là để đào sông dẫn nước, với tất cả những việc có ích lợi cho đường buôn bán.

Khoản 11: Phàm những lệ thuế đã do hiệp ước này định ra, nên phải tuân giữ, kể từ sau ngày hồ giao đủ hạn 10 năm. Trong thời hạn ấy nếu có khoản nào cần phải cải chính thì từ ngày một trong hai nước đề xướng ra về sau, đủ hạn một năm, đã trải qua hai nước hội đồng bàn định mới được sửa đổi.

Khoản 12: Phàm những người buôn bán của các nước, với các quan viên ở Ty Thuế quan, nếu có vì việc thể lệ thuế quan, mà bất bình sinh kiện, thì do quan sở tại của nước Đại Nam với quan lãnh sự của nước Đại Pháp, hội đồng xét xử.

Khoản 13: Phàm những thuyền của nước Đại Pháp và thuyền của các nước khác đến cửa biển đã được chuẩn cho khai thương của nước Đại Nam, đều được thuê người dẫn thủy đưa đường vào cửa. Hôm nào những thuyền ấy đã theo thể lệ nạp thuế xong rồi mà muốn ra cửa thì cũng được thuê người dẫn thủy dẫn ra, không có gì ngăn trở làm chậm trễ cả. Người nào muốn làm nghề dẫn thủy thì cần phải có ba người chủ thuyền biên bằng nhận thực là người ấy quả là có thể làm được, thì quan lãnh sự nước Đại Pháp và quan tấn thủ nước Đại Nam mới cấp bằng cho làm dẫn thủy. Còn giá tiền công làm dẫn thủy thì do quan tấn thủ, quan lãnh sự và quan phó lãnh sự chiếu theo cửa biển gần xa, khó dễ mà xét định.

Khoản 14: Hễ người dẫn thủy đưa thuyền buôn các nước ngoài vào cửa xong rồi, thì quan ở Ty Thuế quan liền phái một hai người canh giữ, để phòng chủ thuyền ấy âm thầm làm những việc trái với điều lệ thuế quan. Những người canh gác ấy được tùy tiện hoặc ở trong thuyền mình hoặc ở trong thuyền buôn, còn số tiền lương bổng tiêu phí ăn uống hàng ngày sẽ do quan thuế quan chi cấp, không được theo chủ thuyền, chủ hàng hóa mà đòi hỏi. Nếu ai làm sai trái thì sẽ chiếu theo số tiền sách nhiễu đó nhiều ít mà trị tội và truy đòi lấy lại số tiền đó để trả lại cho chủ buôn.

Khoản 15: Phàm những người thuyền buôn nước ngoài chở đến các cửa biển hiện được chuẩn cho khai thương của nước Đại Nam, [154a] hạn một ngày đêm (trừ có duyên cớ gì trở ngại không kể) thì người chủ thuyền, chủ hàng hóa, hoặc người đại diện phải đem ngay bài thuyền, đơn kê hàng hóa, tên người trình với cơ quan lãnh sự nước Đại Pháp, lại hạn trong một ngày một đêm quan hình sự phải đem đủ tên thuyền, tên người và sức trọng tải và các sắc hàng hóa là bao nhiêu kê khai rõ ràng chuyển báo cho quan ở Ty Thuế quan biết. Nếu vì chủ thuyền ấy lười biếng xem thường, mà để đến sau khi vào cửa đã quá hai ngày đêm rồi, mà không làm theo lệ định, thì hễ cứ quá một ngày đêm là phạt bạc 50 đồng, nhưng số bạc phạt không quá 200 đồng. Số bạc phạt ấy sẽ nạp vào kho thuế quan. Còn các quan ở Ty Thuế quan, hễ đã tiếp được tờ tư của quan hình sự rồi thì phải cấp ngay bằng biên cho chủ thuyền, mở thuyền dỡ hàng hóa. Nếu chủ thuyền chưa nhận được bằng biên, mà đã vội vàng mở thuyền dỡ hàng hóa lên thì có thể phạt bạc đến 500 đồng và những hàng hóa đã dỡ ra khỏi thuyền đều có thể tịch thu bỏ vào kho thuế quan.

Lại những thuyền buôn vượt biển, nếu có mang theo súng ống thuốc đạn để tự vệ, mà đã biên rõ vào trong bài thuyền, thì lúc đầu mới đến đồn cửa biển, kê khai các hàng hóa cũng phải kê khai vào đó luôn một thể. Nếu quan nước Đại Nam cho những thứ khí giới ấy để lại dưới thuyền không tiện, thì chủ thuyền phải đem những thứ khí giới ấy lên bộ, do quan tân thủ đồn địa đầu canh giữ, và phải ký nạp cho quan lãnh sự nước Đại Pháp. Đợi ngày nào thuyền ấy ra cửa hoặc chở về tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh, thì sẽ trả lại. Lại như từ cửa biển Ninh Hải chuyển qua tỉnh Vân Nam, lâm thời phải mang theo súng ống thuốc đạn để tự vệ, thì sẽ do quan quản lý của nước Đại Nam và quan lãnh sự của nước Đại Pháp hội đồng xét định. Nếu ai làm sai trái thì các thứ khí giới thuốc đạn ấy sẽ bị tịch thu vào kho của quan nước Đại Nam, lại có thể phạt bạc đến 500 đồng. Lại nếu thuyền nào của người phương Tây, hoặc người các nước Tân thế giới chở trộm khí giới thuốc đạn, dỡ đem lên để địa phận nước Đại Nam, cũng sẽ bị tịch thu vào kho của quan nước Đại Nam, lại có thể bị phạt đến 500 đồng.

Khoản 16: Nếu thương nhân người nước ngoài tùy ý thuê [155a] thuyền nhỏ của những chủ thuyền nhỏ đậu quanh đây chở thuê hàng hóa các loại của thương nhân bằng thuyền nhỏ vào bờ. Trường hợp các thuyền nhỏ này làm tổn thất hàng hóa của thương

nhân, quan quản lý nước Đại Nam bắt tất (không cần phải) chiếu cố. Nếu có tín bằng chứng minh thuyền nhỏ đó làm tổn thất tài vật của thương nhân thì quan nước Đại Nam cũng không bảo hiểm.

Khoản 17: Phàm những người buôn nước ngoài khi vào cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương, mỗi lần muốn dỡ hàng xuống, trước tiên phải liệt kê rõ ràng các loại hàng hóa mang trình với quan lãnh sự thuế quan xét chiếu, tính thuế, nhận bằng biên dỡ hàng, sau đó mới được cho dỡ hàng hóa xuống bến bãi. Nhưng trong khoảng thời gian thỏa đáng để hàng hóa không bị hư hỏng [155b] vì phải mất thời gian đợi nạp thuế. Thương nhân không phải đối ép, có thể ủy quyền cho người thay thế lo liệu.

Khoản 18: Phàm các thuyền buôn đã ghé vào các cửa biển hiện được chuẩn cho khai thương mà chưa nhận bằng biên dỡ hàng xuống, như khoản trên đã nói, đương ở trong hạn hai ngày đêm mà lại chờ đi cửa biển khác, thì thuế hàng hóa, thuế cập bến, cửa biển này không cần phải thu, đợi đến cửa biển khác hàng sẽ chiếu lệ thu nạp.

Khoản 19: Phàm chủ thuyền hoặc người buôn đã dỡ hàng xuống xong, chiếu theo lệ thuế đều xét hàng hóa đã khám nghiệm cho dỡ xuống theo thứ nạp thuế. Những hàng hóa bỏ xuống thuyền đưa xuất khẩu, cũng chiếu lệ ấy mà làm. Các hạng thuế thuyền, thuế hàng hóa đã nạp xong xuôi, thì quan thuế quan nên cấp cho giấy bằng biên toàn thu, đệ trình quan lãnh sự xét nghiệm rõ, rồi liền đem những bài thuyền đã nạp trước, và các giấy bằng biên đã trả lại chuẩn cho xuất khẩu. Tuy nhiên nếu chủ thuyền và Ty Thuế quan hợp ý mà muốn cho việc buôn bán được thuận tiện thì cũng có thể tùy tiện xét trong hóa đơn bài thuyền mà thu thuế, không cần phải đợi dỡ hàng lên, khám nghiệm đã rồi mới thu thuế.

Khoản 20: Phàm thuyền buôn vào cửa chiếu theo khoản thứ 18, chuẩn định đã quá hạn hai ngày đêm, và trước khi chưa dỡ hàng xuống, đã nạp đủ thuế vọng đăng, dùng neo, trọng tải thuyền, y như khoản thứ 3 đã định, không được cải sinh ra mới gì khác, để yêu sách phí tổn. Còn khi nạp thuế quan thuế quan phải cấp ngay cho giấy chấp chiếu khai rõ thuế mà thuyền đã nạp đầy đủ hoàn toàn. Nếu thuyền đó tùy tiện chờ đi cửa khác, thì đem giấy chấp chiếu ấy trình quan thuế quan xét nghiệm quả thật sẽ khỏi phải nạp thuế thuyền lần nữa. Lại hễ thuyền buôn của các nước ngoài đến buôn ở cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương, thì mỗi khi từ nước ngoài chờ đến nước Đại Nam một chuyến chỉ phải nạp thuế một lần mà thôi.

Khoản 21: Phàm thuyền buôn các nước ngoài đã tiến vào các cửa biển của nước Đại Nam hiện được chuẩn cho khai thương, nếu đem một ít hàng hóa dỡ lên cửa ấy, thì chỉ chiếu theo số hàng đã dỡ lên mà nạp thuế. Còn dư thì tùy ý mang qua cửa khác dỡ lên bán, thì đợi khi nào đến cửa khác sẽ nộp thuế. Nếu khi ở cửa này đã nạp thuế hết thấy,

rồi lại muốn chở đi cửa khác để bán, thì phải báo rõ ra cho quan lãnh sự biết, để quan lãnh sự tư cho quan thuế quan khám nghiệm quả là nguyên [156a] phong, không hề động đến, thì nên cấp cho bằng biên chú rõ là hàng hóa này đã nạp thuế ở cửa nào rồi để người buôn khi đến cửa khác, chỉ đem bằng biên trình quan lãnh sự, quan lãnh sự chuyển báo với quan thuế quan sở tại xét nghiệm mà miễn thuế, rồi cấp ngay cho bài chỉ dỡ hàng, miễn hết cho tất cả các thứ tổn phí. Nếu khi quan thuế quan xét nghiệm hàng hóa, mà phát hiện ra được các hàng hóa lậu thuế, với các tình tiết gian trá có chứng cứ xác thực thì liền đem các thứ hàng hóa ấy tịch thu bỏ vào kho thuế quan hết.

Khoản 22: Phàm các hàng hóa để trong thuyền buôn, trừ những hạng khi có cấp văn bằng riêng, và gặp có việc cần phải chuyên chở gấp thì không kể, ngoài ra không được tự tiện chuyên chở thuyền hàng này đến nơi khác, nếu có gặp sự nguy hiểm gì thì người buôn ấy phải trình báo rõ với quan lãnh sự, cấp cho giấy chấp chiếu, đệ trình lên quan thuế quan phê chuẩn, nhưng phải sức cho nha thuộc phải đến khám xét tại chỗ, nếu không phải gặp sự nguy hiểm và chưa lĩnh văn bằng, mà dám tự tiện vận chuyển, thì những hàng hóa vận chuyển đó đều tịch thu hết sung vào kho thuế quan.

Khoản 23: Phàm các nha thự thuế quan ở các cửa biển của nước Đại Nam đã được khai thương, đều phải lĩnh mỗi nơi một bộ đủ hạng cân, mã, trượng, xích, do Bộ Hộ của nước Đại Nam ban cấp và lại phải nhận thêm một bộ nữa đưa đến sở quan lãnh sự thu trữ. Còn các hạng cân, thước nặng nhẹ, dài ngắn đều y một dạng như của nước Đại Nam thường dùng không khác gì hết. Mỗi cái đều khắc dấu tích của Bộ Hộ để làm mẫu mực. Hễ cân đo hàng hóa trong thuyền và để đánh thuế và chi cấp số bạc, thường dùng số cân mã ấy mà cân giao. Gặp khi hai bên tranh chấp vì sự nặng nhẹ dài ngắn không chuẩn định được, thì lấy cân thước ấy mà định.

Khoản 24: Phàm các người buôn, chủ thuyền ra vào thông thương ở các cửa, có ai dám chở trộm hàng hóa gì ra vào các cửa, không kể chở nhiều hay ít, hạng gì, giá nào, với chở hàng cấm vận mà giả mạo trá hình để bóc lên bộ, đều do các quan địa phương xét bắt tịch thu nạp vào kho công, triều đình nước Đại Nam lại có thể sức cho những phường buôn bán gian ấy phải nạp thuế xong rồi thả ra ngay; sau này không được trở lại buôn bán ở các cửa biển của nước Đại Nam nữa. Lại như thuyền buôn của nước này mà lại dám mạo dụng hiệu cờ của nước khác, thì do quan nước Đại Pháp tùy tiện kiểm cách ngăn cấm trừng phạt, để triệt thói điều. Lại hễ bạc phạt và hàng hóa tịch thu phát mãi được bao nhiêu đều bỏ vào kho thuế quan hết.

Khoản 25: Đại Hoàng đế nước Đại Pháp [156b] có thể tùy tiện phái binh thuyền đến đóng tại các cửa biển hiện chuẩn cho được khai thương của nước Đại Nam, để trấn áp thủy thủ các thuyền buôn và để giúp thêm uy lực cho quan lãnh sự. Lại định quy chế ước thúc riêng để cho các binh thuyền ấy đóng ở các cửa, khỏi xảy ra những trở ngại khác. Những binh thuyền ấy đều khỏi phải nạp các hạng tiền lương.

Khoản 26: Các binh thuyền của nước Đại Pháp qua lại bảo vệ các thuyền buôn hễ đến cửa biển nào của nước Đại Nam, đều lấy tình hữu nghị mà tiếp đãi. Các binh thuyền ấy cho được phép tùy tiện mua sắm các thứ ăn dùng. Nếu có bị hư hỏng, cũng có thể mua các hạng liệu để sửa chữa lại, đều không trở ngại gì. Thuyền buôn của các nước ngoài, nếu có hư hỏng, hoặc bị nạn gió nguy cấp... cần phải vào cửa ngay để ẩn núp, không kể là vào cửa nào, cũng phải đối đãi theo lệ ấy, nhưng các thuyền ấy cũng chỉ nên ở tạm, đợi lặng gió là phải đi ngay, không được ở lâu cất dỡ hàng hóa lên buôn bán. Nếu các thuyền ấy không may bị chìm, hoặc vỡ ở gần bờ biển của nước Đại Nam, khi quan sở tại đã được tin báo, thì phải cho cấp cứu ngay và phải tìm cách giúp đỡ cho các thứ cần dùng, cứu vớt những hàng hóa của các thuyền ấy, rồi phải tư báo cho quan lãnh sự ở gần nhất, để quan lãnh sự hội đồng với quan địa phương, giúp cách gì cho những người thủy thủ được trở về nước, và quy trí các hạng của cải ván gỗ hiện vớt lên được lại một chỗ. Nếu vớt lên được hàng hóa hạng gì, số là bao nhiêu sẽ trả lại cho nguyên chủ. Còn như cửa Thuận An, là chỗ gần đường sông của kinh thành nước Đại Nam, vì vậy các hạng binh thuyền ấy không được chèo đến trú nghỉ. Nếu như binh thuyền của nước Đại Pháp có vâng mệnh phái đệ một công việc gì cho triều đình nước Đại Nam, hoặc cho quan khâm sứ mà khẩn thì lúc đó phải được nước Đại Nam phê chuẩn cho vào cửa, mới được vào.

Khoản 27: Những thuyền buôn của nước Đại Nam đến buôn bán ở nước Đại Pháp, hoặc ở các cửa biển thuộc 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc địa, cũng chỉ được chiếu theo thể lệ thuyền buôn của các nước rất thân của nước Đại Pháp mà nạp các hạng thuế thuyền một loạt như nhau.

Khoản 28: Triều đình nước Đại Pháp lại muốn xin y những điều đã nói trong khoản thứ 2 của Hòa ước ngày 15 tháng 3 dương lịch năm nay, ra sức đánh dẹp hết những bọn phi làm ngáng trở các đường buôn thủy và bộ, nhất là ở những cửa biển, những phố, hiện tại mới đương khai thương, để cho những người buôn nhờ thế mà được đi lại buôn bán làm ăn sinh sống.

Khoản 29: Bản Thương ước cũng nên cùng với bản Hòa ước mới năm nay (ngày 27 tháng Giêng lịch Nam, ngày 15 tháng 3 lịch Tây) tham chiếu thi hành một thể. [157a] Hễ khi nào việc hồ giao xong, thì hai nước nên tuân theo ngay. Nếu thương ước này có thể làm được xong với hòa ước cũng giao một thể, hoặc có hơi chậm cũng không được quá ngày 15 tháng 3 Tây năm sau. Do đó mà các quan khâm sứ giao toàn quyền của hai nước đến ký tên đóng ấn, để làm bằng cứ. Thương ước này làm bằng chữ Nam, chữ Tây mỗi thứ đều hai bản, đối chiếu hai thứ chữ đều phù hợp thỏa định ở phủ Nguyên soái thành Gia Định, ngày 20 tháng Bảy năm Tự Đức thứ 27, tức là ngày 31 tháng 8 năm 1874./.